



Báo cáo thường niên năm 2010

SBS • Cửa ngõ kết nối đầu tư



Sacombank-SBS
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Tên tiếng Anh	SACOMBANK SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	SACOMBANK-SBS
Trụ sở chính	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại	(84-8) 6268 6868
Fax	(84-8) 6255 5957
Website	www.sbsc.com.vn

Mục Lục

06 Lời chào

Lời mở đầu

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

11 Tổng quan

Lịch sử hoạt động của công ty

Tình hình kinh tế vĩ mô & thị trường chứng khoán

Đánh giá các mảng hoạt động của công ty năm 2010

31 Tình hình hoạt động

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo của Ban Điều Hành

43 Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính riêng lẻ

107 Các công ty có liên quan

SBS Global Investment Pte Ltd.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn

Thương Tín Campuchia

Công ty Đại chúng Chứng khoán Lanexang

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín

117 Tổ chức nhân sự

Cơ cấu tổ chức nhân sự của công ty

Thành viên Ban Điều Hành

Quyền lợi của Ban Điều Hành

Tình hình nhân sự và các chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên

123 Thông tin cổ đông & quản trị công ty

Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Giao dịch cổ đông nội bộ / cổ đông lớn và người liên quan

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên

Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc

133 Thông tin liên lạc

Lời mở đầu

Tầm nhìn

Tầm nhìn chiến lược 10 năm (giai đoạn 2010-2020) của Sacombank-SBS là hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư tại Đồng Dương với quy mô và hoạt động mang tầm vóc quốc tế.

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Sacombank-SBS là không ngừng tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cán bộ nhân viên, khách hàng và đối tác; là cầu nối hiệu quả giữa thị trường vốn và nhà đầu tư đồng thời góp phần vào sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam và khu vực Đồng Dương.

Triết lý kinh doanh

1. Khách hàng là định hướng phục vụ
2. Tạo dựng và chuyển giao những gói sản phẩm tài chính hoàn hảo với chất lượng cao nhất
3. Tôn trọng sự minh bạch và tuân thủ pháp chế.

Thông điệp & thương hiệu

“SBS - Cửa ngõ kết nối đầu tư” không chỉ đơn thuần là câu thông điệp mà đó còn là định vị thương hiệu nhằm thể hiện khả năng kết nối vốn đa chiều, đa dạng và linh hoạt hàng đầu của Sacombank-SBS.

Mục tiêu chiến lược

1. Xây dựng và phát triển mô hình ngân hàng đầu tư
2. Gia tăng giá trị cổ đông
3. Thỏa mãn nhu cầu khách hàng về sản phẩm, dịch vụ và chất lượng
4. Mang lại sự thịnh vượng cho nhân viên
5. Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Kính Thưa Quý Cổ Đông!

Năm 2010 vừa qua là một năm được đánh dấu với nhiều biến động của nền kinh tế Việt Nam chúng ta. Thâm hụt lớn về thương mại quốc tế, áp lực tỷ giá, chính sách thắt chặt tiền tệ, lạm phát trong nước tăng cao, cùng với những tác động tiêu cực từ khủng hoảng nợ công của các nền kinh tế thuộc khối đồng tiền chung Châu Âu, đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế vĩ mô Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng.

Thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu với VN-Index tại mốc 517 điểm vào ngày 04/01/2010 và kết thúc ở mức 484 điểm vào ngày 31/12/2010. Thị trường diễn biến với tính thanh khoản kém và suy giảm mạnh ở các tháng thuộc quý III và quý IV của năm. Khả năng hấp thụ các đợt IPO mới của doanh nghiệp yếu, do sự sụt giảm nghiêm trọng của dòng tiền chảy vào thị trường. Những diễn biến tiêu cực của năm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của các thành viên thị trường, đặc biệt là các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Với bối cảnh không khả quan của thị trường, Sacombank-SBS kết thúc năm tài chính 2010 với kết quả doanh thu đạt 1.377,2 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 101,67 tỷ đồng; đạt ở mức khá so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên chúng tôi tin rằng, kết quả trên là một kết quả không làm hài lòng tất cả chúng ta so với mục tiêu đặt ra từ đầu năm 2010. Đây sẽ là áp lực, đồng thời cũng là động lực để Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, và Ban Điều Hành của Sacombank-SBS nỗ lực, phấn đấu hết mình, không ngừng sáng tạo, tìm kiếm những giải pháp kinh doanh tốt, nhằm tạo ra những tăng trưởng an toàn, ổn định, và hiệu quả trong giai đoạn 2011-2015.

Trước những khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm qua, Sacombank-SBS đã nhanh chóng tái cơ cấu bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, đa năng hơn, đồng thời tập trung công tác quản lý chi phí, cũng như tái cấu trúc mạnh mẽ cơ cấu nguồn vốn và sản phẩm nhằm nâng cao tính an toàn và hiệu quả trong hoạt

động. Trong năm qua, tận dụng sự trầm lắng của thị trường, Sacombank-SBS cũng đã tập trung nguồn lực cho công tác cải tạo, thiết kế và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: hệ thống giao dịch, hệ thống quản lý sản phẩm, hệ thống hỗ trợ giao dịch (Back-Office), hệ thống kế toán tài chính, kho dữ liệu (Data Warehouse), hệ thống dự phòng khủng hoảng (Disaster Recovery Plan – DRP), chuẩn bị công suất dự phòng nhằm sẵn sàng đáp ứng một cách hiệu quả cho sự phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển 5 năm tới. Trong năm 2010, Sacombank-SBS cũng cho ra đời và đưa vào hoạt động hai công ty chứng khoán thành viên là công ty Đại chúng Chứng khoán Lanexang (Lanexang Securities PLC) và công ty chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín Campuchia (Sacombank Securities Cambodia PLC) tại hai nước cận biên Lào và Campuchia, nhằm thực hiện sứ mệnh trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư tại Đông Dương. Đặc biệt, tại thị trường Lào, chỉ sau một thời gian ngắn thành lập và đi vào hoạt động, công ty Chứng khoán Đại chúng Lanexang đã nhanh chóng phát triển trở thành công ty chứng khoán hàng đầu về thị phần,

hiệu quả kinh doanh, nguồn vốn và uy tín thương hiệu tại thị trường mới này.

Trong giai đoạn 2011-2015, Sacombank-SBS tập trung thực hiện **chiến lược phát triển lấy “An Toàn” làm trọng tâm, “Ổn Định” và “Hiệu Quả” làm định hướng**. Lấy chất lượng dịch vụ, trình độ công nghệ, sự đa dạng hóa về sản phẩm, tính sáng tạo và không ngừng đổi mới trong hoạt động, năng lực quản trị, giám sát điều hành làm lợi thế cạnh tranh, nhanh chóng đưa Sacombank-SBS trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu cung cấp đầy đủ các sản phẩm chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư tại các thị trường vốn Đông Dương.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành của Sacombank-SBS, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng Sacombank-SBS trong thời gian qua. Hội Đồng Quản Trị mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ hết lòng của quý cổ đông trong chặng đường chinh phục thị trường vốn Đông Dương của công ty trong thời kỳ tới.

Xin kính chúc quý vị cùng gia quyến sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Nguyễn Hồ Nam



Tổng quan

- 12 Lịch sử hoạt động của công ty
- 14 Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán
- 20 Đánh giá các mảng hoạt động của công ty năm 2010



Lịch sử hoạt động của công ty

SBS – Cửa ngõ kết nối đầu tư

Là một trong những thành viên năng động của tập đoàn Sacombank - Tập đoàn kinh tế tư nhân đầu tiên Việt Nam, Sacombank-SBS niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) kể từ ngày 05/07/2010 với mã chứng khoán SBS.

Được thành lập vào cuối năm 2006, Sacombank-SBS là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp trọn gói dịch vụ chứng khoán và Ngân hàng đầu tư với chất lượng tốt nhất cho thị trường vốn trong nước và khu vực Đông Dương. Sacombank-SBS là công ty chứng khoán duy nhất hai năm liên tiếp được tổ chức The Asset (Hong Kong) trao tặng danh hiệu “Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam 2009 và 2010”, tiên phong có mặt tại thị trường Singapore, Lào và Campuchia.

Hội sở tọa lạc tại thành phố Hồ Chí Minh, Sacombank-SBS hiện có 08 văn phòng hoạt động trong và ngoài nước, bao gồm: Chi nhánh Sài Gòn, Chi nhánh Hoa Việt (tại thành phố Hồ Chí Minh), Chi

nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Vũng Tàu, Chi nhánh Tây Đô (tại thành phố Cần Thơ), SBS Global Investment Pte Ltd (Singapore), Sacombank Securities (Campuchia) PLC và Lanexang Securities PLC (Lào) và có quan hệ chặt chẽ với hơn 80 tổ chức tài chính hàng đầu khu vực và trên thế giới nhằm thực hiện cam kết là “Cửa ngõ kết nối đầu tư hàng đầu Đông Dương”.

Tập đoàn Sacombank – Vì cộng đồng, phát triển địa phương

Hình thành, phát triển và trưởng thành từ thị trường vốn Việt Nam từ năm 2008, Tập đoàn Sacombank mà hạt nhân chính là Ngân hàng Sacombank, hiện nay đã có 12 thành viên hoạt động hiệu quả ở lĩnh vực tài chính và phi tài chính như chứng khoán, quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, cho thuê tài chính, vàng bạc đá quý, môi giới địa ốc, du lịch và giáo dục. Cùng với xu hướng phát triển hội nhập toàn cầu, Tập đoàn Sacombank đặt mục tiêu trở thành Tập đoàn kinh tế đa chức năng, đa sở hữu, có quy mô tổng tài sản tương đương 100 tỷ USD, và là Tập đoàn kinh tế tư nhân tốt nhất khu vực Đông Dương.



Các cột mốc quan trọng

Năm 2011

25/01/2011

Tăng vốn điều lệ lên là 1.266,6 tỷ đồng

20/01/2011

- Lần thứ hai đạt danh hiệu “Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam 2010” - tổ chức The Asset (Hong Kong) bình chọn
- SBS huy động được 6.000 tỷ đồng (cổ phiếu khoảng 2.500 tỷ đồng, trái phiếu khoảng 3.500 tỷ đồng)

10/01/2011

Hãng thông tấn Thomson Reuters bình chọn Top 3 Môi giới và Nghiên cứu thị trường năm 2010

Năm 2010

17/11/2010

- Thành lập công ty Đại chúng Chứng khoán Lanexang tại Lào.
- Tư vấn niêm yết thành công cổ phiếu BCEL (Ngân hàng Ngoại thương Lào) – một trong 2 cổ phiếu đầu ngành được UBCK Lào chọn cho giao dịch vào ngày đầu khởi động thị trường chứng khoán Lào (11/01/2011)

20/10/2010

Thành lập công ty chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia (SBS-Cambodia) tại vương quốc Campuchia

05/07/2010

Niêm yết cổ phiếu trên HOSE với mã chứng khoán SBS

28/01/2010

Chuyển đổi từ công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín sang công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

13/01/2010

Đón nhận giải thưởng “Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam 2009” do tổ chức The Asset (Hong Kong) trao tặng

Năm 2009

30/10/2009

Thành lập công ty SBS Global Investment Pte Ltd tại Singapore

01/09/2009

Cung cấp toàn diện và đầy đủ dịch vụ Ngân hàng đầu tư cho thị trường vốn Việt Nam

Năm 2008

02/07/2008

Chuyển trụ sở chính đến 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Năm 2007

11/09/2007

Tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng

Năm 2006

29/09/2006

- Thành lập công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- Trụ sở chính 6-8 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng
- Nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán

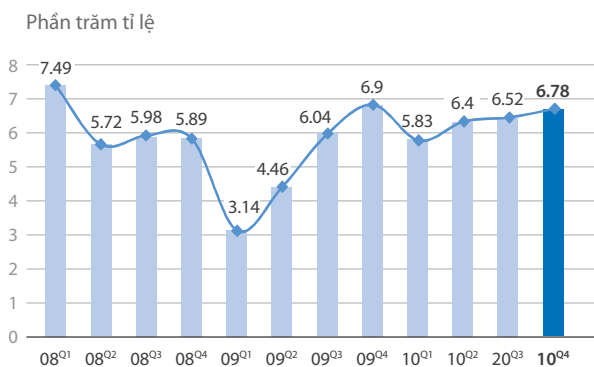
Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán

Kinh tế vĩ mô

Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh những điểm sáng thể hiện thành tựu đạt được, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức xoay quanh các vấn đề như tỷ giá, lạm phát và lãi suất.

GDP vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% năm 2010 của Chính phủ đề ra đã được hoàn thành sớm chỉ sau 9 tháng đầu năm. Tăng trưởng GDP phục hồi dần vào cuối năm, bứt phá mạnh mẽ trong quý III và quý IV. Kết thúc năm 2010, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước đạt 6,78%.

Tốc độ tăng trưởng GDP theo Quý

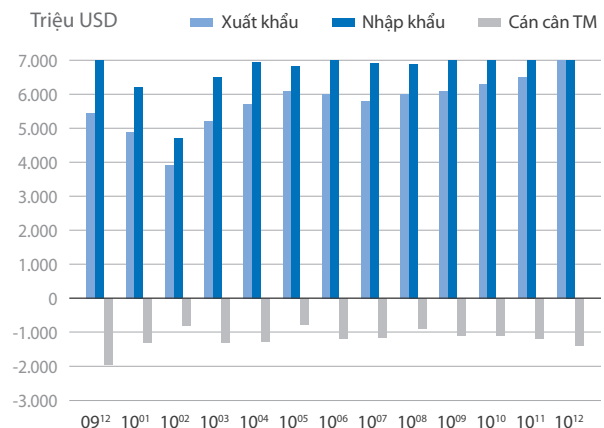


Nguồn: GSO, SBS

Thâm hụt thương mại tuy giảm song vẫn ở mức cao, gây áp lực lên cán cân thanh toán. Kết thúc năm 2010, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 71,63 tỷ USD, tăng 25,5% so với năm 2009, gấp ba lần kế hoạch tăng trưởng đặt ra từ đầu năm. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu đạt trên 84 tỷ USD, tăng 20,1% so với năm 2009. Như vậy, nhập siêu cả nước

năm 2010 là 12,4 tỷ USD, thấp hơn kế hoạch 13,5 tỷ USD và bằng 17,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm. Thâm hụt thương mại tuy có giảm nhưng vẫn ở mức khá cao (cao hơn vốn FDI giải ngân là 11 tỷ USD và lượng kiều hối ước tính là 8 tỷ USD) bởi các doanh nghiệp Việt Nam hầu hết phải nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Điểm tích cực là trong xu thế phục hồi chung của giá cả hàng hóa thế giới, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu khiến thâm hụt thương mại phần nào hạ nhiệt. Tuy nhiên, một khi nhập siêu còn tồn tại thì cán cân thanh toán vẫn sẽ phải chịu áp lực không nhỏ. Và khi đó, tính ổn định vĩ mô sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực nhất là trong bối cảnh dự trữ ngoại hối của Việt Nam đang giảm dần.

Xuất nhập khẩu theo tháng



Nguồn: GSO, SBS

Hoạt động đầu tư đạt nhiều kết quả tích cực.

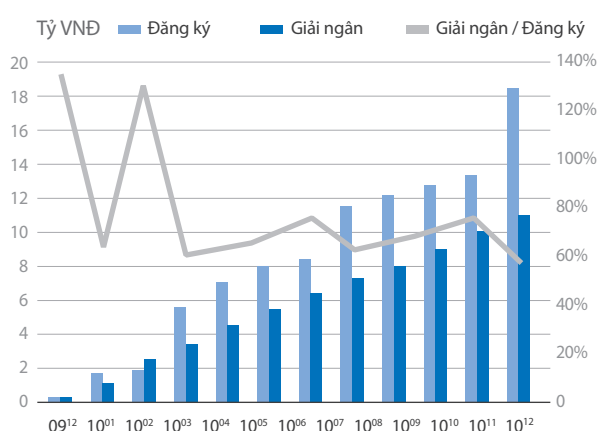
Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm 2010 đã đạt được những kết quả tích cực. Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 830,3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2009 và bằng 41,9% GDP. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước là 316,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 38,1% tổng vốn và tăng 10%; khu vực ngoài Nhà nước 299,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 36,1% và tăng 24,7%; khu vực có vốn đầu tư trực

tiếp nước ngoài 214,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,8% và tăng 18,4%.

Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tính đến cuối năm 2010, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,6 tỷ USD, chỉ bằng 82,2% cùng kỳ năm 2009. Tuy nhiên, giải ngân FDI đạt 11 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2009. Kinh doanh bất động sản là lĩnh vực dẫn đầu vốn đăng ký với 6,8 tỷ USD, tiếp theo là công nghiệp chế biến, chế tạo với 5 tỷ USD. Một môi trường cạnh tranh lành mạnh hơn, tỷ giá ổn định cùng tăng trưởng kinh tế bền vững sẽ tạo ra một sức hút đáng kể, tăng năng lực cạnh tranh của Việt Nam với các nước khác trong khu vực trong việc thu hút vốn FDI. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế trong hiệu quả đầu tư, tình trạng chậm trễ trong giải ngân nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, lãng phí và thất thoát vốn đầu tư ở tất cả các khâu của quá trình quản lý dự án đầu tư vẫn còn tồn tại.

FDI theo tháng

Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài theo tháng



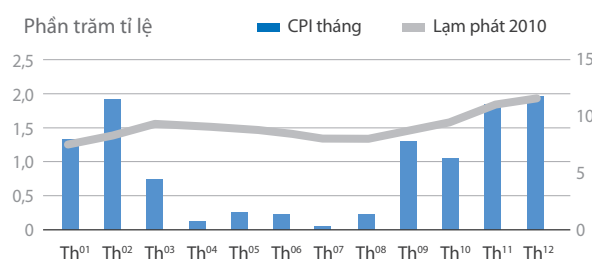
Nguồn: GSO, SBS

Áp lực lạm phát gia tăng gây bất ổn cho nền kinh tế. Kết thúc năm 2010, lạm phát ở mức 11,75%. Nguyên nhân gây ra lạm phát cao trong năm qua chủ yếu là do:

- Cơ cấu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chủ yếu dựa vào vốn đầu tư trong khi việc sử dụng vốn lại không hiệu quả;
- Sự tăng giá các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu và điện, cùng sự tăng lên của giá cả nguyên vật liệu thế giới;
- VND đã mất 5,4% giá trị trong năm 2010.

Biến động CPI theo tháng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) theo tháng



Nguồn: GSO, SBS

Lãi suất duy trì ở mức cao. Năm 2010, với việc Ngân hàng nhà nước (NHNN) chấp thuận sử dụng lãi suất huy động và cho vay theo cơ chế thỏa thuận, lãi suất cơ bản chủ yếu chỉ còn giữ vai trò tham chiếu trên thị trường liên ngân hàng. Cuộc cạnh tranh thu hút khách hàng khiến các ngân hàng đẩy lãi suất lên cao cùng nhiều chương trình khuyến mại. Không còn hỗ trợ lãi suất từ chính phủ, các doanh nghiệp đã phải đi vay với lãi suất cao khiến tình hình sản xuất kinh doanh trở nên khó khăn hơn.

Mặt bằng lãi suất cao đã gây ra nhiều trở ngại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tác động gây cản trở đà tăng trưởng kinh tế, gây sức ép làm tăng lạm phát không chỉ những tháng cuối năm 2010 mà có thể cả trong năm 2011.

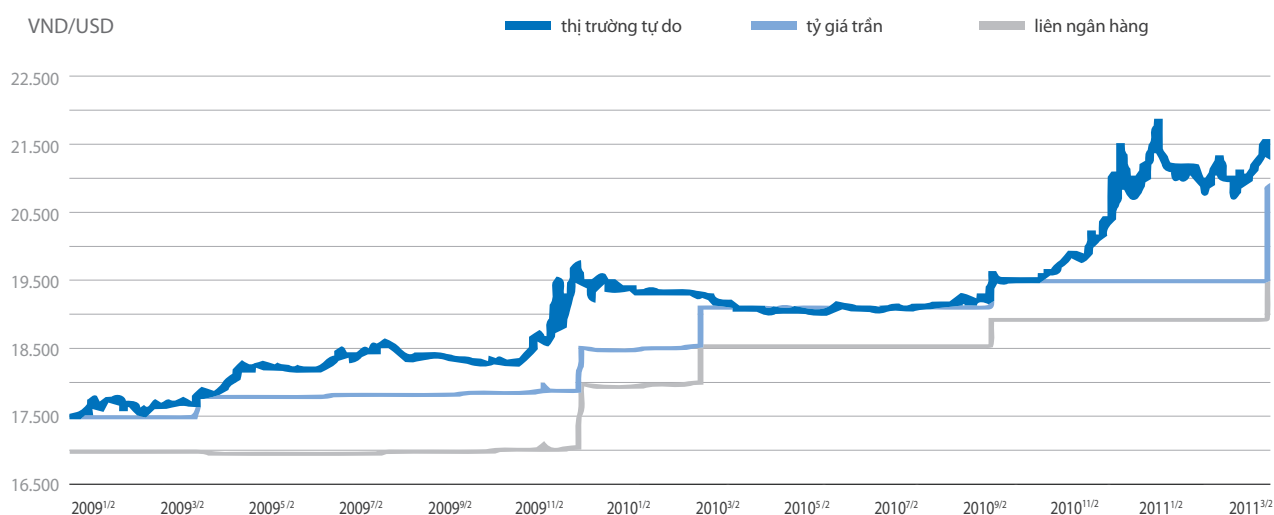
Tỷ giá 2010 biến động mạnh. Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 là khá phức tạp. Mặc dù NHNN đã điều chỉnh nâng tỷ giá liên ngân hàng hai lần vào

tháng 2 và tháng 10, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do tới 10%. Đến cuối tháng 12/2010, tỷ giá trên thị trường tự do ở mức 20.980 – 21.080 đồng/USD.

dự kiến đầu năm 2010 (khoảng 25%). Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng bằng VND là 25,34%, trong khi bằng ngoại tệ lên tới 37,76%. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là do chênh lệch lãi suất giữa đồng VND và ngoại tệ (chủ yếu là USD). Bên cạnh đó, việc NHNN mở rộng thêm đối tượng được vay

Biến động tỷ giá VND/USD

Biến động tỷ giá VND/USD từ năm 2009 đến nay



Nguồn: NHNN và Vietstock tổng hợp

Những bất ổn về tỷ giá có nguyên nhân sâu xa từ những bất ổn về kinh tế vĩ mô. Đó là bội chi cao, nhập siêu lớn và hiệu quả đầu tư công thấp, làm cho cầu ngoại tệ luôn lớn hơn cung ngoại tệ. Bên cạnh đó hiện tượng đầu cơ và tâm lý cũng gây áp lực mạnh mẽ lên tỷ giá. Những bất ổn trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái đã tiếp tục gây ra những khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Ngoài ra, tiền đồng mất giá cũng làm ảnh hưởng đến lạm phát trong nước do giá hàng nhập khẩu tăng mạnh.

Hệ thống Ngân hàng khó huy động vốn do tăng trưởng tín dụng cao. Tăng trưởng tín dụng năm 2010 đạt 27,65% cao hơn đáng kể so với chỉ tiêu

vốn bằng ngoại tệ cũng là một lý do. Điều này đã gây ra nguồn cung “ảo” trên thị trường ngoại hối, khi một lượng tín dụng ngoại tệ quy đổi sang VND để đưa vào sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, khi các hợp đồng vay ngoại tệ này đáo hạn, nguồn cung ảo đó hạn chế và đối nghịch ở áp lực mua ngoại tệ trả nợ đã góp phần thổi bùng cơn sốt tỷ giá trong thời gian vừa qua. Ngoài ra, tăng trưởng tín dụng cao đã tạo áp lực lớn lên lạm phát và tính ổn định của hệ thống ngân hàng.

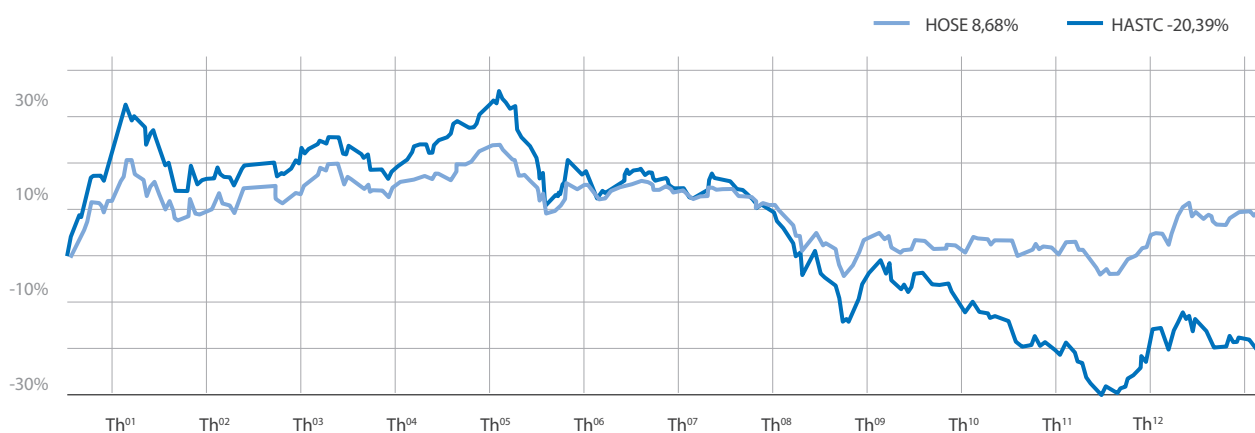
Thị trường chứng khoán

Xu hướng chủ đạo của thị trường trong năm 2010 là những phiên giao dịch đi ngang và tích lũy. Những phiên tăng điểm ấn tượng đã từng xảy

ra trong năm 2009 đã không lặp lại. Mặc dù, trong năm 2010, số phiên giảm điểm ít hơn số phiên tăng điểm (VN-Index đã có 135 phiên tăng điểm và 114 phiên giảm điểm) nhưng VN-Index đã đánh mất mốc 500 điểm còn HNX-Index rất khó khăn mới trụ lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 100 điểm.

Ngay từ tháng 2/2010, việc NHNN tăng tỷ giá USD/VND 3,3% đồng thời áp dụng cơ chế cho vay theo lãi suất thỏa thuận đã cảnh báo về một năm nhiều biến động của nền kinh tế Việt Nam. Những lo ngại về lạm phát, nợ công, tỷ giá và lãi suất khiến tâm lý nhà đầu tư không ổn định. Các yếu tố vĩ mô này đã khiến thị trường đi ngang trong nhiều tháng và làm các nhà đầu tư mất niềm tin.

Đã có lúc người ta nghĩ về một cuộc “suy thoái kép” diễn ra tại Mỹ khi mà kể từ cuối tháng 4, ba chỉ số chứng khoán chính trên thị trường chứng khoán Mỹ đồng loạt lao dốc về các mốc thấp kỷ lục (tính đến thời điểm hiện tại, Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq cùng lập đáy lần lượt tại 9.686,48 điểm, 1.022,58 điểm và 2.091,79 điểm ngày 02/07/2010). Những vấn đề bất ổn nền kinh tế thế giới đã gây ra những tác động tâm lý tiêu cực đến nhà đầu tư Việt Nam khiến VN-Index bắt đầu rơi từ mức đỉnh 549,51 điểm ngày 06/05/2010. Tuy nhiên, đến nay khi hầu hết các chỉ số chứng khoán lớn trên thế giới đều có sự hồi phục nhất định (Dow Jones đã lấy lại được mốc 11.000 điểm) thì tâm lý lo ngại và thận trọng quá mức của nhà đầu tư Việt Nam đã



Nguồn: SBS

Thị trường chứng khoán thế giới biến động mạnh. Ngày 05/11/2009, chính phủ Hy Lạp công bố mức thâm hụt ngân sách của quốc gia này lên tới 12,7% GDP, gấp 4 lần mức cho phép của khu vực thuộc đồng tiền chung Châu Âu. Khi cuộc khủng hoảng nợ tại Hy Lạp bắt đầu leo thang trong tháng 3/2010, gây ra hiệu ứng domino trên toàn Châu Âu và ảnh hưởng của nó đã không còn dừng lại ở mức độ châu lục. Nước Mỹ – nền kinh tế lớn nhất thế giới có không ít mối liên hệ tài chính với Châu Âu thông qua hệ thống ngân hàng – là một trong những quốc gia chịu tác động lớn nhất.

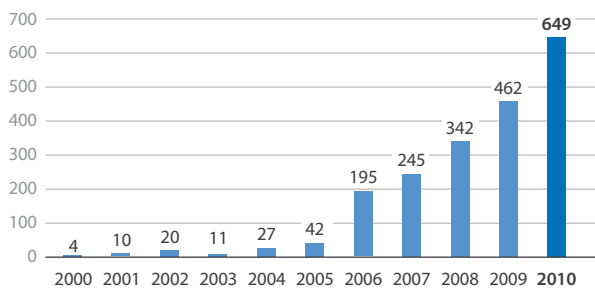
khiến thị trường không thể hồi phục, bất chấp nỗ lực mua ròng liên tiếp nhiều tuần của khối nhà đầu tư ngoại.

Lãi suất cao cùng nguồn cung cổ phiếu tăng vọt khiến tâm lý của nhà đầu tư trở nên thận trọng.

Trước những bất cập xung quanh câu chuyện trần lãi suất, NHNN đã cho phép thả nổi lãi suất huy động và cho vay trong năm 2010. Tình trạng cạnh tranh gần như ngay lập tức diễn ra giữa các ngân hàng khiến mặt bằng lãi suất bị đẩy lên cao. Lãi suất cho vay nhiều thời điểm lên đến hơn 20%

khiến việc vay ngân hàng để đầu tư vào chứng khoán chịu rủi ro cao. Dòng tiền theo đó cũng chảy ít hơn vào thị trường chứng khoán. Thanh khoản thấp (có phiên giao dịch, giá trị giao dịch cả hai sàn chưa đạt 1.000 tỷ đồng) trong nhiều phiên giao dịch ảm đạm, khiến nhà đầu tư chán nản, muốn rời bỏ thị trường. Thậm chí, khi thị trường đi ngang trong một thời gian tương đối dài, nhà đầu tư lại hướng sự quan tâm của mình nhiều hơn đến khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch, coi đó như là một thước đo sự hồi phục của thị trường. Không thu hút được dòng tiền nhưng số lượng cổ phiếu niêm yết tăng vọt (tính đến hết năm 2010 đã có thêm tổng cộng 187 công ty niêm yết trên cả 2 Sở giao dịch chứng khoán khiến nhà đầu tư bị “bội thực” trước nguồn cung cổ phiếu.

Số lượng công ty niêm yết



Nguồn: HSX, HNX, SBS

Sự thăng hoa của nhóm cổ phiếu có vốn hóa vừa và nhỏ. Dòng tiền yếu khiến các cổ phiếu có vốn hóa lớn (blue-chips) trở nên “đắt đỏ” và ít hấp dẫn. Vì vậy, với thị giá thấp hơn, các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (penny-chips) là lựa chọn ưa thích của nhà đầu tư năm 2010 và cổ phiếu của các công ty có vốn hóa lớn dường như chỉ là “cuộc chơi” của các tổ chức. Chưa năm nào tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của các công ty vừa và nhỏ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán lại

được quan tâm nhiều như năm 2010. Với xu hướng này đã làm cho giao dịch tại HNX, nơi tập trung đa số các cổ phiếu vừa và nhỏ cũng ghi nhận những tăng trưởng đột biến. Không ít phiên giao dịch, thanh khoản tại HNX đã bằng thậm chí vượt HOSE. Trong “top 5” cổ phiếu được khớp lệnh nhiều nhất được thống kê đều đặn sau mỗi phiên giao dịch, xen lẫn những mã blue-chips chủ chốt là những mã penny-chips với khối lượng giao dịch đến cả triệu cổ phiếu. Thiếu sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn, sự tăng điểm của thị trường chứng khoán không bền, chỉ là những “sóng” nhỏ khi các penny-chips thu hút được dòng tiền đầu cơ.

Bên cạnh đó, năm 2010, tâm lý dè dặt và thận trọng quá mức của nhà đầu tư khiến ngay cả những cổ phiếu của các công ty có kết quả kinh doanh khả quan nhất cũng không thể tăng mạnh, thậm chí giảm sâu và giao dịch dưới giá trị thực. Cổ phiếu mùa vụ cũng không còn hấp dẫn nhà đầu tư như năm 2009. Khi mà những vấn đề xoay quanh câu chuyện ổn định kinh tế vĩ mô vẫn chưa ngã ngũ, sự hồi phục và tăng trưởng của thị trường chứng khoán sẽ cần thêm thời gian, đặc biệt là cần sự hỗ trợ từ kinh tế vĩ mô.

Kết quả kinh doanh Sacombank-SBS

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2010 toàn công ty đạt 1.377,2 tỷ đồng tăng 614,3 tỷ đồng so với năm 2009. Tuy nhiên, chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2010 cao hơn nhiều so với chi phí này năm 2009 (tăng 760,4 tỷ đồng), cụ thể là 1.187,7 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh đạt 189,5 tỷ đồng giảm 146,4 tỷ đồng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 93 tỷ đồng giảm 183,7 tỷ đồng so với năm 2009.

Các sản phẩm, dịch vụ chính của Sacombank-SBS năm 2010

Dịch vụ Môi giới chứng khoán

Là một trong bốn công ty chứng khoán với thị phần môi giới dẫn đầu tại Việt Nam.

Trong năm 2010, mở thêm 11.672 tài khoản mới.

Dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Niềm yết thành công mới 10 công ty.

Doanh thu thuần dịch vụ tư vấn tài chính năm 2010 cao gấp 2,7 lần năm 2009.

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Giữ vững danh hiệu “Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam năm 2010” do Tạp chí The Assets trao tặng. Đây là lần thứ 2 liên tục dịch vụ Ngân hàng đầu tư nhận được giải thưởng này.

Dịch vụ Phân tích và Tư vấn đầu tư

Phát hành hơn 300 báo cáo phân tích hữu ích; Tham dự các sự kiện và quảng bá thương hiệu: 66 lần;

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 98,3 tỷ đồng giảm 155,3 tỷ đồng so với năm 2009 và chỉ đạt 54,6% so với kế hoạch điều chỉnh được Đại hội đồng cổ đông số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2010.

Sau khi trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận sau thuế để lại cho cổ đông năm 2010 là 82,1 tỷ đồng.

Mặc dù kết quả kinh doanh không đạt được như kế hoạch đề ra, nhưng năm 2010, Sacombank-SBS, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên và định hướng đúng đắn của lãnh đạo công ty trong các thời điểm khó khăn, vẫn duy trì vị trí là một trong bốn công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam về dịch vụ môi giới chứng khoán.

Ngoài ra, Sacombank-SBS cũng đã đạt được rất nhiều mục tiêu phi tài chính và tiếp tục nhận được danh hiệu “Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam 2010” do Tạp chí The Asset (Hong Kong) trao tặng.



Đánh giá các mảng hoạt động của công ty năm 2010

DỊCH VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Giới thiệu chung

Ngay từ khi mới thành lập, Sacombank-SBS luôn là một thương hiệu thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư bởi những lối đi riêng mà công ty khởi xướng trên thị trường tài chính Việt Nam. Công ty liên tục tìm hiểu, phát triển và ứng dụng các sản phẩm mới trong hoạt động môi giới chứng khoán, tiên phong trong việc tạo môi trường giao dịch trực tuyến thông qua hệ thống giao dịch STTrade phiên bản mới, đi đầu trong việc mở rộng phạm vi hoạt động ra các nước trong khu vực ASEAN như Singapore (2009) và Lào, Campuchia (2010). Bên cạnh đó, với phương châm **“Khách hàng làm định hướng phục vụ”**, Sacombank-SBS có mô hình quản lý rủi ro phân 3 cấp: Front – Middle – Back Office nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư.

Với cấu trúc các sản phẩm, dịch vụ môi giới đa dạng, tiên tiến cùng với hệ thống chi nhánh hoạt động tại các thành phố lớn trên cả nước, Sacombank-SBS đảm bảo tốt vai trò là nhà môi giới chứng khoán chủ chốt cho mọi đối tượng nhà đầu tư với những khác biệt về nhu cầu đầu tư, vị trí địa lý và phân loại khách hàng (từ cá nhân đến tổ chức, từ trong nước đến nước ngoài).

Thành tựu đạt được

Mặc dù mới được thành lập từ tháng 10/2006, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, Sacombank-SBS đã khẳng định được vị trí là một trong bốn công ty chứng khoán với thị phần môi giới dẫn đầu tại Việt Nam với 44.450 tài khoản giao dịch tại thời điểm cuối năm 2010.

Trong năm 2010, Sacombank-SBS đã mở thêm được 11.672 tài khoản mới, trong đó:

	Số tài khoản NĐT trong nước	Số tài khoản NĐT nước ngoài
Tổ chức	49	18
Cá nhân	11.384	221

Tính đến cuối năm 2010, số tài khoản khách hàng mở tại Sacombank-SBS lên tới 44.450 tài khoản, trong đó:

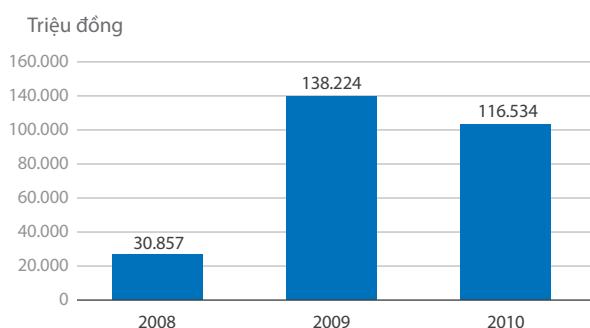
	Số tài khoản NĐT trong nước	Số tài khoản NĐT nước ngoài
Tổ chức	159	75
Cá nhân	42.745	1.471

Thị phần môi giới của Sacombank-SBS so với toàn thị trường

Chứng khoán	HOSE		HNX	
	2009	2010	2009	2010
Trái phiếu	10,7%	12,05%	7,88%	2,10%
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	7,77%	6,02%	4,18%	4,11%

Bên cạnh đó, Sacombank-SBS rất chú trọng vào phát triển nguồn nhân lực của cả công ty nói chung

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán (2008 - 2010)



và của Khối Môi giới nói riêng. Các nhân viên môi giới được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo chứng khoán và trong đó có 33 cán bộ nhân viên đã có chứng chỉ hành nghề.

Chiến lược phát triển mảng hoạt động môi giới

Sacombank-SBS đang phấn đấu trở thành nhà môi giới chuyên nghiệp lớn nhất Việt Nam. Các kế hoạch cụ thể bao gồm: tăng thị phần môi giới trong các nhóm khách hàng hiện tại, tập trung phát triển khách hàng tổ chức bao gồm trong nước và nước ngoài, phát triển số lượng tài khoản khách hàng. Theo kế hoạch trong năm 2011, số lượng tài khoản mở mới là 3.000 tài khoản và duy trì vị trí trong Top 5 công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần môi giới tại Việt Nam.

Phần mềm Front Office (bao gồm phần mềm cho nhân viên môi giới, phần mềm giao dịch trực tuyến và phần mềm chuyên biệt dành riêng cho các khách hàng VIP) dự tính sẽ đi vào sử dụng vào tháng 3/2011. Đây là phần mềm tiên tiến nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay. Phần mềm này có các tính năng ưu việt như: lệnh điều kiện, cảnh báo cho từng mã cổ phiếu, thông báo tự động về quyền mua, chia thưởng, tư vấn tự động thời gian thật (real-time) và tốc độ đặt lệnh nhanh hơn.

Mở rộng mạng lưới hoạt động: Tập trung mở rộng thị trường hoạt động sang các nước trong khu vực Đông Dương bao gồm Lào và Campuchia nhằm khẳng định vị thế của doanh nghiệp với khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, mạng lưới phát triển rộng rãi sẽ góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận và tạo đà phát triển bền vững cho Sacombank-SBS.

DỊCH VỤ TƯ VẤN DOANH NGHIỆP

Giới thiệu chung

Sacombank-SBS cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tư vấn doanh nghiệp bao gồm: Tư vấn phát hành chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu và trái phiếu chuyển đổi), Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên các Sở giao dịch Chứng khoán, Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A), Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và các nghiệp vụ khác liên quan đến tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Trong những năm vừa qua, đặc biệt là trong năm 2010, Sacombank-SBS đã chú trọng đầu tư nguồn nhân lực cho hoạt động tư vấn tài chính. Kết quả là trong năm 2010, Sacombank-SBS đã tư vấn thành công cho nhiều khách hàng lớn trong và ngoài nước, gây được tiếng vang và xây dựng được thương hiệu về tư vấn doanh nghiệp của Sacombank-SBS.

Sacombank-SBS cung cấp hầu hết các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước:

1. Tư vấn phát hành

Hỗ trợ doanh nghiệp phương án, quy trình và thủ tục phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi bao gồm phát hành riêng lẻ và chào bán ra công chúng.

2. Tư vấn niêm yết

Hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn hóa các điều kiện niêm yết cổ phiếu tại các Sở giao dịch chứng khoán, chuẩn bị hồ sơ và các thủ tục liên quan để niêm

yết cổ phiếu của doanh nghiệp trên các Sở giao dịch chứng khoán.

3. Tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

Tư vấn các phương án mua bán và sáp nhập cho doanh nghiệp phù hợp, hiệu quả đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong các thủ tục mua bán sáp nhập với các cơ quan hữu quan.

4. Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với ngành nghề kinh doanh, với giai đoạn phát triển và với định hướng phát triển của doanh nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tài chính mục tiêu bao gồm kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch huy động vốn, lộ trình và cơ cấu sở hữu phù hợp để tiến tới niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp trên các Sở giao dịch.

5. Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp và tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước

Hỗ trợ quy trình chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty cổ phần để phục vụ những mục tiêu tiếp theo của doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp trong các thủ tục chuyển đổi mô hình hoạt động với các cơ quan hữu quan.

Hỗ trợ các doanh nghiệp Nhà nước trong việc xây dựng phương án cổ phần hóa, bao gồm: phương án bán/phát hành thêm cổ phần, phương án cho cán bộ nhân viên và phương án bán/phát hành cho cổ đông chiến lược; tổ chức đại lý đấu giá cổ phần, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập... đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong các thủ tục liên quan đến cổ phần hóa với các cơ quan chức năng.

6. Các dịch vụ tư vấn khác

Tư vấn việc chào mua công khai, tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông, xây dựng báo cáo thường niên, tư vấn quan hệ cổ đông và các hoạt động tư vấn khác khi có yêu cầu của khách hàng.

Thành tích đạt được

Năm 2010, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Sacombank-SBS đã đạt được nhiều thành tích đáng kể với việc triển khai thành công những hợp đồng tư vấn lớn như:

a. Các hợp đồng tư vấn tiêu biểu

Loại hợp đồng	Logo	Mã CK
Niêm yết		
CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín		SCR
CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai		DLG
CTCP Dược SPM		SPM
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội		HBB
CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân		HQC
CTCP Sonadezi Long Thành		SZL
CTCP Bourbon Tây Ninh		SBT
CTCP Hữu Liên Á Châu		HLA
CTCP Tập đoàn Hoàng Long Long An		HLA
CTCP Công nghệ mạng và truyền thông		CMT
CTCP Đường Ninh Hòa		NHS

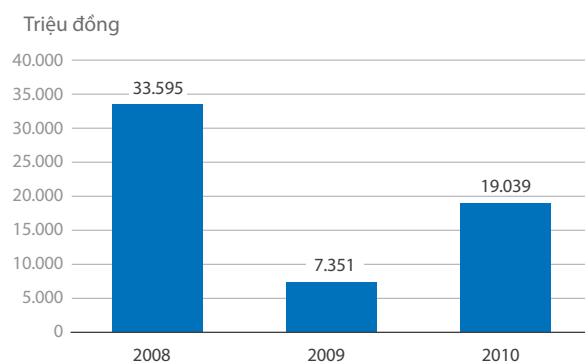
CTCP Minh Hữu Liên		MHL
CTCP Thế giới số Trần Anh		TAG
CTCP Kỹ thuật điện Toàn Cầu		GLT
Phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược		
CTCP Hoàng Anh Gia Lai		HAG
Phát hành cổ phiếu ra công chúng		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		STB
CTCP Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Điền		KDH
Cổ phần hóa và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Lào		
Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL)		BCEL

Ngoài ra, hoạt động tư vấn tài chính của Sacombank-SBS trong năm 2010 đã tạo được bước đột phá mới: Sacombank-SBS là công ty chứng khoán Việt Nam đầu tiên tham gia các hợp đồng tư vấn tài chính tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, đánh dấu bằng việc tư vấn cổ phần hóa và niêm yết thành công cổ phiếu của Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) – một trong hai công ty cổ phần đầu tiên được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Lào (LSX). Việc hoàn thành thành công hợp đồng tư vấn với BCEL là một bước ngoặt quan trọng của Sacombank-SBS trong quá trình mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh sang thị trường khu vực ASEAN.

b. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu, lợi nhuận năm 2010 của hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp tăng trưởng vượt trội so với các năm 2009, 2008 đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của Sacombank-SBS. Đây là kết quả của việc thực hiện chủ trương đúng đắn của Ban Điều Hành công ty: Mở rộng mạng lưới hoạt động sang thị trường các nước khu vực ASEAN, đẩy mạnh phát triển dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư, lấy phát triển dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư làm chiến lược phát triển lâu dài của công ty.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (2008 - 2010)



Chiến lược phát triển mảng hoạt động tư vấn doanh nghiệp

a. Chiến lược phát triển của Sacombank-SBS đối với dịch vụ tư vấn doanh nghiệp

Tiếp tục phát huy và nâng cao thương hiệu tư vấn doanh nghiệp hàng đầu khu vực thông qua nguồn nhân lực chất lượng cao, đa dạng hóa các dịch vụ tư vấn, tạo ra nhiều giá trị khác nhau cho doanh nghiệp, cũng như là đơn vị tiên phong tạo ra giá trị gia tăng cho các mảng nghiệp vụ khác như ngân hàng đầu tư và môi giới.

b. Kế hoạch cụ thể trong năm 2011 của Khối Tư vấn doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn đã ký kết năm 2010 và phấn đấu ký kết thêm các hợp đồng tư vấn tài chính mới;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn niêm yết cổ phiếu, phát hành chứng khoán;
- Thực hiện đa dạng hóa các dịch vụ gia tăng: tư vấn quan hệ cổ đông, tổ chức Đại hội cổ đông, xây dựng báo cáo thường niên;
- Xây dựng và phát triển bộ phận tìm kiếm khách hàng mới, nâng cao chất lượng nhân sự cho khối tư vấn thông qua đào tạo tại chỗ, cử đi đào tạo tại các trung tâm và vận động các nhân sự tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Phấn đấu đạt mục tiêu toàn bộ các chuyên viên tư vấn đạt được yêu cầu có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính phục vụ cho công việc tư vấn;
- Hỗ trợ chuyên gia tư vấn cho các công ty con, đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp tại các thị trường mới;
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường hoạt động sang Campuchia, Lào và các nước khác trong khu vực.

DỊCH VỤ PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Giới thiệu chung

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của thị trường chứng khoán những năm gần đây, nhu cầu của nhà đầu tư đối với các sản phẩm phân tích, tư vấn đầu tư chứng khoán cũng ngày càng cao cả về lượng và chất. Để đáp ứng được nhu cầu đó, Sacombank-SBS luôn nỗ lực hoàn thiện các sản phẩm của mình, đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới hữu ích cho các nhà đầu tư, từng bước khẳng định thế mạnh của một công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về mảng phân tích và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Từ tháng 4/2010, Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư (PT&TVĐT) đã xây dựng định hướng chiến lược mới với mục đích tạo uy tín trên thị trường bằng cách phát triển những chuyên gia có kiến thức sâu rộng về ngành. Sau gần một năm thay đổi chiến lược, Khối PT&TVĐT đã gây được ấn tượng mạnh với các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư tổ chức, với những sản phẩm nghiên cứu – phân tích về thị trường mang mục tiêu chính xác và kịp thời nhất bao gồm:



Báo cáo ngày – Phân tích kỹ thuật

Phân tích, cập nhật diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày

Báo cáo ngành

Kết hợp giữa khảo sát thực tế và sự nhận định – phân tích sâu sắc của các chuyên viên phân tích. Trong năm vừa qua, khối Phân Tích đã đưa ra hàng loạt Báo cáo về các ngành đang được quan tâm nhất tại Việt Nam, gây được sự chú ý trong giới tài chính trong và ngoài nước. Các nhận định về triển vọng ngành đã giúp khách hàng có những lựa chọn đầu tư phù hợp với sự biến đổi của thị trường tài chính.

Báo cáo vĩ mô – Phân tích thị trường

Phân tích, cập nhật diễn biến nền kinh tế vĩ mô, các chính sách mới có ảnh hưởng tới thị trường chứng khoán. Các báo cáo được công bố phân tích những thông tin công bố cuối tháng của Cục Thống kê, các chính sách từ Ngân hàng nhà nước và các ban ngành trong tháng.

Báo cáo phân tích thị trường trái phiếu

Phân tích thị trường Trái phiếu tại Việt Nam, cập nhật diễn biến thị trường trái phiếu theo mỗi tuần/quý/năm. Báo cáo này phân tích ảnh hưởng của thị trường trái phiếu, các dòng vốn có ảnh hưởng tới thị trường cổ phiếu.

Báo cáo phân tích doanh nghiệp

Bao gồm các báo cáo phân tích lần đầu và phân tích cập nhật định kỳ theo từng sự kiện đặc biệt và công bố kết quả kinh doanh. Sản phẩm này đang được khách hàng quan tâm nhất.

Tham gia các sự kiện để quảng bá thương hiệu Sacombank-SBS

- Tham dự các Talkshow ở Đài Truyền Hình như: bản tin cuối tuần của FBNC, phân tích kỹ thuật trên FBNC, trên kênh HTV1, SCTV8.
- Tham gia các talk show chứng khoán ngành - cộng tác độc quyền với VITV, trên kênh SCTV8, VTC8 trưa và tối Chủ Nhật cuối tháng.
- Hỗ trợ phân tích các road show niêm yết của các công ty: DLG, NHS, SPM, SCR, HQC, SBS, KDH, TAG, CMT.
- Thuyết trình cho khách hàng về ngành, doanh nghiệp tiềm năng.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho mục đích phân tích, xây dựng website.

Bên cạnh đó, website công ty www.sbsc.com.vn có sự hợp tác với các kênh tài chính danh tiếng như Bloomberg, Vina-finance (Nhật ngữ) là nơi cung cấp thông tin đáng tin cậy cho các nhà đầu tư. Tại đây, các nhà đầu tư có thể cập nhật thông tin doanh nghiệp mà mình quan tâm đầy đủ và nhanh chóng cũng như sử dụng công cụ phân tích kỹ thuật trực tuyến để hỗ trợ việc ra quyết định.

Các kết quả đạt được trong năm 2010

Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư đã có những bước tiến đáng kể so với năm 2009 cả về chất lượng nhân sự cũng như về các sản phẩm được đưa ra. Khối PT&TVĐT đã không ngừng tìm kiếm các chuyên viên phân tích, nhằm đáp ứng đầy đủ các lĩnh vực về báo cáo cho thị trường tài chính, đem lại cho Sacombank-SBS một đội ngũ chuyên viên phân tích có chuyên môn và nhiều kinh nghiệm, cụ thể như: Chuyên viên phân tích kỹ thuật, chuyên viên phân tích ngành – phân tích doanh nghiệp, chuyên viên phân tích trái phiếu.

Tên báo cáo	Tần suất ra báo cáo	Số lượng báo cáo trong năm
Báo cáo vĩ mô	1 lần/1 tháng	12
Báo cáo ngày	Tất cả các ngày thị trường có giao dịch	Hơn 200 Báo cáo
Báo cáo ngành	Báo cáo lần đầu: 1 lần/1 ngành/1 năm	7
	Báo cáo cập nhật: 1 lần/1 ngành/ 1 quý	12
Báo cáo trái phiếu	Báo cáo tuần: 1 lần/1 tuần	31
	Báo cáo quý: 1 lần/1 quý	2
Báo cáo phân tích doanh nghiệp	Báo cáo lần đầu các công ty vừa niêm yết – tùy theo quy mô của công ty và tầm quan trọng của cổ phiếu trong danh mục.	10
	Báo cáo cập nhật và báo cáo ngắn – theo sự kiện của công ty	45

Đến thời điểm cuối năm, Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư tự hào về các Báo cáo đã được phát hành ra công chúng với số lượng đáng kể.

Tham gia các sự kiện và quảng bá thương hiệu

Tên đài truyền hình tham dự talk show	Số lần tham gia trong năm
VITV (kênh SCTV8, VTC8)	7
FBNC (kênh SCTV8, HTV1 – bản tin cuối tuần)	50
Hỗ trợ phân tích các Roadshow niêm yết của công ty	9

Thuyết trình cho khách hàng

Thực hiện thuyết trình về ngành cho các khách hàng quỹ đầu tư về tình hình vĩ mô, về các doanh nghiệp tiềm năng, ngành thủy sản, thép, bất động sản, đường, cao su, ngân hàng...

Cơ sở dữ liệu

- Hỗ trợ xây dựng website mới của công ty
- Xây dựng kho dữ liệu quan trọng cho khối, nhằm đáp ứng nhu cầu phân tích của Khối

Chiến lược phát triển mảng dịch vụ phân tích và tư vấn đầu tư

Chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng và khả năng dự báo, tạo các sản phẩm phân tích hữu ích cho nhà đầu tư. Ngoài ra, Khối PT&TVĐT tư cũng phối hợp và hỗ trợ Khối ngân hàng đầu tư trong công tác tham gia tiếp xúc, tư vấn khách hàng, nhằm tạo uy tín và niềm tin của khách hàng đối với Sacombank-SBS.

Chiến lược phát triển cụ thể giai đoạn 2011-2015

- Tiếp tục củng cố chiến lược hiện tại để đưa Khối PT&TVĐT của Sacombank-SBS trở thành một trong những công ty phân tích hàng đầu thị trường;
- Đẩy mạnh các chương trình đào tạo để phát triển đội ngũ phân tích kinh nghiệm và nhạy bén, đồng thời xây dựng và đào tạo đội ngũ kế thừa hàng năm;
- Phát triển các sản phẩm mới như: chiến lược đầu tư hàng tháng và hàng quý;
- Mở rộng báo cáo sang thị trường Lào và Campuchia nhằm phục vụ cho các chi nhánh Sacombank-SBS tại nước sở tại và các nhà đầu tư Việt Nam;
- Tiếp tục kết hợp với Khối Tư vấn và Bộ phận Quan hệ công chúng (PR) để tạo nên giá trị gia tăng nhằm quảng bá cho thương hiệu Sacombank-SBS;

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Giới thiệu chung

Khối Ngân hàng đầu tư có vai trò nghiên cứu các công ty thích hợp cho hoạt động đầu tư của Sacombank-SBS, tìm kiếm các dự án cho thị trường vốn, thị trường nợ để huy động vốn trong nước và nước ngoài. Mục tiêu là khai thác tối đa năng lực kết nối nhu cầu về nguồn vốn của các doanh nghiệp với nhu cầu của nhà đầu tư thông qua các sản phẩm tài chính chuyên biệt và sáng tạo.

Một số nghiệp vụ chính

- **Thị trường cổ phiếu:** Huy động vốn cho các doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
- **Thị trường nợ:** Bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- **Sản phẩm cấu trúc:** Cung cấp sản phẩm tài chính hiện đại cho quỹ đầu tư và doanh nghiệp.
- **Thu xếp vốn** trước khi thực hiện cổ phần hoá và phát hành chứng khoán.
- **Đầu tư chiến lược:** Nghiên cứu và tìm kiếm những cơ hội đầu tư chiến lược cho Sacombank-SBS, tìm kiếm đối tác chiến lược phù hợp với doanh nghiệp có nhu cầu.

Với phương châm “Am hiểu thị trường và thấu hiểu khách hàng”, đội ngũ chuyên gia có kiến thức chuyên môn và giàu kinh nghiệm trong lĩnh

vực tài chính của Sacombank-SBS cam kết cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với tiêu chuẩn và tính cạnh tranh cao nhất.

Thành tựu nổi bật

Trong năm 2010 và đầu năm 2011, Khối Ngân hàng đầu tư đã triển khai thành công một số hợp đồng lớn như:

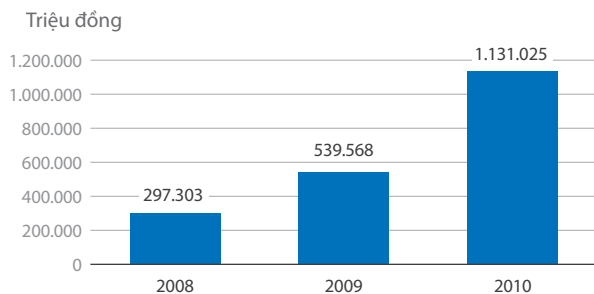
Loại hợp đồng	Logo	Giá trị hợp đồng
Phát hành riêng lẻ		
CTCP Dược SPM		250 tỷ đồng
CTCP Ô tô Trường Hải		450 tỷ đồng
CTCP Vận tải Biển Quốc Tế		550 tỷ đồng
Phát hành cổ phiếu ra công chúng		
CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín		1.000 tỷ đồng
CT TNHH Đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long – BIM		500 tỷ đồng
CTCP Himlam		1.000 tỷ đồng
Chào bán cổ phần hiện hữu (25%)		
CTCP Lọc hóa dầu Nam Việt		200 tỷ đồng
Phân phối 10 triệu cổ phần		
CTCP Đầu tư và xây dựng		1.000 tỷ đồng

Loại hợp đồng	Tên Công ty	Logo	Giá trị hợp đồng
Phát hành cổ phần và bảo lãnh phát hành			
Phát hành 100 triệu cổ phần; bảo lãnh phát hành 50 triệu cổ phần	CTCP Himlam		5 tỷ đồng (phí bảo lãnh phát hành)
Phát hành 50 triệu cổ phần; bảo lãnh phát hành 50 triệu cổ phần	CT TNHH Đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long – BIM		20 tỷ đồng (phí bảo lãnh phát hành)
Kết hợp cùng công ty Đại chúng Chứng khoán Lanexang – công ty con của Sacombank-SBS tại Lào hoàn thành việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu	Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL)		6 tỷ đồng (phí bảo lãnh phát hành)

Doanh thu hoạt động Ngân hàng đầu tư

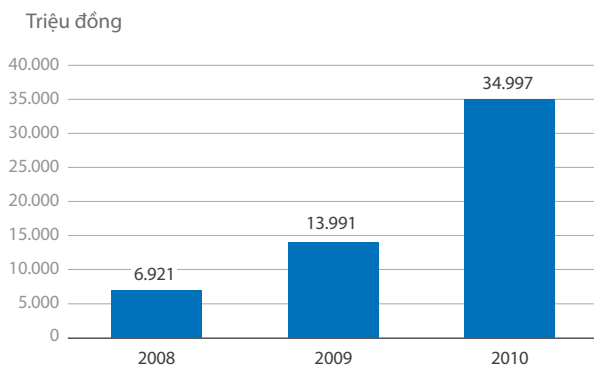
- Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (2008-2010)



- Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán (2008-2010)



Chiến lược phát triển mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư

Chiến lược phát triển của Khối Ngân hàng đầu tư là khai thác tối đa năng lực kết nối nhu cầu về nguồn vốn của các doanh nghiệp với các nhu cầu của nhà đầu tư thông qua các sản phẩm tài chính chuyên biệt và sáng tạo, thiết kế các gói giải pháp tài chính lý tưởng nhằm tối ưu danh mục đầu tư của khách hàng.

Trong giai đoạn 2011-2015, Sacombank-SBS đã định hướng phát triển tập trung vào hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư, đưa các giải pháp và phương án tăng vốn cho doanh nghiệp theo phương pháp tối ưu nhất. Trên cơ sở đó, các khoản phí dịch vụ tư vấn và phát hành sẽ chiếm ưu thế, hoạt động tự doanh chỉ còn tập trung lại những cổ phiếu có mức sinh lợi cao, đầu tư theo chiến lược dài hạn. Tuy nhiên, để nắm lấy các cơ hội thị trường, bộ phận tự doanh cũng sẽ được tập trung trong ngắn hạn nhằm mang về những khoản lợi nhuận bổ sung, theo đó, khoản đầu tư sẽ khoảng 10% - 20% vốn điều lệ.

Ngoài ra, Khối Ngân hàng đầu tư cũng liên tục cập nhật về tình hình vĩ mô, tích cực tìm kiếm các



cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Lào và Campuchia, cũng như tư vấn các dịch vụ khác đến các khách hàng tại hai thị trường mới này, với định hướng Sacombank-SBS là cửa ngõ kết nối đầu tư khu vực Đông Dương.

Mục tiêu và chiến lược của Sacombank-SBS trong thời gian tới

Trước tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động, các doanh nghiệp đang đứng trước những thử thách to lớn mang tính sống còn. Sacombank-SBS đã xác định chiến lược cho giai đoạn 2011-2015 là lấy “An Toàn” làm trọng tâm, “Ổn Định” và “Hiệu Quả” làm định hướng.

Cũng trong giai đoạn này, Sacombank-SBS sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin và nhân sự nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa về sản phẩm. Ngoài ra, tính sáng tạo, không ngừng đổi mới trong hoạt động, năng lực quản trị, giám sát điều hành sẽ là lợi thế cạnh tranh để đưa Sacombank-SBS nhanh chóng trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu cung cấp đầy đủ các sản phẩm chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư tại các thị trường vốn Đông Dương.

Trong năm 2011, Sacombank-SBS sẽ chú trọng phát triển nguồn nhân lực và công nghệ thông tin, xác định rõ đây là hai nhân tố quan trọng hàng đầu để một công ty chứng khoán có thể đứng vững, ổn định và phát triển trong mọi điều kiện thị trường. Đặc biệt, trong lĩnh vực công nghệ thông tin, dự kiến cuối Quý I năm 2011, công ty sẽ cho ra mắt phần mềm giao dịch mới (Front Office System), hệ thống Front Office này được đánh giá sẽ là hệ thống giao dịch hiện đại nhất tại Việt Nam hiện nay. Hy vọng rằng, với sự đầu tư đúng hướng vào nguồn nhân lực và hệ thống công nghệ thông tin của công ty trong thời gian tới, việc hoàn thành kế hoạch năm 2011 với lợi nhuận sau thuế là 180 tỷ đồng là điều trong tầm tay.



BUSINESS

SUCCESS

PROGRESS

STRATEGY

TEAMWORK

MA

SUC

PR

TE

SO

FORT

PLA

Tình hình hoạt động

32 Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

36 Báo cáo của Ban Điều Hành



Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Những nét nổi bật của hoạt động kinh doanh trong năm

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tăng 6,78% so với năm 2009, trong đó quý I tăng 5,84%; quý II tăng 6,44%; quý III tăng 7,18% và quý IV tăng 7,34%. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 6,31% của năm 2008 và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009, vượt mục tiêu đề ra 6,5%.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP được cải thiện trong năm 2010 nhưng những điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ vẫn chưa thực sự đem lại sự khởi sắc cho nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của Sacombank-SBS, đặt trong mối tương quan tổng thể của ngành chứng khoán với tình hình kinh tế vĩ mô, cũng chịu những ảnh hưởng nhất định. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên và đội ngũ lãnh đạo công ty, Sacombank-SBS vẫn đạt được kết quả hoạt động kinh doanh tương đối khả quan so với các công ty cùng ngành.

Kết thúc năm 2010, Sacombank-SBS ghi nhận 1.377,2 tỷ đồng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh, tăng 614 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 80% so với doanh thu thuần năm 2009. Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 98,3 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ thực hiện 54,6% so với kế hoạch điều chỉnh mà Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 12/2010, Sacombank-SBS là một trong số ít các công ty chứng khoán có lợi nhuận trong năm 2010.

Mặc dù không đạt được kế hoạch lợi nhuận nhưng Sacombank-SBS đã hoàn thành được nhiều mục

tiêu rất đáng khích lệ. Sacombank-SBS đã tiến hành chuyển đổi thành công mô hình hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần vào tháng 1/2010. Cổ phiếu Sacombank-SBS với mã SBS đã niêm yết thành công trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh vào tháng 6/2010. Công ty đã tiến hành thành công hai đợt phát hành cổ phiếu vào tháng 7 và tháng 12/2010.

Cũng trong năm 2010 này, mạng lưới kinh doanh của Sacombank-SBS đã được mở rộng sang các nước trong khu vực Đông Dương đánh dấu bằng việc Sacombank-SBS thành lập công ty con tại Campuchia và công ty liên doanh tại Lào.

Năm 2010, với nỗ lực không ngừng của các cán bộ và lãnh đạo công ty, Sacombank-SBS đã duy trì vị thế thị phần môi giới. Cũng trong năm 2010, công ty vinh dự lần thứ 2 liên tiếp nhận giải thưởng “Dịch vụ ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất” do tạp chí The Asset – Hồng Kông trao tặng. Sacombank-SBS, trong năm 2010, cũng ghi tên mình vào danh sách các công ty chứng khoán có hoạt động tư vấn tài chính mạnh bằng việc tư vấn phát hành và niêm yết thành công hàng loạt các doanh nghiệp lớn trong nước, và đặc biệt Sacombank-SBS là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tư vấn cổ phần hóa và niêm yết thành công cổ phiếu Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) – một trong hai mã chứng khoán đầu tiên giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Lào.

Với những kết quả này, Sacombank-SBS đã chứng minh được năng lực và vị thế của mình trong các hoạt động Môi giới, Ngân hàng đầu tư và Tư vấn tài chính. Qua đó khẳng định định hướng đúng đắn của Ban Điều Hành công ty trong việc phát triển Sacombank-SBS trở thành một trong những định

chế tài chính hàng đầu cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư tại các thị trường vốn Đông Dương trong tương lai.

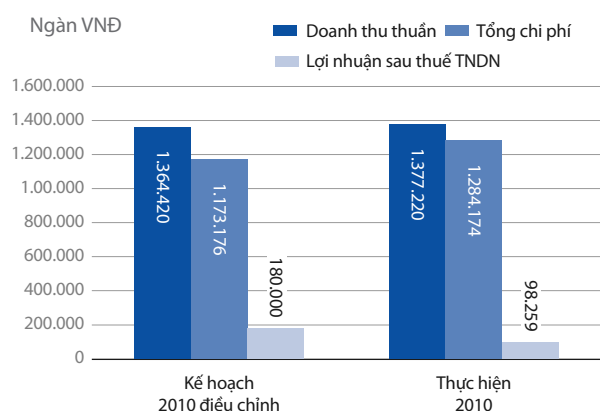
Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động; thị trường chứng khoán âm trầm; ảnh hưởng của các thay đổi trong điều hành kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính – ngân hàng; cộng với việc mở rộng hoạt động của công ty sang thị trường mới và chi phí nhân sự tăng nhanh, kế hoạch lợi nhuận của công ty đã không đạt được như đã đề ra trong Đại hội đồng cổ đông.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010 điều chỉnh	Thực hiện 2010
Doanh thu thuần	1.364.420	1.377.220
Chi phí hoạt động kinh doanh	1.098.561	1.187.711
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	265.858	189.509
Chi phí quản lý doanh nghiệp	74.615	96.463
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	191.243	93.046
Lợi nhuận khác	8.757	8.627
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200.000	101.673
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	180.000	98.259

Triệu VNĐ

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản so với kế hoạch đề ra



Tuy nhiên, năm 2010, vẫn có thể được coi là một năm thành công với Sacombank-SBS bằng việc đạt được những mục tiêu phi tài chính rất quan trọng.

Lợi ích cổ đông

Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2010

Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% Lợi nhuận sau thuế
Trích lập Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	2% Lợi nhuận sau thuế
Trích lập Quỹ khen thưởng	4% Lợi nhuận sau thuế
Trích lập Quỹ phúc lợi	3% Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức bằng tiền mặt	6% trên Vốn điều lệ

Năm 2010, lợi nhuận sau thuế của Sacombank-SBS đạt 98,3 tỷ đồng và công ty dự định chia cổ tức theo tỷ lệ 6% tính trên Vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 75,9 tỷ đồng.

Trong năm 2011, Sacombank-SBS dự kiến thực hiện chính sách chi trả cổ tức với tỷ lệ từ 8% - 12% tính trên Vốn điều lệ, trong đó, sẽ thực hiện chi trả cổ tức tối thiểu 8% bằng tiền mặt. Chính sách chi trả cổ tức cụ thể sẽ do Hội Đồng Quản Trị trình và Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên tình hình thực tế để đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Sacombank-SBS tiếp tục cam kết sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, thực hiện tái cơ cấu bộ máy hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực, mở rộng, phát triển thị trường và phát triển thương hiệu Sacombank-SBS nhằm mang lại lợi ích ngày càng lớn cho các cổ đông của công ty.

Những thay đổi chủ yếu trong năm

Năm 2010, Sacombank-SBS tiếp tục xác định hoạt động tập trung vào lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư, một mô hình được đánh giá là mô hình hoạt động tương lai của các công ty chứng khoán hàng đầu. Sacombank-SBS là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam định hướng hoạt động theo mô hình này.

Để thực hiện định hướng chiến lược này, năm 2010, Sacombank-SBS đã có những thay đổi hết sức căn bản. Tháng 1/2010, Sacombank-SBS đã chuyển đổi mô hình hoạt động sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) vào tháng 7/2010. Đây có thể nói là thay đổi quan trọng nhất của Sacombank-SBS trong năm vừa qua. Bằng việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE, Sacombank-SBS đã một lần nữa khẳng định hoạt động minh bạch và hiệu quả của mình trong mắt nhà đầu tư và các đối tác. Mặt khác, việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE cũng mở ra rất nhiều cơ hội cho công ty trong việc huy động vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh của mình. Minh chứng cho điều này là việc Sacombank-SBS đã huy động thành công 306,9 tỷ đồng từ hai đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ vào tháng 7/2010 và phát hành cho cổ đông hiện hữu vào tháng 12/2010. Ngoài ra, công ty cũng đã thành công trong việc huy động vốn nợ thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong suốt năm 2010.

Về hoạt động kinh doanh, Sacombank-SBS định hướng phát triển tập trung và ổn định vào hoạt động ngân hàng đầu tư và tư vấn doanh nghiệp. Sacombank-SBS tiếp tục củng cố hoạt động môi giới chứng khoán trong nước theo hướng nâng cao tính hiệu quả, hạn chế rủi ro thay vì phát triển theo chiều rộng.

Cụ thể đối với hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư và tư vấn doanh nghiệp, Sacombank-SBS luôn cố gắng đưa các giải pháp và phương án huy động nguồn vốn cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước theo phương pháp tối ưu nhất. Trên cơ sở đó, các khoản phí dịch vụ tư vấn và phát hành sẽ chiếm ưu thế, hoạt động tự doanh sẽ tập trung lại những cổ phiếu có mức sinh lợi cao, đầu tư theo dạng chiến lược dài hạn.

Đối với hoạt động môi giới chứng khoán, việc theo đuổi thị phần môi giới không còn là mục tiêu tiên quyết khi thị trường chứng khoán năm 2010 biến động khó lường. Do đó, Sacombank-SBS đã tập trung nâng cao tính hiệu quả và phát triển hoạt động môi giới chứng khoán theo chiều sâu hơn là theo chiều rộng.

Ngoài ra, trong năm 2010, Sacombank-SBS đã mở rộng thị trường hoạt động của mình sang các nước trong khu vực bằng việc thành lập công ty đại chứng chứng khoán Lanexang tại Lào và công ty chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn thương tín Campuchia (SBS-Cambodia) tại Campuchia. Đây là một thay đổi mang tính chiến lược và hứa hẹn sẽ đem lại cho Sacombank-SBS những cơ hội lớn để tạo đột biến trong hoạt động kinh doanh của công ty với vị thế người tiên phong thị trường, đặc biệt trong bối cảnh sự cạnh tranh tại trường chứng khoán Việt Nam đang ở mức cao.

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2011, nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng dự báo sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức. Đặc biệt là hoạt động của các công ty chứng khoán sẽ chịu sự kiểm soát chặt chẽ từ phía các cơ quan hữu quan, tính cạnh tranh trong ngành ngày càng cao, sự gia nhập ngành của

các công ty chứng khoán nước ngoài khi dòng vốn đầu tư từ nước ngoài vào thị trường chứng khoán tăng lên. Những yếu tố này vừa là thách thức vừa là cơ hội cho các công ty chứng khoán nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố và phát triển thể mạnh của mình để có thể cạnh tranh tốt với các đối thủ trong nước và các tổ chức nước ngoài.

Đứng trước những thách thức đó, Sacombank-SBS đã đề ra các định hướng kế hoạch trong năm 2011 như sau:

- Thiết lập bộ máy tổ chức tinh gọn, đa năng, hiệu quả;
- Tập trung công tác quản lý chi phí trên nguyên tắc tổng chi phí trên doanh số giảm, tỷ lệ lợi nhuận trên nhân viên tăng, thu nhập thực tế của cán bộ nhân viên được cải thiện, tạo điều kiện thu hút được những nhân sự tốt nhất của thị trường;
- Tái cấu trúc cơ cấu sản phẩm, nguồn vốn theo định hướng an toàn, hiệu quả trong dài hạn;
- Tái cấu trúc hệ thống văn bản lập quy, quy trình, quy chế, nhằm tăng cường tính minh bạch, tính quản lý rủi ro, tính thông suốt và hiệu quả trong quản trị điều hành.

Trong năm 2011, với chiến lược tập trung vào công tác “củng cố” để “phát triển”, lấy “an toàn” làm nền tảng, lấy “ổn định” và “hiệu quả”, các kế hoạch chính của Sacombank-SBS trong năm 2011 như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát;
- Hoàn thiện và tạo sự khác biệt trong chất lượng và sản phẩm, dịch vụ;
- Xây dựng một nền tảng công nghệ thông tin có tính vượt trội và siêu việt làm cơ sở tiến đến tự động hóa trong vận hành, phát triển và quản lý rủi ro;

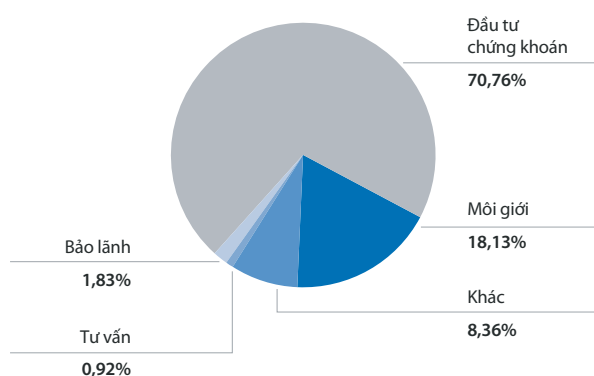
- Phát triển cơ cấu thu nhập đa dạng cho Sacombank-SBS, tạo sự ổn định trong dài hạn, giảm thiểu sự phụ thuộc vào những biến động hàng năm của thị trường;
- Xây dựng các công cụ, dịch vụ sản phẩm tạo sự kết nối, giao thoa thông thoáng giữa 3 nước Đông Dương (Việt Nam – Lào – Campuchia), trên cơ sở mạng lưới hoạt động sẵn có (Lanexang Securities PLC tại Lào và SBS-Cambodia PLC tại Campuchia). Tập trung mọi nguồn lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2011, tạo tiền đề cho việc phát triển Sacombank-SBS trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư tại khu vực Đông Dương trong giai đoạn 2011-2015.

Báo cáo của Ban Điều Hành

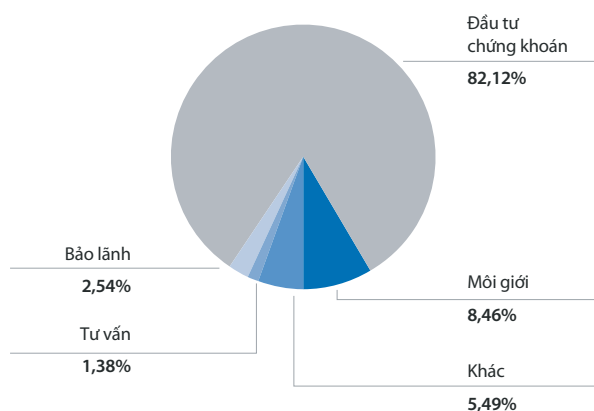
Báo cáo về tình hình tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời

Năm 2009



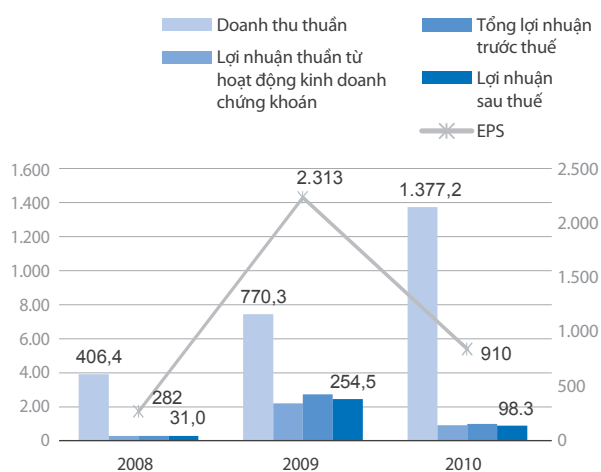
Năm 2010



Năm 2010 được đánh giá là một năm đầy khó khăn với thị trường chứng khoán Việt Nam. Doanh thu hoạt động môi giới của công ty giảm xuống, đồng thời tỷ trọng doanh thu từ hoạt động môi giới tính trên tổng doanh thu cũng giảm xuống so với năm 2009. Tuy nhiên, doanh thu của toàn công ty vẫn tăng lên đáng kể, trong đó doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn chiếm tỷ trọng cao nhất trên tổng doanh thu (82,12% năm 2010) và doanh thu từ dịch vụ tư vấn vẫn tăng so với năm 2009.

Trong giai đoạn 2008-2010, doanh thu thuần của Sacombank-SBS tăng trưởng rất nhanh (trên 80%/năm). Do đặc thù ngành, lợi nhuận của các công ty chứng khoán nói chung và Sacombank-SBS nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thị trường. Sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch đề ra và so với năm 2009 là minh chứng cho điều này.

Lợi nhuận giảm xuống đã kéo theo sự sụt giảm của các chỉ tiêu khả năng sinh lời của công ty so với năm 2009 cũng như sự giảm xuống của Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS điều chỉnh). Năm 2010, EPS điều chỉnh năm 2010 của Sacombank-SBS đạt 910 đồng/cổ phần, giảm so với năm 2009 (2.313 đồng/cổ phần).



Cột trái: Tỷ VNĐ
Cột phải: VNĐ

Năm 2010, các chỉ số khả năng sinh lời của Sacombank-SBS được duy trì ở mức vừa phải, tuy có thấp hơn nhiều so với năm 2009 ở Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Hệ số LNST/Doanh thu thuần. Nguyên nhân của sự sụt giảm các hệ số này là bởi lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2010 giảm so với năm 2009 trong khi công ty tiến hành tăng vốn 2 đợt lên 1.266,6 tỷ VNĐ và doanh thu thuần tăng trưởng 1,81 lần (1.377,2 tỷ VNĐ) trong năm 2010.

Do tổng tài sản của Sacombank-SBS cuối 2010 chỉ tăng gần 29% so với năm 2009 nên mức độ chênh lệch của Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) qua hai năm 2009 và 2010 chỉ là 2,5%. (ROA (2009): 3,57%; ROA (2010):1,07%)

Khả năng sinh lời của Sacombank-SBS trong năm 2010 là tương đối thấp xét trên cả 3 chỉ số (ROA, ROE và Hệ số LNST/Doanh thu thuần). Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2010 âm ảm, các chỉ số về khả năng sinh lời của Sacombank-SBS như vậy là có thể chấp nhận được

	2008	2009	2010
Khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	7.64%	33.24%	7.13%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2.71%	20.54%	6.05%
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	1.26%	3.57%	1.07%
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,49 lần	1,77 lần	1,15 lần

Các chỉ tiêu hoạt động và kế hoạch cổ tức

Tình hình tài chính của công ty trong năm 2010

nhìn chung vẫn đảm bảo mức độ an toàn cần thiết, công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là 1,15 lần. Tuy nhiên, Hệ số nợ/Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2010 là 0,82, nhìn chung cao hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Trong năm 2010, công ty đã tiến hành tăng vốn 2 lần, lần thứ nhất từ 1.100 tỷ VNĐ lên 1.128,5 tỷ VNĐ thông qua đợt phát hành riêng lẻ vào tháng 7/2010 và từ 1.128,5 tỷ VNĐ lên 1.266,6 tỷ VNĐ thông qua đợt chào bán ra công chúng vào tháng 12/2010. Hiện tại, Sacombank-SBS đang là một trong những công ty chứng khoán có số vốn điều lệ cao nhất ngành đạt 1.266,6 tỷ VNĐ, tương ứng với 126.660.000 cổ phần phổ thông.

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng giá trị trái phiếu của công ty đang lưu hành là 3.631 tỷ VNĐ, toàn bộ số lượng trái phiếu đang lưu hành trong năm 2010 là trái phiếu thường. Việc có nhiều đợt phát hành trái phiếu thành công trong năm 2010 đã giúp Sacombank-SBS có thêm nguồn vốn kinh doanh nhằm đáp ứng việc mở rộng hoạt động và tận dụng tốt các cơ hội mà thị trường mang đến.

	Đơn vị	2008	2009	2010
Bảng cân đối tài sản				
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	2.456.330	7.132.166	9.191.576
Vốn chủ sở hữu	Triệu VNĐ	1.147.463	1.240.966	1.625.216
Vốn điều lệ	Triệu VNĐ	1.100.000	1.100.000	1.266.600
Số cổ phần phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	110.000.000	110.000.000	126.660.000
Giá trị sổ sách	Đồng	10.431	10.642	12.262
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,53	0,82	0,82
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,13	4,73	4,69

Sau khi trích lập các quỹ theo quy định, công ty đã đặt kế hoạch chi cổ tức với tỷ lệ 6% tính trên Vốn điều lệ, tương đương với 75,9 tỷ đồng.

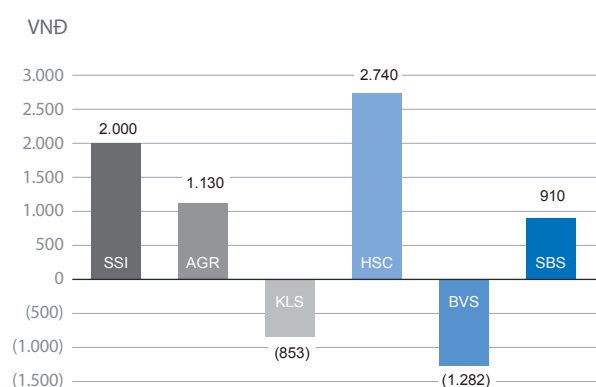
So sánh Sacombank-SBS với các công ty chứng khoán niêm yết

Năm 2010 là một năm khó khăn đối với ngành chứng khoán nói chung, tuy vậy, bằng sự cố gắng của tập thể cán bộ nhân viên và lãnh đạo công ty trong các thời điểm khó khăn, Sacombank-SBS là một trong số ít các công ty chứng khoán có lợi nhuận trong năm 2010 tuy chỉ đứng thứ 4 trong các công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán.

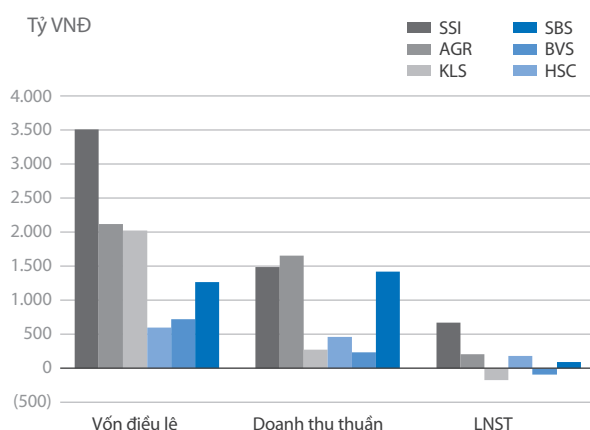
Sacombank-SBS hiện là công ty chứng khoán có số vốn điều lệ lớn thứ 4 trong các công ty chứng khoán niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán trong khi doanh thu thuần năm 2010 của Sacombank-SBS đứng thứ 3 chỉ sau công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI); công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR).

Lợi nhuận sau thuế trên một cổ phiếu (EPS) của Sacombank-SBS so sánh với các công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán:

Cổ phiếu (EPS)



So sánh các công ty chứng khoán



Nhìn chung, mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh của Sacombank-SBS trong năm 2010 không đạt được như kế hoạch đề ra về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế và các chỉ tiêu sinh lời do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, các chỉ tiêu hoạt động quan trọng như khả năng thanh toán, hệ số nợ và cơ cấu vốn, tăng trưởng tổng tài sản, tăng trưởng doanh thu thuần và tăng trưởng vốn điều lệ đều ở mức ổn định và an toàn. Đây sẽ là những bệ đỡ quan trọng để việc triển khai các kế hoạch kinh doanh sắp tới trong năm 2011 một cách thẳng lợi.

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2010, một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty đã không đạt được như kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế thực hiện của 2010 chỉ đạt 54,6% so với kế hoạch điều chỉnh, nguyên nhân chính là do:

Về khách quan: Năm 2010 nhìn chung là một năm khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Mặc dù tăng trưởng GDP của Việt Nam vượt kế hoạch đưa ra, song những biến động bất lợi của kinh tế vĩ mô như biến động của giá vàng, tỷ giá

hối đoái, lạm phát, tỷ lệ lãi suất... đã làm nản lòng các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, tác động của các sự kiện không mong muốn (như khủng hoảng nợ công Châu Âu, nợ công của Vinashin...) đã khiến thị trường chứng khoán sụt giảm và giao dịch trầm lắng, dòng tiền vào thị trường chứng khoán suy giảm mạnh. Tất cả những yếu tố trên đã tác động và gây ra những ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán Việt Nam và các công ty chứng khoán trong đó có Sacombank-SBS.

Về chủ quan: Trong năm 2010, thực hiện chiến lược phát triển mở rộng phạm vi hoạt động ra khu vực Đông Dương, nhân sự của Sacombank-SBS đã tăng mạnh, kéo theo các chi phí lương nhân viên, chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng... tăng cao hơn so với kế hoạch;

Mặc dù không đạt các chỉ tiêu về tài chính, Sacombank-SBS vẫn đạt được một số kết quả hoạt động đáng kể trong năm 2010:

- Năm 2010 đánh dấu một bước phát triển về mạng lưới hoạt động sang các nước Lào, Campuchia của công ty thể hiện qua việc thành lập công ty chứng khoán Lanexang và SBS-Cambodia;
- Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp của công ty đã có một năm hết sức thành công về mặt tạo dựng hình ảnh một công ty chứng khoán có một đội ngũ tư vấn mạnh. Điều này được thể hiện rõ không những trong việc hoàn thành một số hợp đồng tư vấn lớn, có độ phức tạp cao trong nước mà còn thể hiện trong việc tư vấn thành công Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) cổ phần hóa và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Lào;
- Là một công ty chứng khoán định hướng hoạt động tập trung vào dịch vụ ngân hàng đầu tư, lần thứ 2 danh hiệu “Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam năm 2010” do Tạp chí The Asset trao tặng là một bằng chứng cho thấy chiến

lược đúng đắn của ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng không ngừng nghỉ của cán bộ, nhân viên Sacombank-SBS;

- Trong bối cảnh tình hình thị trường không thuận lợi trong năm 2010, Sacombank-SBS vẫn duy trì được vị trí là một trong bốn công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường Việt Nam về thị phần môi giới chứng khoán;

Kế hoạch phát triển tương lai

Mục tiêu chung

Trước tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động, các doanh nghiệp đang đứng trước những thử thách to lớn mang tính sống còn, những diễn biến trong giai đoạn 2010-2012 dự kiến còn nhiều phức tạp khó đoán.

Tuy nhiên, Sacombank-SBS vẫn thực hiện các bước đi với hoài bão xây dựng Sacombank-SBS trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng đầu tư tại các thị trường vốn Đông Dương.

Theo định hướng của Hội Đồng Quản Trị, mục tiêu và chiến lược của Sacombank-SBS là lấy “An Toàn” làm trọng tâm, lấy “Ổn Định” và “Hiệu Quả” làm định hướng. Trong giai đoạn 2011-2012, Sacombank-SBS sẽ tập trung 60% nguồn lực cho công tác củng cố, 40% cho công tác phát triển, tạo tiền đề cho việc chuyển dịch 70% nguồn lực cho phát triển và 30% nguồn lực cho củng cố vào giai đoạn 2013-2015.

Giải pháp thực hiện

Giải pháp củng cố: Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ

- Xây dựng đội ngũ môi giới chuyên nghiệp, chăm sóc tốt khách hàng, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên môi giới có đủ khả năng nghiệp vụ đáp ứng theo yêu cầu của thị trường;

Tình hình hoạt động

- Nâng cao tính minh bạch trong dịch vụ khách hàng, đây là yêu cầu thiết yếu của một công ty chứng khoán nhằm tăng độ tin cậy của khách hàng đối với công ty và nâng cao uy tín của Sacombank-SBS;
- Tập trung phát triển nhiều sản phẩm tài chính mới nhằm đa dạng hóa dịch vụ tài chính của Sacombank-SBS, kết hợp với mạng lưới hoạt động của Sacombank, tăng cường công tác bán chéo sản phẩm trong tập đoàn Sacombank, gia tăng thị phần Sacombank-SBS;
- Liên tục nâng cấp và phát triển hệ thống CNTT, đáp ứng yêu cầu của một ngân hàng đầu tư, đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất trên thị trường;

Giải pháp củng cố: Tái cơ cấu bộ máy hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực

- Tái cơ cấu bộ máy, hoàn thiện bộ văn bản lập quy, quy trình tác nghiệp, tạo hành lang hoạt động an toàn cho Sacombank-SBS;
- Nâng cao năng lực Quản lý rủi ro cho Sacombank-SBS theo định hướng là một ngân hàng đầu tư, có cơ chế kiểm tra kiểm soát nhằm phát hiện và cảnh báo rủi ro kịp thời những điểm yếu trong quản lý để có biện pháp khắc phục nhanh chóng;
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư dài hạn và tập trung đầu tư vào các cổ phiếu tiềm năng với giá thấp và có thu nhập hàng năm cao;
- Tái cơ cấu tổ chức, nâng cao chuẩn nhân sự, thiết lập kế hoạch cụ thể trong việc hình thành bộ máy hoạt động theo mô hình định chế tài chính hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư theo từng giai đoạn trung hạn (2010-2012) và giai đoạn dài hạn (2012-2020);
- Tiến hành thiết lập các mô hình quản lý vốn theo điều kiện thị trường: bình thường, căng thẳng và khủng hoảng. Xây dựng các kế hoạch kinh doanh theo ba mô hình trên để vừa đảm bảo an toàn hoạt động cho công ty, vừa đảm bảo đạt được mục tiêu kinh doanh đề ra;

Giải pháp phát triển

• **Hoạt động môi giới:** Phấn đấu trở thành nhà môi giới chuyên nghiệp tại Việt Nam và khu vực Đông Dương. Các kế hoạch cụ thể bao gồm: đẩy mạnh phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến thông qua tận dụng lợi thế mạng lưới Sacombank; tập trung phát triển khách hàng tổ chức bao gồm trong nước và nước ngoài; phát triển sản phẩm mới thu hút nhà đầu tư.

• **Mở rộng mạng lưới hoạt động:** Tập trung hỗ trợ và nâng cao năng lực hoạt động các công ty thành viên SBS-Cambodia và Lanexeng Securities PLC phấn đấu trở thành những công ty chứng khoán hàng đầu tại các quốc gia này.

• **Ngân hàng đầu tư:** Nhanh chóng phát triển hệ thống khách hàng lõi là các doanh nghiệp và quỹ đầu tư hàng đầu tại Việt Nam và khu vực. Đi vào cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính có giá trị gia tăng và độ phức tạp cao, làm lợi thế cạnh tranh và uy tín trên thị trường: Chứng từ có giá lưu ký toàn cầu (Global Depository Receipts – GDRs), Mua lại doanh nghiệp bằng vốn vay (Leveraged buy-out), Tài trợ dự án (Project Financing), Quỹ đầu tư tín thác bất động sản (Real Estate Investment Trusts – REITs), Mua bán sáp nhập (M&A).

• **Hoạt động tư vấn doanh nghiệp:** Tập trung hoàn thành các hợp đồng niêm yết và phát hành với các khách hàng lớn đã ký, tăng cường mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và củng cố mạng lưới khách hàng truyền thống. Đẩy mạnh đầu tư cho mảng nhân sự thông qua đào tạo, tự đào tạo để đội ngũ nhân sự tư vấn có trình độ và chuyên

nghiệp. Tiếp tục tham gia vào các hợp đồng tư vấn tư nước ngoài để duy trì và nâng cao hình ảnh của Sacombank-SBS trong cộng đồng nhà đầu tư và khách hàng về hoạt động tư vấn mạnh, rộng, chuyên nghiệp và hiệu quả.

• **Hoạt động nghiên cứu phân tích:** Nâng cao chất lượng và khả năng dự báo, tạo các sản phẩm phân tích. Hỗ trợ Khối ngân hàng đầu tư và khối môi giới trong công tác tham gia tiếp xúc, tư vấn khách hàng, nhằm tạo uy tín, niềm tin của khách hàng đối với Sacombank-SBS;

• **Hoạt động quan hệ công chúng:** tăng cường hoạt động quảng bá thương hiệu Sacombank-SBS thông qua các kênh truyền thông, tổ chức các hội thảo tư vấn nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu Sacombank-SBS đối với nhà đầu tư, khách hàng tiềm năng

Chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2011

Các chỉ tiêu tài chính	Kế hoạch 2011
Lợi nhuận trước thuế	200.000
Tổng tài sản	7.510.993
Vốn điều lệ	1.433.260
Vốn chủ sở hữu	1.796.610
Tổng nợ phải trả	5.714.383
Cơ cấu nguồn vốn	
Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0.76
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3.18
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	24%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	2%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	10%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	13%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - EPS (VNĐ/cổ phiếu)	1,256

Kế hoạch tăng vốn và chi trả cổ tức năm 2011

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và Cán bộ công nhân viên		
Số lượng cổ phần phát hành dự kiến	16.666.000	Cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	166.660.000.000	Đồng
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	1.433.260.000.000	Đồng
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và Cán bộ công nhân viên	
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Tỷ lệ thực hiện quyền	10:1
	Tổng số cổ phần phát hành	12.666.000 Cổ phần
Phát hành cho đối tác chiến lược	Tổng số cổ phần phát hành	2.000.000 cổ phần
Phát hành cho cán bộ, nhân viên	Tổng số cổ phần phát hành	2.000.000 Cổ phần

Tỷ lệ phân chia cổ tức 8% - 12%, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu hoặc cả hai và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định.

Hoạt động xã hội

Mục tiêu trực chỉ của Sacombank-SBS là góp phần vào sự phát triển bền vững và ổn định của thị trường vốn Việt Nam và khu vực; đồng thời, thông qua đó hướng đến xây dựng một cộng đồng phồn thịnh và tốt đẹp hơn. Các hoạt động xã hội Sacombank-SBS hưởng ứng hoặc tự phát động nhằm hỗ trợ đồng bào rất được đánh giá cao, bao gồm: xây dựng nhà tình nghĩa, cứu trợ lũ lụt, quyên tiền và tài sản trao tặng cho các trường chăm sóc trẻ em khuyết tật, trao học bổng cho sinh viên giỏi khu vực thành phố Hồ Chí Minh... Các nghĩa cử này của Sacombank-SBS một mặt là biểu hiện truyền thống "tương thân tương ái" của dân tộc Việt Nam; mặt khác cho thấy việc đóng góp vào sự thịnh vượng chung của cộng đồng là yếu tố đồng hành trong định hướng phát triển của Sacombank-SBS.



Stock Exchange
Composite Stock Price Index and Equity Trading Value



Equity Trading Value





Báo cáo tài chính

- 45 Báo cáo tài chính hợp nhất
- 77 Báo cáo tài chính riêng lẻ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Nội dung

- 46 Thông tin về doanh nghiệp
 - 48 Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật
 - 49 Báo cáo của kiểm toán viên
 - 51 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
 - 53 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 - 54 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 - 55 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 

Thông tin về doanh nghiệp

Giấy phép thành lập

Số 4104000197 ngày 25 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 09 năm 2006 và giấy phép sửa đổi lần thứ nhất tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 11 tháng 9 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Quyết định số 945/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2009 chấp thuận công ty đổi loại hình hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần.

Công văn số 677/UBCK-GCN ngày 20 tháng 9 năm 2010 chấp thuận cho công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ.

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)

Ban Kiểm Soát

Ông Hoàng Khánh Sinh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Bà Trần Thị Mai Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2010)
	Ông Nguyễn Hồ Nam	Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
	Ông Mạc Hữu Danh	Phó Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
	Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2010)
	Ông Đinh Hoài Châu	Phó Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
	Ông Ngô Quảng Phú	Phó Tổng Giám Đốc
	Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám Đốc
	Bà Phạm Trần Thu Hà	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2010)
	Bà Nguyễn Bích Thủy	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
----------------------------------	-------------------	----------------------------

Trụ sở chính	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
--------------	--	--

Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	
----------------	--	--

Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín ("công ty") và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tôi, Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

Phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 09 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kiểm toán độc lập gửi các cổ đông của công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín ("công ty") và các công ty con được Người đại diện theo pháp luật của công ty phê duyệt ngày 09 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính hợp nhất bị sai sót trọng yếu do gian trá hoặc bị lỗi. Trong việc đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Người đại diện theo pháp luật đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám Đốc
Chữ ký được ủy quyền

A blue ink signature, likely belonging to Lê Văn Hòa, written in a cursive style.

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2683
Ngày 09 tháng 3 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12

TÀI SẢN	Thuyết minh	2010	2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.512.155	6.596.416
I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	701.580	1.423.070
1 Tiền		471.767	833.070
2 Các khoản tương đương tiền		229.813	590.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	7.139.184	4.482.790
1 Đầu tư ngắn hạn		7.338.632	4.591.749
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(199.448)	(108.959)
III Các khoản phải thu		651.676	660.837
1 Phải thu khách hàng		5.494	2.141
2 Trả trước cho nhà cung cấp		10.778	4.987
3 Phải thu nội bộ	5	44.462	29.256
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	590.942	624.453
V Tài sản ngắn hạn khác		19.715	29.719
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		6.179	17.628
3 Các khoản thuế phải thu khác		7.152	-
4 Tài sản ngắn hạn khác		6.384	12.091
B TÀI SẢN DÀI HẠN		679.421	535.750
II Tài sản cố định		227.764	202.553
1 Tài sản cố định hữu hình	7(a)	136.928	124.973
Nguyên giá		174.058	144.250
Giá trị hao mòn lũy kế		(37.130)	(19.277)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	7(b)	8.125	4.605
Nguyên giá		11.404	7.029
Giá trị hao mòn lũy kế		(3.279)	(2.424)
3 Tài sản cố định vô hình	7(c)	72.167	70.387
Nguyên giá		83.402	76.346
Giá trị hao mòn lũy kế		(11.235)	(5.959)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(d)	8.712	2.588
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		409.289	314.342
2 Đầu tư chứng khoán dài hạn			
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	4(b)	412.352	170.164
3 Các khoản đầu tư khác	4(b)	-	173.500
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	4(b)	(3.063)	(29.322)
V Tài sản dài hạn khác		42.368	18.855
1 Trả trước dài hạn		6.517	8.226

2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8	9.376	3.966
3	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		6.628	4.192
4	Tài sản dài hạn khác		19.847	2.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			9.191.576	7.132.166

NGUỒN VỐN			7.566.360	5.891.200
I	Nợ ngắn hạn		7.426.612	3.764.853
1	Vay ngắn hạn	9(a)	3.516.995	2.465.000
2	Phải trả người bán	10	62.067	261.425
3	Người mua trả tiền trước		2.183	615
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	720	11.562
5	Phải trả người lao động		6.224	3.889
6	Chi phí phải trả	12	114.277	66.413
7	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	731.248	890.566
8	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.488	9.725
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	15.2	24.580	32.398
10	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2.965.522	20.525
11	Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn		308	2.735

II	Nợ dài hạn		139.748	2.126.347
1	Vay và nợ dài hạn	9(b)	136.637	2.123.562
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.273	1.947
3	Phải trả dài hạn khác		838	838

B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.625.216	1.240.966
I	Vốn góp và các quỹ		1.625.443	1.238.591
1	Vốn cổ phần	15.1	1.266.600	1.100.000
2	Thặng dư vốn	15.1	140.300	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	15.2	5.446	6.466
4	Quỹ dự phòng tài chính và bổ sung vốn điều lệ	15.2	55.523	45.392
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.2	48.448	48.757
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.2	(109)	(37)
7	Lợi nhuận chưa phân phối	15.2	109.235	38.013
II	Lợi ích cổ đông thiểu số	15.3	(227)	2.375
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			9.191.576	7.132.166

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 75 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập

Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 09 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12

	Thuyết minh	2010	2009
1 Doanh thu		1.377.220	762.908
Trong đó:			
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		116.534	138.224
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17	1.131.025	539.568
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		34.997	13.991
Doanh thu hoạt động tư vấn		19.039	7.351
Doanh thu khác	18	75.625	63.774
3 Doanh thu thuần		1.377.220	762.908
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(1.187.711)	(426.976)
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		189.509	335.932
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(96.463)	(59.158)
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.046	276.774
8 Thu nhập khác		14.106	8.280
9 Chi phí khác		(5.479)	(5.499)
10 Thu nhập khác		8.627	2.781
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		101.673	279.555
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	(8.824)	(29.921)
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8	5.410	3.966
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN		98.259	253.600
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của công ty	15.3	101.410	254.438
Lợi nhuận thuộc lợi ích cổ đông thiểu số		(3.151)	(838)
Lãi trên cổ phiếu quy cho các cổ đông của công ty		VNĐ/cổ phiếu	VNĐ/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	910	2.313

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 75 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này



Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 09 tháng 3 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12

	Thuyết minh	2010	2009
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế		101.673	279.555
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định		23.984	18.588
Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư		64.230	35.594
Lãi từ hoạt động đầu tư		(925.396)	(494.384)
Chi phí lãi vay		489.097	222.365
3 (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(246.412)	61.718
Giảm/(tăng) các khoản phải thu		73.016	(501.347)
Tăng các khoản phải trả		2.565.737	844.477
Giảm/(tăng) các chi phí trả trước		9.470	(12.530)
Tiền lãi vay đã trả		(441.606)	(175.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.000)	(20.683)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(531)	(6.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.936.674	189.102
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(53.007)	(180.701)
3 Chuyển vốn đầu tư, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(55.477.986)	(26.720.374)
4 Nhận vốn hoàn trả đầu tư, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		52.849.766	23.653.200
5 Đầu tư vào các đơn vị khác		(2.701.492)	(2.037.951)
6 Thu từ việc thanh lý các khoản đầu tư		2.442.763	2.070.458
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		926.319	303.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.013.637)	(2.911.754)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		306.900	-
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.091.449	5.611.414
2 Thanh toán nợ vay ngắn hạn, dài hạn		(5.024.000)	(1.953.614)
3 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(2.379)	(1.794)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.497)	(122.181)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(644.527)	3.533.825
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(721.490)	811.173
Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.423.070	611.897
Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	701.580	1.423.070

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 75 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này



Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 09 tháng 3 năm 2011

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

1. Đặc điểm hoạt động của công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (“công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép số 4104000197, ngày 25 tháng 9 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và giấy phép sửa đổi lần thứ nhất tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 73/UBCK-GP, ngày 11 tháng 9 năm 2007 và Quyết định số 945/QĐ-UBCK, ngày 29 tháng 12 năm 2009 chấp thuận cho công ty đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần.

Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn tăng vốn điều lệ từ 1.100.000 triệu đồng lên 1.266.600 triệu đồng vào ngày 20 tháng 9 năm 2010 theo Công văn số 677/UBCK-GCN của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty có 384 nhân viên (năm 2009: 301 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty có các công ty con như sau:

	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỉ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp bởi Công ty (%)	Tỉ lệ phần vốn sở hữu gián tiếp qua Công ty con (%)	Tổng tỉ lệ phần vốn sở hữu (%)
Công ty Chứng khoán Campuchia Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Co.0297E/2010	Đầu tư và môi giới chứng khoán	98,98%	0%	98,98%
Công ty Đầu tư Toàn cầu Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	200908462W	Đầu tư chứng khoán	51%	0%	51%
Công ty Asia Alliance Capital Pte Ltd.	200908595G	Dịch vụ tài chính	0%	51%	51%

2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Công ty được chấp thuận đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần theo Quyết định số 945/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty xác định năm tài chính cuối cùng cho hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn là từ ngày 01 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 16 tháng 1 năm 2010. Năm tài chính đầu tiên cho hình thức công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký sổ cái trên máy để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Các công ty con

Các công ty con là những công ty mà công ty và các công ty con có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của các công ty này được trao cho công ty và các công ty con. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày công ty và các công ty con không còn quyền kiểm soát các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con. Trong trường hợp thanh lý một phần công ty con mà không mất quyền kiểm soát công ty con này, khoản lãi, lỗ từ thanh lý một phần công ty con này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của năm. Công ty và các công ty con hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu. Phần vượt trội giữa giá phí mua và phần sở hữu của công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản mua được ghi nhận là Lợi thế thương mại. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại được ước tính đúng đắn dựa trên thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho công ty và các công ty con. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận. Nếu giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và công ty và các công ty con khác được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi theo nguyên tắc sau để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty:

- a)** Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- b)** Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá bình quân;
- c)** Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty

con ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của công ty cho đến khi thanh lý công ty con đó.

(ii) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận hoặc lỗ và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng

2.7 Các khoản đầu tư

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá trị mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư ủy thác và các hợp đồng hỗ trợ vốn

Các khoản đầu tư ủy thác được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

Hoạt động hỗ trợ vốn được ghi nhận vào các khoản đầu tư ngắn hạn và ghi nhận theo giá vốn trừ dự phòng.

Các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn khác

Các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá trị vốn góp ban đầu. Dự phòng được trích lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

(b) Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá vốn mua thực tế. Sau

đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ được ghi nhận là các khoản giảm trừ vào giá trị còn lại của chứng khoán kinh doanh cho từng giao dịch phát sinh trước ngày mua và được ghi nhận là thu nhập đầu tư cho từng giao dịch phát sinh kể từ ngày mua.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	14,29%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	33,33%
Phần mềm hệ thống	33,33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản cố định mà về thực chất công ty chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi điểm việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Bên thuê có trách nhiệm tính, trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo định kỳ trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê. Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được

khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.11 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm thu phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh, cổ tức, thu nhập từ các khoản đầu tư ủy thác, các hợp đồng hỗ trợ vốn, và các hợp đồng đầu tư ngắn hạn khác.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh giữa giá mua và giá bán ra. Các khoản doanh thu này được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi giao dịch hoàn tất.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào thu nhập trong năm 2010.

Thu nhập từ các khoản ủy thác đầu tư, các hợp đồng hỗ trợ vốn và các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận trong năm được hưởng thu nhập theo phương pháp trích trước.

(c) Doanh thu hoạt động khác

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và tiền lãi thu được từ các

hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.12 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.13 Chia cổ tức

Cổ tức được chia cho các cổ đông của công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông của công ty phê chuẩn.

2.14 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên

đời hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Dự phòng trợ cấp thôi việc không được lập thêm từ ngày 01 tháng 1 năm 2009 là thời điểm Bảo hiểm thất nghiệp có hiệu lực.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31.12.2010	31.12.2009
Tiền mặt	3	124
Tiền gửi ngân hàng	366.845	1.260.825
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	334.732	162.121
	701.580	1.423.070

Đơn vị tính: Triệu VND

Trong tổng số tiền và các khoản tương đương tiền có 332.974 triệu đồng (2009:528.841 triệu đồng) là tiền của nhà đầu tư do Công ty giữ để phục vụ hoạt động đầu tư. Tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng.

4. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010		Ngày 31 tháng 12 năm 2009	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Các khoản đầu tư ngắn hạn (i)	1.515.909	(123.454)	613.227	(82.022)
Các khoản đầu tư ủy thác, hợp đồng hợp tác đầu tư và các khoản đầu tư khác (ii)	5.822.723	(75.994)	3.978.522	(26.937)
Tổng cộng	7.338.632	(199.448)	4.591.749	(108.959)

Đơn vị tính: Triệu VND

(i) Các khoản đầu tư chứng khoán

	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn đã niêm yết	451.252	395	(106.368)	345.279	(106.368)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết(*)	74.222	670	(17.086)	57.806	(17.086)
Chứng khoán nợ	990.435	-	-	990.435	-
	1.515.909	1.065	(123.454)	1.393.520	(123.454)

	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn đã niêm yết	306.080	4.359	(6.891)	303.548	(6.891)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết(*)	307.147	753	(75.131)	232.769	(75.131)
	613.227	5.112	(82.022)	536.317	(82.022)

Đơn vị tính: Triệu VND

(ii) Các khoản đầu tư ủy thác, hợp đồng hợp tác đầu tư và các khoản đầu tư khác

	31.12.2010	31.12.2009
Các khoản đầu tư ủy thác với lợi nhuận cố định	1.139.384	2.579.792
Các khoản đầu tư ủy thác với danh mục đầu tư	405.818	207.201
Các hợp đồng hợp tác đầu tư với lợi nhuận cố định	3.320.508	263.297
Các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	460.340
Các khoản đầu tư khác	957.013	467.892
	5.822.723	3.978.522
Dự phòng	(75.994)	(26.937)
	5.746.729	3.951.585

Đơn vị tính: Triệu VND

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết là chứng chỉ quỹ với giá trị tài sản ròng theo báo cáo gần nhất. Đối với các chứng khoán vốn chưa niêm yết giá trị thị trường được xác định theo thứ tự ưu tiên là giá bình quân niêm yết của 3 công ty chứng khoán, giá trị xác định theo các mô hình định giá.

(b) Đầu tư dài hạn

(i) Chứng khoán sẵn sàng để bán

31.12.2010

	Giá vốn	Tăng	Giảm	Giá thị trường	Dự phòng
Chứng khoán vốn niêm yết	230.302	39.842	(96)	270.048	(96)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	182.050	2.899	(2.967)	181.982	(2.967)
	412.352	42.741	(3.063)	452.030	(3.063)

31.12.2009

	Giá vốn	Tăng	Giảm	Giá thị trường	Dự phòng
Chứng khoán vốn niêm yết	56.439	-	(24.761)	31.678	(24.761)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	113.725	10.121	(4.561)	119.285	(4.561)
	170.164	10.121	(29.322)	150.963	(29.322)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

31.12.2010

31.12.2009

Chứng khoán nợ	-	173.500
----------------	---	---------

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

5. Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán

31.12.2010

31.12.2009

Thu nhập trích trước từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	30.431	10.575
Thu nhập trích trước từ hợp đồng đầu tư ngắn hạn khác	9.566	12.696
Các khoản phải thu khác	4.465	5.985
	44.462	29.256

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

6. Các khoản phải thu khác

31.12.2010

31.12.2009

Phải thu từ việc bán chứng khoán chưa niêm yết	139.038	300.117
Phải thu từ việc bán chứng khoán niêm yết	26.424	-
Cổ tức phải thu	20.176	5.874
Tạm ứng cho nhà đầu tư cho các giao dịch bán chứng khoán	295.995	252.418
Lãi trích trước từ hoạt động ủy thác đầu tư, hợp đồng hợp tác đầu tư, và hợp đồng hỗ trợ vốn	81.150	61.899
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu trích trước	23.288	3.107
Các khoản phải thu khác	4.871	1.038
	590.942	624.453

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

7. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Tòa nhà	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	115.094	-	28.736	420	144.250
Mua trong năm	-	3.525	17.834	834	22.193
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 7(d))	-	-	7.519	-	7.519
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	96	96
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	115.094	3.525	54.089	1.350	174.058
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	3.421	-	15.839	17	19.277
Khấu hao trong năm	4.606	1.142	11.835	265	17.848
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	5	5
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	8.027	1.142	27.674	287	37.130
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	111.673	-	12.897	403	124.973
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	107.067	2.383	26.415	1.063	136.928

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 7(c)) là 168 tỷ đồng nguyên giá tài sản được thế chấp tại các công ty khác cho việc phát hành trái phiếu (xem Thuyết minh số 9).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	7.029
Thuê mới	4.375
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	11.404
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	2.424
Khấu hao trong năm	855
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.279
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	4.605
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	8.125

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm hệ thống	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	58.000	18.346	76.346
Mua mới	-	3.530	3.530
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 7(d))	-	3.526	3.526
Tại ngày 31 tháng 12 năm 20	58.000	25.402	83.402
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	-	5.959	5.959
Khấu hao trong năm	-	5.276	5.276
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	11.235	11.235
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	58.000	12.387	70.387
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	58.000	14.167	72.167

Đơn vị tính: Triệu VND

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010	2009
Số đầu năm	2.588	16.397
Tăng	22.813	184.199
Chuyển vào tài sản cố định hữu hình (Xem Thuyết minh số 7(a))	(7.519)	(120.689)
Chuyển vào tài sản cố định vô hình (Xem Thuyết minh số 7(c))	(3.526)	(72.878)
Chuyển vào các khoản trả trước ngắn hạn	(3.812)	(4.441)
Số cuối năm	10.544	2.588

Đơn vị tính: Triệu VND

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2010	2009
Số đầu năm	3.966	-
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	5.410	3.966
Số cuối năm	9.376	3.966

Đơn vị tính: Triệu VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng trợ cấp thôi việc, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chưa niêm yết.

9. Các khoản vay

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	31.12.2010	31.12.2009
Vay ngắn hạn	15.995	485.000
Trái phiếu phát hành	3.501.000	1.980.000
	3.516.995	2.465.000

Đơn vị tính: Triệu VND

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và công ty với lãi suất từ 13%/năm (2009: từ 9%/năm đến 13%/năm).

Trái phiếu phát hành có kỳ hạn 1 hoặc 2 năm và đáo hạn trong vòng 1 năm tính từ ngày bảng cân đối kế toán. Trái phiếu có lãi suất biến động từ 11,04% đến 19%/năm (2009: từ 10% đến 15%/năm).

(b) Vay và nợ dài hạn

	31.12.2010	31.12.2009
Nợ thuê tài chính (*)	6.637	3.562
Trái phiếu phát hành (**)	130.000	2.120.000
	136.637	2.123.562

Đơn vị tính: Triệu VND

(*) Các khoản nợ thuê tài chính

	31.12.2010			31.12.2009		
	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi	Nợ gốc	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi	Nợ gốc
Trong vòng 1 năm	3.594	737	2.857	2.135	328	1.807
Từ 1-5 năm	4.384	604	3.780	1.896	141	1.755
	7.978	1.341	6.637	4.031	469	3.562

Đơn vị tính: Triệu VND

Các khoản nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính tại công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (xem Thuyết minh số 7(b)).

(**) Các trái phiếu được phát hành cho kỳ hạn hai hoặc ba năm với lãi suất biến động từ 11,28% đến 14,04%/năm (2009: 10,5%/năm đến 14%/năm, trong đó 120 tỷ trị giá trái phiếu được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tòa nhà là văn phòng công ty (xem Thuyết minh số 7(a)).

10. Phải trả người bán

	31.12.2010	31.12.2009
Phải trả cho việc mua chứng khoán chưa niêm yết	59.672	260.668
Các khoản phải trả khác	2.395	757
	62.067	261.425

Đơn vị tính: Triệu VND

11. Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

	31.12.2010	31.12.2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.024
Các loại thuế khác	720	4.538
	720	11.562

Đơn vị tính: Triệu VND

12. Chi phí phải trả

	31.12.2010	31.12.2009
Lãi phải trả cho các khoản vay và trái phiếu	107.797	60.306
Phí phải trả cho hoạt động môi giới	2.246	1.807
Chi phí trích trước cho hoạt động kinh doanh	2.341	2.548
Khác	1.893	1.752
	114.277	66.413

Đơn vị tính: Triệu VND

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31.12.2010	31.12.2009
Phải trả nhà đầu tư (*)	332.974	528.841
Phải trả trung tâm giao dịch chứng khoán	398.274	361.725
	731.248	890.566

Đơn vị tính: Triệu VND

(*) Phải trả nhà đầu tư thể hiện số tiền của các nhà đầu tư gửi tại công ty cho mục đích hoạt động đầu tư.

14. Các khoản phải trả khác

	31.12.2010	31.12.2009
Thưởng cho nhân viên	-	16.522
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	364	685
Các khoản phải trả liên quan hợp đồng môi giới trái phiếu (*)	2.951.647	-
Các khoản phải trả khác	13.511	3.318
	2.965.522	20.525

Đơn vị tính: Triệu VND

(*) Khoản mục này bao gồm các khoản tiền tạm ứng nhận được từ các tổ chức kinh tế và các chi phí trích trước liên quan đến các hợp đồng môi giới mua trái phiếu.

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Thặng dư vốn	Tổng cộng
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2009	110.000.000	1.100.000	-	1.100.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	110.000.000	1.100.000	-	1.100.000
Mệnh giá cổ phiếu phát hành	16.660.000	166.600	140.300	306.900
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	126.660.000	1.266.600	140.300	1.406.900

Đơn vị tính: Triệu VND

(b) Lợi nhuận giữ lại và các quỹ khác

	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính và bổ sung vốn điều lệ (*)	Các quỹ khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2009	1.112	19.946	26.405	-	8.544	56.007
Kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	253.600	-	-	-	-	253.600
Phân bổ các quỹ	(87.537)	25.446	29.519	-	32.572	-
Chuyển lợi nhuận về ngân hàng mẹ	(130.000)	-	-	-	-	(130.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	(73)	-	(73)
Sử dụng các quỹ	-	-	(701)	-	(8.718)	(9.419)
Chuyển sang lợi ích cổ đông thiểu số	838	-	-	36	-	874
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	38.013	45.392	55.223	(37)	32.398	170.989
Kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	98.259	-	-	-	-	98.259
Phân bổ các quỹ	(13.691)	10.131	-	-	3.560	-
Chuyển lợi nhuận về ngân hàng mẹ	(16.497)	-	-	-	-	(16.497)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	472	-	472
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.329)	-	(11.378)	(12.707)
Chuyển sang lợi ích cổ đông thiểu số	3.151	-	-	(544)	-	2.607
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	109.235	55.523	53.894	(109)	24.580	243.123

Đơn vị tính: Triệu VND

(*) Theo Thông tư số 11/2000/TT- BTC ngày 01 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty được yêu cầu phải thiết lập các quỹ như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ này đạt tới 100% vốn điều lệ của công ty; và
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ này đạt tới 10% vốn điều lệ của công ty.

(c) Lợi ích cổ đông thiểu số

	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2009	-	-	-	-
Vốn tăng trong năm	3.249	-	-	3.249
Lỗ hoạt động trong năm	-	(838)	-	(838)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các công ty con ở nước ngoài	-	-	(36)	(36)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.249	(838)	(36)	2.375
Vốn tăng trong năm	5	-	-	5
Lỗ hoạt động trong năm	-	(3.151)	-	(3.151)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các công ty con ở nước ngoài	-	-	544	544
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.254	(3.989)	508	(227)

Đơn vị tính: Triệu VND

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm

	2010	2009
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của công ty (triệu đồng)	101.410	254.438
Lợi nhuận thuần được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	101.410	254.438
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	111.396.822	110.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	910	2.313

Đơn vị tính: Triệu VND

17. Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn

	2010	2009
Thu nhập cổ tức	56.831	47.348
Thu nhập từ đầu tư trái phiếu	73.917	1.130
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	101.335	181.694
Thu nhập lãi từ ủy thác đầu tư, hợp đồng hỗ trợ vốn và các hợp đồng hợp tác đầu tư	898.942	309.396
	1.131.025	539.568

Đơn vị tính: Triệu VND

18. Doanh thu khác

	2010	2009
Thu nhập lãi tiền gửi	38.706	32.281
Thu nhập từ hoạt động tạm ứng	34.596	29.538
Thu nhập khác	2.323	1.955
	75.625	63.774

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và đầu tư khác

	2010	2009
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	26.924	27.832
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán		
- Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	176.086	49.234
- Dự phòng hoạt động đầu tư chứng khoán	64.230	34.751
- Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn	29.838	-
- Chi phí hoa hồng hoạt động đầu tư chứng khoán	-	6.250
Chi phí lãi vay	489.097	204.428
Chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng môi giới mua trái phiếu	341.365	17.937
Chi phí tư vấn	-	13.599
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	60.171	72.945
	1.187.711	426.976

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010	2009
Khấu hao tài sản cố định	14.017	12.172
Chi phí nhân viên	50.016	25.908
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	424	375
Chi phí công cụ, đồ dùng	3.045	1.798
Thuế, phí, lệ phí	49	128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.027	12.590
Chi phí bằng tiền khác	10.885	6.187
	96.463	59.158

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Theo Quyết định số 100/2004TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 do Bộ tài chính ban hành, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế trong 10 năm đầu tiên kể từ ngày bắt đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm đầu tiên và giảm trừ 50% mức thuế (TNDN) cho 3 năm tiếp theo, mức thuế áp dụng cho công ty là 10% trong năm 2009 và năm 2010.

	2010	2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.824	29.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 8)	(5.410)	(3.966)
	3.414	25.955

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Thuế TNDN của công ty trên lợi nhuận trước thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 khác biệt so với mức thuế suất 10% được thể hiện như sau:

	2010	2009
Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.673	279.555
Thuế tính ở thuế suất 10%	10.167	27.956
Điều chỉnh		
Chi phí không được khấu trừ	8.526	4.347
Thu nhập không chịu thuế	(13.784)	(4.744)
Thuế thu nhập bổ sung theo tỷ lệ 25%	1.739	875
Dự phòng thiếu của năm trước	2.176	1.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời	(5.410)	(3.966)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.414	25.955

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế

22. Nghiệp vụ với các bên liên quan

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan

(i) Doanh thu từ các giao dịch với các bên liên quan

	2010	2009
Sacombank	23.005	22.448
Các công ty liên quan khác	12.934	26.733
	35.939	49.181

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(ii) Chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan

	2010	2009
Sacombank	108.327	2.008
Các công ty liên quan khác	43.698	2.665
	152.025	4.673

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2010	2009
Lương và các quyền lợi gộp khác	7.310	3.833

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(iv) Hoạt động tài chính

	2010	2009
Lợi nhuận chuyển về Sacombank	16.497	130.000
Các bên liên quan khác – Chuyển vốn liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư	745.691	819.826
Các bên liên quan khác – Nhận lại vốn liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư	752.553	762.360
Các bên liên quan khác – Nợ thuê tài chính	5.454	-
Các bên liên quan khác – Hoàn trả nợ thuê	2.379	1.794
Các bên liên quan khác – Tiền vay nhận được	470.000	127.000
	470.000	21.000

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(v) Các giao dịch khác trong năm

	2010	2009
Sacombank – Giá trị chuyển nhượng chứng khoán OTC	17.300	123.295
Sacombank – Giá trị mua các chứng khoán OTC	20.300	182.966
Các bên liên quan khác – Giá trị chuyển nhượng chứng khoán OTC	-	62.672
Các bên liên quan khác – Giá trị mua các chứng khoán OTC	56.250	-
Sacombank – Tiền nhận được từ các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.600.000	-
Sacombank – Hoàn trả liên các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.600.000	-
Các bên liên quan khác – Tiền nhận được từ các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.262.000	-
Các bên liên quan khác – Hoàn trả liên các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.262.000	-

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.2.2010	31.12.2009
Tài sản và các khoản phải thu		
Sacombank – Tiền và các khoản phải thu khác	577.130	606.770
Các bên liên quan khác – Tiền và các khoản phải thu khác	-	5.592
Các bên liên quan khác – Phải thu từ chuyển nhượng chứng khoán	-	73.922
Các bên liên quan khác – Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	60.635	78.917
Các công ty liên quan khác – Các khoản phải thu khác	1.317	-
	639.082	765.201

Các khoản phải trả		
Sacombank – Các khoản phải trả	59.672	263.709
Các bên liên quan khác – vay thuê tài chính	6.637	3.562
Các bên liên quan khác – vay khác	-	106.000
	66.309	373.271

Đơn vị tính: Triệu VND

23. Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.2.2010	31.12.2009
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	1.696	7.437
Phần mềm vi tính	6.201	856
	7.897	8.293

Đơn vị tính: Triệu VND

24. Các cam kết hoạt động

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.2.2010	31.12.2009
Các khoản phải trả dưới một năm	11.080	7.976
Các khoản phải trả trong vòng từ một đến năm năm	14.969	14.760
	26.049	22.736

Đơn vị tính: Triệu VND

25. Các cam kết khác

Trong năm, công ty có ký kết các hợp đồng mua bán lại chứng khoán với tổng giá trị cam kết bán như sau:

	31.2.2010	31.12.2009
Cam kết theo hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	460.340
Đơn vị tính: Triệu VNĐ		

26. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Người đại diện theo pháp luật duyệt ngày 09 tháng 3 năm 2011.



Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 09 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Nội dung

- 78 Thông tin về doanh nghiệp
- 80 Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật
- 81 Báo cáo của kiểm toán viên
- 83 Bảng cân đối kế toán
- 85 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 86 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 87 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Thông tin về doanh nghiệp

Giấy phép thành lập

Số 4104000197 ngày 25 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 9 năm 2006 và giấy phép sửa đổi lần thứ nhất tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 11 tháng 9 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Quyết định số 945/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2009 chấp thuận công ty đổi loại hình hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần.

Công văn số 677/UBCK-GCN ngày 20 tháng 9 năm 2010 chấp thuận cho công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ.

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)

Ban Kiểm Soát

Ông Hoàng Khánh Sinh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
Bà Trần Thị Mai Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2010)
	Ông Nguyễn Hồ Nam	Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
	Ông Mạc Hữu Danh	Phó Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
	Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2010)
	Ông Đinh Hoài Châu	Phó Tổng Giám Đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2010)
	Ông Ngô Quảng Phú	Phó Tổng Giám Đốc
	Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám Đốc
	Bà Phạm Trần Thu Hà	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2010)
	Bà Nguyễn Bích Thủy	Kế toán trưởng
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Trụ sở chính	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật đối với các báo cáo tài chính riêng

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tôi, Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

Phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính riêng này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng của công ty nên đọc các báo cáo tài chính này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Công ty.



Nguyễn Hồ Chí Minh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 08 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kiểm toán độc lập gửi các cổ đông của công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín ("công ty") và các công ty con được Người đại diện theo pháp luật của công ty phê duyệt ngày 08 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật đối với các báo cáo tài chính riêng

Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính riêng bị sai sót trọng yếu do gian trá hoặc bị lỗi. Trong việc đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Người đại diện theo pháp luật đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám Đốc
Chữ ký được ủy quyền



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2683
Ngày 08 tháng 3 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12

TÀI SẢN	Thuyết minh	2010	2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.506.286	6.592.465
I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	696.110	1.419.303
1 Tiền		466.297	829.303
2 Các khoản tương đương tiền		229.813	590.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	7.139.179	4.482.790
1 Đầu tư ngắn hạn		7.338.627	4.591.749
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(199.448)	(108.959)
III Các khoản phải thu		652.267	660.653
1 Phải thu khách hàng		5.494	2.141
2 Trả trước cho nhà cung cấp		10.778	4.987
3 Phải thu nội bộ		2.410	-
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5	44.462	29.256
5 Các khoản phải thu khác	6	589.123	624.274
V Tài sản ngắn hạn khác		18.730	29.719
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		5.562	17.628
3 Các khoản thuế phải thu khác		7.152	-
4 Tài sản ngắn hạn khác		6.016	12.091
B TÀI SẢN DÀI HẠN		683.318	537.886
II Tài sản cố định		224.869	202.150
1 Tài sản cố định hữu hình	7(a)	135.865	124.570
Nguyên giá		172.708	143.830
Giá trị hao mòn lũy kế		(36.843)	(19.260)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	7(b)	8.125	4.605
Nguyên giá		11.404	7.029
Giá trị hao mòn lũy kế		(3.279)	(2.424)
3 Tài sản cố định vô hình	7(c)	72.167	70.387
Nguyên giá		83.402	76.346
Giá trị hao mòn lũy kế		(11.235)	(5.959)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(d)	8.712	2.588
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		433.131	316.881
1 Đầu tư vào công ty con	4(b)	28.628	3.382
2 Đầu tư chứng khoán dài hạn			
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	4(b)	412.352	170.164
3 Các khoản đầu tư khác	4(b)	-	173.500
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	4(b)	(7.849)	(30.165)

V Tài sản dài hạn khác		25.318	18.855
1 Trả trước dài hạn		6.517	8.226
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	8	9.376	3.966
3 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		6.628	4.192
4 Tài sản dài hạn khác		2.797	2.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.189.604	7.130.351

NGUỒN VỐN		7.564.180	5.891.694
I Nợ ngắn hạn		7.424.432	3.765.347
1 Vay ngắn hạn	9(a)	3.516.995	2.465.000
2 Phải trả người bán	10	62.067	261.425
3 Người mua trả tiền trước		2.183	615
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	678	11.562
5 Phải trả người lao động		6.224	3.889
6 Chi phí phải trả	12	114.137	66.339
7 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	731.248	890.566
8 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.488	9.725
9 Quỹ khen thưởng và phúc lợi		24.580	32.398
10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2.963.524	21.093
11 Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn		308	2.735

II Nợ dài hạn		139.748	2.126.347
1 Vay và nợ dài hạn	9(b)	136.637	2.123.562
2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.273	1.947
3 Phải trả dài hạn khác		838	838

B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.625.424	1.238.657
I Vốn góp và các quỹ		1.625.424	1.238.657
1 Vốn cổ phần	15.1	1.266.600	1.100.000
2 Thặng dư vốn	15.1	140.300	-
3 Quỹ đầu tư phát triển	15.2	5.446	6.466
4 Quỹ dự phòng tài chính và bổ sung vốn điều lệ	15.2	55.523	45.392
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.2	48.448	48.757
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.2	109.107	38.013
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.189.604	7.130.351

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Các thuyết minh từ trang 87 đến trang 104 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này



Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 08 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12

	Thuyết minh	2010	2009
1 Doanh thu		1.376.817	762.541
Trong đó:			
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		116.534	138.224
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16	1.131.025	539.568
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		34.997	13.991
Doanh thu hoạt động tư vấn		19.039	6.984
Doanh thu khác	17	75.222	63.774
3 Doanh thu thuần		1.376.817	762.541
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	18	(1.191.654)	(427.819)
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		185.163	334.722
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(89.093)	(57.060)
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.070	277.662
8 Thu nhập khác		14.076	8.259
9 Chi phí khác		(5.479)	(5.499)
10 Thu nhập khác		8.597	2.760
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.667	280.422
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	(8.824)	(29.921)
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8	5.410	3.966
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN		101.253	254.467

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Các thuyết minh từ trang 87 đến trang 104 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này



Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 08 tháng 3 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12

	Thuyết minh	2010	2009
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế		104.667	280.422
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định		23.714	18.571
Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư		68.173	36.437
Lãi từ hoạt động đầu tư		(925.396)	(494.384)
Chi phí lãi vay		489.097	222.365
3 (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		239.745	63.411
Giảm/(tăng) các khoản phải thu		89.664	(503.828)
Tăng các khoản phải trả		2.563.063	844.477
Giảm/(tăng) các chi phí trả trước		10.082	(12.530)
Tiền lãi vay đã trả		(441.606)	(175.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.000)	(20.683)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.003)	(6.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.957.455	188.314
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(50.245)	(180.298)
3 Chuyển vốn đầu tư, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(55.477.986)	(26.720.374)
4 Nhận vốn hoàn trả đầu tư, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		52.849.766	23.653.200
5 Đầu tư vào các đơn vị khác		(2.726.738)	(2.041.333)
6 Thu từ việc thanh lý các khoản đầu tư		2.442.763	2.070.458
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		926.319	303.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.036.121)	(2.914.733)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		306.900	-
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.091.449	5.611.411
2 Thanh toán nợ vay ngắn hạn, dài hạn		(5.024.000)	(1.953.614)
3 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(2.379)	(1.794)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.497)	(122.181)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(644.527)	3.533.825
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(723.193)	807.406
Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.419.303	611.897
Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	696.110	1.419.303

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Các thuyết minh từ trang 87 đến trang 104 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này

Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập

Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 08 tháng 3 năm 2011

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng lẻ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

1. Đặc điểm hoạt động của công ty

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín (“công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép số 4104000197, ngày 25 tháng 9 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và giấy phép sửa đổi lần thứ nhất tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 73/UBCK-GP, ngày 11 tháng 9 năm 2007 và Quyết định số 945/QĐ-UBCK, ngày 29 tháng 12 năm 2009 chấp thuận cho công ty đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần.

Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn tăng vốn điều lệ từ 1.100.000 triệu đồng lên 1.266.600 triệu đồng vào ngày 20 tháng 9 năm 2010 theo Công văn số 677/UBCK-GCN của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty có 384 nhân viên (năm 2009: 301 nhân viên).

2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Công ty.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Công ty được chấp thuận đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần theo Quyết định số 945/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty xác định năm tài chính cuối cùng cho hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn là từ ngày 01 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 16 tháng 1 năm 2010. Năm tài chính đầu tiên cho hình thức công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký sổ cái trên máy để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng

2.6 Các khoản đầu tư

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá trị mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư ủy thác và các hợp đồng hỗ trợ vốn

Các khoản đầu tư ủy thác được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

Hoạt động hỗ trợ vốn được ghi nhận vào các khoản đầu tư ngắn hạn và ghi nhận theo giá vốn trừ dự phòng.

Các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn khác

Các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá trị vốn góp ban đầu. Dự phòng được trích lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

(b) Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào các công ty con

Các công ty con là những công ty mà công ty có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động, nói chung được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Khoản đầu tư vào công ty con đầu tiên được ghi nhận theo giá vốn trong báo cáo tài chính riêng. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá vốn mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá vốn trừ các khoản dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm về giá trị đầu tư.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ được ghi nhận là các khoản giảm trừ vào giá trị còn lại của chứng khoán kinh doanh cho từng giao dịch phát sinh trước ngày mua và được ghi nhận là thu nhập đầu tư cho từng giao dịch phát sinh kể từ ngày mua.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	14,29%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	33,33%
Phần mềm hệ thống	33,33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản cố định mà về thực chất công ty chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi điểm việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Bên thuê có trách nhiệm tính, trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo định kỳ trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê. Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm thu phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(b) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh, cổ tức, thu nhập từ các khoản đầu tư ủy thác, các hợp đồng hỗ trợ vốn, và các hợp đồng đầu tư ngắn hạn khác.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh giữa giá mua và giá bán ra. Các khoản doanh thu này được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi giao dịch hoàn tất.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào thu nhập trong năm 2010.

Thu nhập từ các khoản ủy thác đầu tư, các hợp đồng hỗ trợ vốn và các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận trong năm được hưởng thu nhập theo phương pháp trích trước.

(c) Doanh thu hoạt động khác

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.11 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban

hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.12 Chia cổ tức

Cổ tức được chia cho các cổ đông của công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông của công ty phê chuẩn.

2.13 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Dự phòng trợ cấp thôi việc không được lập thêm từ ngày 01 tháng 1 năm 2009 là thời điểm Bảo hiểm thất nghiệp có hiệu lực.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31.12.2010	31.12.2009
Tiền mặt	-	124
Tiền gửi ngân hàng	361.378	1.257.058
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	334.732	162.121
	696.110	1.419.303

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Trong tổng số tiền và các khoản tương đương tiền có 332.974 triệu đồng (2009:528.841 triệu đồng) là tiền của nhà đầu tư do Công ty giữ để phục vụ hoạt động đầu tư. Tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng.

4. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

(i) Các khoản đầu tư chứng khoán

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn đã niêm yết	451.252	395	(106.368)	345.279	(106.368)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết(*)	74.222	670	(17.086)	57.806	(17.086)
Chứng khoán nợ	990.435	-	-	990.435	-
	1.515.909	1.065	(123.454)	1.393.520	(123.454)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn đã niêm yết	306.080	4.359	(6.891)	303.548	(6.891)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết(*)	307.147	753	(75.131)	232.769	(75.131)
	613.227	5.112	(82.022)	536.317	(82.022)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(ii) Các khoản đầu tư ủy thác, hợp đồng hợp tác đầu tư và các khoản đầu tư khác

	31.12.2010	31.12.2009
Các khoản đầu tư ủy thác với lợi nhuận cố định	1.139.384	2.579.792
Các khoản đầu tư ủy thác với danh mục đầu tư	405.818	207.201
Các hợp đồng hợp tác đầu tư với lợi nhuận cố định	3.320.508	263.297
Các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	460.340
Các khoản đầu tư khác	957.008	467.892
	5.822.718	3.978.522
Dự phòng	(75.994)	(26.937)
	5.746.724	3.951.585

Đơn vị tính: Triệu VND

(b) Đầu tư dài hạn

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty con

	31.12.2010	31.12.2009
Đầu tư vào các công ty con	28.628	3.382
Dự phòng	(4.786)	(843)
	23.842	2.539

Đơn vị tính: Triệu VND

31.12.2010

	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ phần vốn do Công ty nắm giữ trực tiếp	% Tỷ lệ phần vốn do Công ty nắm giữ gián tiếp	% Tổng cộng Tỷ lệ phần vốn do Công ty nắm giữ
SBS Global Investment Pte. Ltd	200908462W	Dịch vụ tài chính	51%	-	51%
Asia Alliance Capital PTE. LTD	200908535G	Dịch vụ tài chính	-	51%	51%
Công ty chứng khoán Campuchia	Co.0297E/2010	Dịch vụ tài chính	99,98%	-	99,98%

Đơn vị tính: Tỷ lệ phần trăm (%)

31.12.2009

	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ phần vốn do Công ty nắm giữ trực tiếp	% Tỷ lệ phần vốn do Công ty nắm giữ gián tiếp	% Tổng cộng Tỷ lệ phần vốn do Công ty nắm giữ
SBS Global Investment Pte. Ltd	200908462W	Dịch vụ tài chính	51%	-	51%
Asia Alliance Capital PTE. LTD	200908535G	Dịch vụ tài chính	-	51%	51%

Đơn vị tính: Tỷ lệ phần trăm (%)

(* mục 4.a.i) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết là chứng chỉ quỹ với giá trị tài sản ròng theo báo cáo gần nhất. Đối với các chứng khoán vốn chưa niêm yết giá trị thị trường được xác định theo thứ tự ưu tiên là giá bình quân niêm yết của 3 công ty chứng khoán, giá trị xác định theo các mô hình định giá.

(ii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

31.12.2010

	Giá vốn	Tăng	Giảm	Giá thị trường	Dự phòng
Chứng khoán vốn niêm yết	230.302	39.842	(96)	270.048	(96)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	182.050	2.899	(2.967)	181.982	(2.967)
	412.352	42.741	(3.063)	452.030	(3.063)

Đơn vị tính: Triệu VND

31.12.2009

	Giá vốn	Tăng	Giảm	Giá thị trường	Dự phòng
Chứng khoán vốn niêm yết	56.439	-	(24.761)	31.678	(24.761)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	113.725	10.121	(4.561)	119.285	(4.561)
	170.164	10.121	(29.322)	150.963	(29.322)

Đơn vị tính: Triệu VND

(iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

31.12.2010

31.12.2009

Chứng khoán nợ	-	173.500
----------------	---	---------

Đơn vị tính: Triệu VND

5. Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán

31.12.2010

31.12.2009

Thu nhập trích trước từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	30.431	10.575
Thu nhập trích trước từ hợp đồng đầu tư ngắn hạn khác	9.566	12.696
Các khoản phải thu khác	4.465	5.985
	44.462	29.256

Đơn vị tính: Triệu VND

6. Các khoản phải thu khác

31.12.2010

31.12.2009

Phải thu từ việc bán chứng khoán chưa niêm yết	139.038	300.117
Phải thu từ việc bán chứng khoán niêm yết	26.424	-
Cổ tức phải thu	20.176	5.874
Tạm ứng cho nhà đầu tư cho các giao dịch bán chứng khoán	295.995	252.418
Lãi trích trước từ hoạt động ủy thác đầu tư, hợp đồng hợp tác đầu tư, và hợp đồng hỗ trợ vốn	81.150	61.899
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu trích trước	23.288	3.107
Các khoản phải thu khác	3.052	859
	589.123	624.274

Đơn vị tính: Triệu VND

7. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Tòa nhà	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	115.094	-	28.736	143.830
Mua trong năm	-	3.525	17.834	21.359
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 7(d))	-	-	7.519	7.519
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	115.094	3.525	54.089	172.708
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	3.421	-	15.839	19.260
Khấu hao trong năm	4.606	1.142	11.835	17.583
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	8.027	1.142	27.674	36.843
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	111.673	-	12.897	124.570
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	107.067	2.383	26.415	135.865

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 7(c)) là 168 tỷ đồng nguyên giá tài sản được thế chấp tại các công ty khác cho việc phát hành trái phiếu (xem Thuyết minh số 9).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	7.029
Thuê mới	4.375
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	11.404
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	2.424
Khấu hao trong năm	855
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.279
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	4.605
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	8.125

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm hệ thống	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	58.000	18.346	76.346
Mua mới	-	3.530	3.530
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Xem Thuyết minh số 7(d))	-	3.526	3.526
Tại ngày 31 tháng 12 năm 20	58.000	25.402	83.402
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	-	5.959	5.959
Khấu hao trong năm	-	5.276	5.276
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	11.235	11.235
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 1 năm 2010	58.000	12.387	70.387
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	58.000	14.167	72.167

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010	2009
Số đầu năm	2.588	16.397
Tăng	20.981	184.199
Chuyển vào tài sản cố định hữu hình (Xem Thuyết minh số 7(a))	(7.519)	(120.689)
Chuyển vào tài sản cố định vô hình (Xem Thuyết minh số 7(c))	(3.526)	(72.878)
Chuyển vào các khoản trả trước ngắn hạn	(3.812)	(4.441)
Số cuối năm	8.712	2.588

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2010	2009
Số đầu năm	3.966	-
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	5.410	3.966
Số cuối năm	9.376	3.966

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng trợ cấp thôi việc, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chưa niêm yết.

9. Các khoản vay

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	31.12.2010	31.12.2009
Vay ngắn hạn	15.995	485.000
Trái phiếu phát hành	3.501.000	1.980.000
	3.516.995	2.465.000

Đơn vị tính: Triệu VND

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và công ty với lãi suất từ 13%/năm (2009: từ 9%/năm đến 13%/năm).

Trái phiếu phát hành có kỳ hạn 1 hoặc 2 năm và đáo hạn trong vòng 1 năm tính từ ngày bảng cân đối kế toán. Trái phiếu có lãi suất biến động từ 11,04% đến 19%/năm (2009: từ 10% đến 15%/năm).

(b) Vay và nợ dài hạn

	31.12.2010	31.12.2009
Nợ thuê tài chính (*)	6.637	3.562
Trái phiếu phát hành (**)	130.000	2.120.000
	136.637	2.123.562

Đơn vị tính: Triệu VND

(*) Các khoản nợ thuê tài chính

	31.12.2010			31.12.2009		
	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi	Nợ gốc	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi	Nợ gốc
Trong vòng 1 năm	3.594	737	2.857	2.135	328	1.807
Từ 1-5 năm	4.384	604	3.780	1.896	141	1.755
	7.978	1.341	6.637	4.031	469	3.562

Đơn vị tính: Triệu VND

Các khoản nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính tại công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (xem Thuyết minh số 7(b)).

(**) Các trái phiếu được phát hành cho kỳ hạn hai hoặc ba năm với lãi suất biến động từ 11,28% đến 14,04%/năm (2009: 10,5%/năm đến 14%/năm, trong đó 120 tỷ trị giá trái phiếu được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tòa nhà là văn phòng công ty (xem Thuyết minh số 7(a)).

10. Phải trả người bán

	31.12.2010	31.12.2009
Phải trả cho việc mua chứng khoán chưa niêm yết	59.672	260.668
Các khoản phải trả khác	2.395	757
	62.067	261.425

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

11. Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

	31.12.2010	31.12.2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.024
Các loại thuế khác	678	4.538
	678	11.562

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

12. Chi phí phải trả

	31.12.2010	31.12.2009
Lãi phải trả cho các khoản vay và trái phiếu	107.797	60.306
Phí phải trả cho hoạt động môi giới	2.246	1.807
Chi phí trích trước cho hoạt động kinh doanh	2.201	2.474
Khác	1.893	1.752
	114.137	66.339

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31.12.2010	31.12.2009
Phải trả nhà đầu tư (*)	332.974	528.841
Phải trả trung tâm giao dịch chứng khoán	398.274	361.725
	731.248	890.566

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(*) Phải trả nhà đầu tư thể hiện số tiền của các nhà đầu tư gửi tại công ty cho mục đích hoạt động đầu tư.

14. Các khoản phải trả khác

	31.12.2010	31.12.2009
Thưởng cho nhân viên	-	16.522
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	364	685
Các khoản phải trả liên quan hợp đồng môi giới trái phiếu (*)	2.951.647	-
Các khoản phải trả khác	11.513	3.886
	2.963.524	21.093

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(*) Khoản mục này bao gồm các khoản tiền tạm ứng nhận được từ các tổ chức kinh tế và các chi phí trích trước liên quan đến các hợp đồng môi giới mua trái phiếu.

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh				
Vốn góp	1.100.000	166.600	-	1.266.600
Thặng dư vốn	-	140.300	-	140.300
Quỹ dự trữ theo luật định (*)	45.392	10.131	-	55.523
Quỹ đầu tư phát triển	6.466	-	(1.020)	5.446
Quỹ khác	48.757	-	(309)	48.448
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
- Số đầu kỳ	38.042	-	-	-
- Lợi nhuận ròng trong năm	-	101.253	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	(13.691)	-
- Chuyển lợi nhuận về ngân hàng mẹ	-	-	(16.497)	-
- Số cuối kỳ	-	-	-	109.107
Tổng cộng	1.238.657	418.284	(31.517)	1.625.424

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(*) Theo Thông tư số 11/2000/TT- BTC ngày 01 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty được yêu cầu phải thiết lập các quỹ như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ này đạt tới 100% vốn điều lệ của công ty; và
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ này đạt tới 10% vốn điều lệ của công ty.

16. Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn

	2010	2009
Thu nhập cổ tức	56.831	47.348
Thu nhập từ đầu tư trái phiếu	73.917	1.130
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	101.335	181.694
Thu nhập lãi từ ủy thác đầu tư, hợp đồng hỗ trợ vốn và các hợp đồng hợp tác đầu tư	898.942	309.396
	1.131.025	539.568

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

17. Doanh thu khác

	2010	2009
Thu nhập lãi tiền gửi	38.706	32.281
Thu nhập từ hoạt động tạm ứng	34.596	29.538
Thu nhập khác	1.920	1.955
	75.222	63.774

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

18. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và đầu tư khác

	2010	2009
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	26.924	27.832
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán		
- Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	176.086	49.234
- Dự phòng hoạt động đầu tư chứng khoán	68.173	35.594
- Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn	29.838	-
- Chi phí hoa hồng hoạt động đầu tư chứng khoán	-	6.250
Chi phí lãi vay	489.097	204.428
Chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng môi giới mua trái phiếu	341.365	17.937
Chi phí tư vấn	-	13.599
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	60.171	72.945
	1.191.654	427.819

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010	2009
Khấu hao tài sản cố định	13.751	12.155
Chi phí nhân viên	45.912	24.694
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	424	375
Chi phí công cụ, đồ dùng	3.045	1.798
Thuế, phí, lệ phí	49	128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.027	12.590
Chi phí bằng tiền khác	7.885	5.320
	89.093	57.060

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Theo Quyết định số 100/2004TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 do Bộ tài chính ban hành, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế trong 10 năm đầu tiên kể từ ngày bắt đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm đầu tiên và giảm trừ 50% mức thuế (TNDN) cho 3 năm tiếp theo, mức thuế áp dụng cho công ty là 10% trong năm 2009 và năm 2010.

	2010	2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.824	29.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 8)	(5.410)	(3.966)
	3.414	25.955

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Thuế TNDN của công ty trên lợi nhuận trước thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 khác biệt so với mức thuế suất 10% được thể hiện như sau:

	2010	2009
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.667	280.422
Thuế tính ở thuế suất 10%	10.467	28.042
Điều chỉnh		
Chi phí không được khấu trừ	8.226	4.261
Thu nhập không chịu thuế	(13.784)	(4.744)
Thuế thu nhập bổ sung theo tỷ lệ 25%	1.739	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời	(5.410)	(3.966)
Dự phòng thiếu của năm trước	2.176	1.487
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.414	25.955

Đơn vị tính: Triệu VND

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế

21. Nghiệp vụ với các bên liên quan

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan

i) Doanh thu từ các giao dịch với các bên liên quan

	2010	2009
Sacombank	23.005	22.448
Các công ty liên quan khác	12.934	26.733
	35.939	49.181

Đơn vị tính: Triệu VND

ii) Chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan

	2010	2009
Sacombank	108.327	2.008
Các công ty liên quan khác	43.698	2.665
	152.025	4.673

Đơn vị tính: Triệu VND

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2010	2009
Lương và các quyền lợi gộp khác	7.310	3.833

Đơn vị tính: Triệu VND

iv) Hoạt động tài chính

	2010	2009
Lợi nhuận chuyển về Sacombank	16.497	130.000
Các bên liên quan khác – Chuyển vốn liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư	745.691	819.826
Các bên liên quan khác – Nhận lại vốn liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư	752.553	762.360
Các bên liên quan khác – Nợ thuê tài chính	5.454	-
Các bên liên quan khác – Hoàn trả nợ thuê	2.379	1.794
Các bên liên quan khác – Tiền vay nhận được	470.000	127.000
	470.000	21.000

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

v) Các giao dịch khác trong năm

	2010	2009
Sacombank – Giá trị chuyển nhượng chứng khoán OTC	17.300	123.295
Sacombank – Giá trị mua các chứng khoán OTC	20.300	182.966
Các bên liên quan khác – Giá trị chuyển nhượng chứng khoán OTC	-	62.672
Các bên liên quan khác – Giá trị mua các chứng khoán OTC	56.250	-
Sacombank – Tiền nhận được từ các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.600.000	-
Sacombank – Hoàn trả liên các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.600.000	-
Các bên liên quan khác – Tiền nhận được từ các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.262.000	-
Các bên liên quan khác – Hoàn trả liên các hợp đồng môi giới trái phiếu	1.262.000	-

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.2.2010	31.12.2009
Tài sản và các khoản phải thu		
Sacombank – Tiền và các khoản phải thu khác	577.130	606.770
Các bên liên quan khác – Tiền và các khoản phải thu khác	-	5.592
Các bên liên quan khác – Phải thu từ chuyển nhượng chứng khoán	-	73.922
Các bên liên quan khác – Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	60.635	78.917
Các công ty liên quan khác – Các khoản phải thu khác	3.727	-
	641.492	765.201
Các khoản phải trả		
Sacombank – Các khoản phải trả	59.672	263.709
Các bên liên quan khác – vay thuê tài chính	6.637	3.562
Các bên liên quan khác – vay khác	-	106.000
	66.309	373.271

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

22. Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.2.2010	31.12.2009
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	1.696	7.437
Phần mềm vi tính	6.201	856
	7.897	8.293

Đơn vị tính: Triệu VND

23. Các cam kết hoạt động

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.2.2010	31.12.2009
Các khoản phải trả dưới một năm	11.080	7.976
Các khoản phải trả trong vòng từ một đến năm năm	14.969	14.760
	26.049	22.736

Đơn vị tính: Triệu VND

24. Các cam kết khác

Trong năm, công ty có ký kết các hợp đồng mua bán lại chứng khoán với tổng giá trị cam kết bán như sau:

	31.2.2010	31.12.2009
Cam kết theo hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	460.340

Đơn vị tính: Triệu VND

25. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Người đại diện theo pháp luật duyệt ngày 08 tháng 3 năm 2011.



Nguyễn Thị Quỳnh Anh
Người lập



Nguyễn Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nam
Chủ tịch HĐQT
Ngày 08 tháng 3 năm 2011



Các công ty có liên quan

- 108 SBS Global Investment Pte Ltd.
- 109 Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia
- 111 Công ty Đại chúng Chứng khoán Lanexang
- 113 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín



SBS Global Investment Pte Ltd. ("SBSG")



Tổng quan

SBSG ra đời với sứ mệnh mở ra cánh cửa tại Singapore để kết nối các cơ hội đầu tư tại Việt Nam đến các thị trường phát triển trên thế giới và ngược lại.

Chính thức hoạt động từ ngày 30/10/2009 với vốn đăng ký 500.000 (năm trăm ngàn) Đô la Singapore, SBSG đã có những hoạt động sôi nổi tại thị trường Singapore thông qua các buổi hội thảo, thu hút đồng đảo các nhà đầu tư tổ chức, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam như một điểm đến đầy hấp dẫn.

Trang thông tin: <http://www.sbsglobalinvest.com>

Hoạt động và tình hình tài chính của công ty

Tháng 10/2009, SBSG chính thức hoạt động ở Singapore. SBSG đã thành công trong việc mở ra cánh cửa để kết nối các nhà đầu tư giữa Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và ở thị trường Singapore nói riêng.

Thông qua hoạt động của mình, SBSG cũng đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh của Việt Nam đến tất cả các nhà đầu tư trên thị trường quốc tế như là một thị trường hấp dẫn và tiềm năng. Tiếp cận một số khách hàng tiềm năng ở Châu Á ví dụ Tập đoàn Bảo vệ Môi trường Thiên Tân – Trung Quốc; Tập đoàn Tama Home – Nhật Bản nhằm thuyết phục họ tiến hành đầu tư ở Việt Nam.

Tổng lỗ năm 2010 của SBSG là 398.602 USD, chủ yếu đến từ các chi phí quản lý gồm chi phí nhân viên, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh, trong khi không tạo ra doanh thu trong suốt năm 2010.

Khó khăn, thách thức và các thành tựu đạt được

Thách thức, khó khăn

Sản phẩm đầu tư

Sau sự sụp đổ của Lehman Brothers từ 2009 đến tận thời điểm tháng 5/2010, và trong suốt cuộc khủng hoảng kinh tế sau đó, Ban Giám đốc đã quyết định dừng triển khai hoạt động theo nội dung này và chuyển hướng sang cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.

Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Sacombank-SBS đã chào mời một vài đợt phát hành riêng lẻ cổ phiếu của các công ty Việt Nam cho các nhà đầu tư nước ngoài của SBSG. Tiến độ thực hiện đang chậm vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, viễn cảnh thị trường trong mắt các nhà đầu tư đang tốt dần và đang cải thiện. Các nhà đầu tư vẫn đang nghiên cứu và quan sát thị trường thận trọng.

IPO

Là một thị trường phát triển, Singapore hiện đặt ra các yêu cầu khá cao cho các nhà đầu tư muốn tham gia thị trường. Bất kỳ công ty nào muốn thực hiện IPO và niêm yết ở Singapore đều phải tuân theo hệ thống các quy định chặt chẽ, vì thế hầu hết các khách hàng mà SBSG đã tiếp cận đều bày tỏ rằng họ muốn thực hiện khảo sát thị trường trước để xác định thời điểm hợp lý để triển khai hoạt động ở Singapore.

Các công ty tiềm năng ở Việt Nam mong muốn niêm yết ở thị trường Singapore (là một trong các mục đích hoạt động chủ yếu của SBSG) vẫn chưa phát triển.

Những thành quả ban đầu đạt được

Sản phẩm đầu tư

SBSG đang hỗ trợ một số các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Sacombank-SBS để thực hiện giao dịch ở thị trường chứng khoán Việt Nam.

SBSG đã xây dựng một đội ngũ chuyên gia để giúp đỡ các nhà đầu tư có thêm thông tin về thị trường Việt Nam và Singapore.

Cửa ngõ đầu tư vào thị trường Việt Nam

23/10/2009: SBSG đã cùng với SBS tổ chức hội thảo chuyên đề nhằm xúc tiến cơ hội đầu tư vào Việt Nam ở Singapore.

10/05/2010: SBSG giới thiệu Tập đoàn Bảo vệ Môi trường Thiên Tân (TJCEP) với thành phố Cần Thơ nhằm thiết lập dự án Nhà máy xử lý nước thải tại Cần Thơ. TJCEP hiện đang niêm yết ở sàn chứng khoán Thượng Hải và Hồng Kông với tổng giá trị vốn hóa thị trường là 1 tỷ USD tại thời điểm 15/09/2010 với tổng doanh thu là 186 triệu USD, lợi nhuận trước thuế của 6 tháng đầu năm 2010 là 26 triệu USD.

TJCEP có khả năng tài chính và công nghệ để thực hiện dự án xử lý nước sinh hoạt đô thị và dự án xử lý nước thải đô thị với công suất lên đến 100.000m³/ngày đêm. Ở Trung Quốc, TJCEP có khả năng cung cấp 500.000m³/ngày đêm.

Dự án vẫn còn đang ở giai đoạn đàm phán trên giấy tờ giữa TJCEP và thành phố Cần Thơ. Các bên

hy vọng rằng quá trình đàm phán sẽ sớm kết thúc để thành lập công ty liên doanh vào cuối năm 2010.

Ngoài ra, SBSG hiện thay mặt cho TJCEP để tìm kiếm các đối tác liên doanh tiềm năng nhằm thành lập các công ty liên doanh trong lĩnh vực nước sinh hoạt đô thị và nước thải đô thị.

Nhìn chung tất cả các công việc hiện tại đều là tiếp cận khách hàng, xử lý công việc liên quan và chưa có bất kỳ dự án nào được hoàn thành.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia - Sacombank Securities Cambodia PLC (“SBS-Cambodia”)



Tổng quan

SBS-Cambodia là một trong ba điểm kết nối quan trọng của hành trình chinh phục thị trường vốn Đông Dương (Việt Nam – Lào – Campuchia) của Sacombank-SBS.

Là công ty trực thuộc Sacombank-SBS, được thành lập ngày 20/10/2010 tại Vương quốc Campuchia với vốn đăng ký 7.000.000 Đô la Mỹ (SBS góp 99.98%), SBS-Cambodia đặt mục tiêu trở thành nhà môi giới hàng đầu tại thị trường chứng khoán Campuchia đến năm 2012.

Ngoài chức năng Kinh doanh mua bán chứng

Các công ty liên quan

khoán và Kinh doanh môi giới chứng khoán, SBS-Cambodia là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên (trong tổng số 15 công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động tại Campuchia) được Ủy ban chứng khoán Campuchia cấp giấy phép đạt tiêu chuẩn làm Đại lý trả cổ tức (Paying Agent), Đại lý đăng ký chứng khoán (Securities Registrar Agent) và Đại lý chuyển nhượng chứng khoán (Securities Transfer Agent) do đáp ứng yêu cầu về vốn, nhân sự, cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin.

Trang thông tin:

<http://www.sacombank-sbs.com.kh>

Hoạt động và tình hình tài chính của công ty

Nền kinh tế Campuchia là một trong những thị trường có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới, dự báo sẽ thu hút luồng vốn trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài là rất lớn. Dựa vào những dự báo lạc quan, cộng với kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm chuyên môn trong ngành tài chính của Sacombank-SBS tại thị trường Việt Nam, chúng tôi dự báo trong vòng 5 (năm) năm, kể từ thời điểm thị trường chứng khoán Campuchia mở cửa, công ty sẽ thu hồi được toàn bộ vốn đầu tư cho dự án này và sẽ lên kế hoạch chuyển, thu hồi vốn trở lại Việt Nam khi công ty đi vào hoạt động ổn định tại thị trường tài chính Campuchia (dự báo từ 2013 công ty sẽ đi vào ổn định).

Ngày 20/07/2010, Bộ Kinh Tế và Tài Chính Campuchia ra thông cáo báo chí hoãn tiến độ khai trương Sở Giao Dịch Chứng Khoán Campuchia sang tháng 7/2011. Do vậy SBS-Cambodia nhìn chung trong năm 2010 chưa có hoạt động kinh doanh nào. Chi phí quản lý phát sinh tổng cộng khoảng 48.000 USD, sau khi trừ đi phần doanh thu khác, lỗ trước thuế khoảng 27.000 USD.

Trong năm 2011, định hướng SBS-Cambodia tập trung công tác đào tạo đội ngũ nhân sự giỏi, hoàn thiện quy trình quy chế, hệ thống văn bản lập quy và công nghệ thông tin, để ngay khi thị trường chứng khoán mở cửa, SBS-Cambodia sẽ chiếm vị thế nhà môi giới hàng đầu tại Campuchia.

Khó khăn, thách thức và các thành tựu đạt được

Thách thức, khó khăn

Mặc dù nhìn chung là tương đồng, nhưng môi trường hoạt động (luật pháp, các định chế tài chính, ngôn ngữ và văn hóa) giữa hai quốc gia Việt Nam và Campuchia vẫn tồn tại nhiều khác biệt. Sự cạnh tranh khốc liệt với các công ty đối thủ nước ngoài nắm rõ nhu cầu nhà đầu tư nội địa ở nước họ, đồng thời tiếp cận công nghệ tiên tiến.

Chi phí tiêu dùng (năng lượng, nhiên liệu, viễn thông, internet, v.v...) khá đắt đỏ. Thêm vào đó, mặt bằng lương đối với nhân sự ngành tài chính cao so với tại Việt Nam.

Những thành quả ban đầu đạt được

Thành lập được văn phòng hoạt động khang trang trên khuôn viên hơn 750m², tại số 56 đường Norodom, thủ đô Phnom Penh.

Là một trong hai công ty chứng khoán Việt Nam (đồng thời là 1 trong 15 công ty chứng khoán trên toàn Campuchia) được Ủy ban chứng khoán nhà nước Campuchia cấp phép hoạt động đợt đầu tiên, vào ngày 20/10/2010 (cấp phép hoạt động tự doanh và môi giới chứng khoán).

Góp phần đưa SBS trở thành công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam có mặt hoạt động tại thị trường Vốn ba nước Đông Dương Campuchia, Lào, Việt Nam.

Bước đầu thành lập được bộ khung nhân sự, tạo tiền đề tốt cho hoạt động công ty trong năm 2011.

Công ty Đại chứng Chứng khoán Lanexang (“LXS”)



Tổng quan

Là công ty liên doanh giữa Sacombank-SBS và Ngân hàng Phát triển Lào (LDB), LXS là công ty chứng khoán đầu tiên hoạt động chính danh tại Lào và sẽ được xây dựng thành cửa ngõ lớn nhất dành cho giới đầu tư nước ngoài muốn đầu tư vào Lào thông qua thị trường vốn.

Được thành lập ngày 17/11/2010 với vốn đăng ký 100.000.000.000 (một trăm tỷ) Kíp Lào (tương đương 12.800.000 Đô la Mỹ), LXS bước đầu tập trung mạnh vào dịch vụ môi giới chứng khoán và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp bên cạnh việc cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán.

Trang thông tin <http://www.lxs.com.la>

Hoạt động và tình hình tài chính của công ty

LXS được thành lập theo Giấy phép thành lập công ty chứng khoán số 001/UBCKL do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Lào (SECO) cấp ngày 01/12/2010,

là công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại thị trường chứng khoán non trẻ của Lào. Việc thành lập và đi vào hoạt động của LXS đã đánh dấu một mốc quan trọng trong sự phát triển của thị trường chứng khoán và thị trường tài chính của Lào nói chung. Thị trường chứng khoán mở ra sẽ thu hút vốn đầu tư nước ngoài đầu tư không những vào các công ty niêm yết mà đầu tư vào các lĩnh vực khác của nền kinh tế Lào.

LXS dự kiến góp đủ vốn 100 tỷ LAK tương đương với là 12.8 triệu USD trong tháng 3 năm 2011. Trên cơ sở đó, LXS dự kiến đạt được mức lợi nhuận trước thuế 4.5 triệu USD trong năm 2011. Doanh thu từ hoạt động chứng khoán dự kiến là 6.5 triệu USD. Trong 2 năm tiếp theo 2012 và 2013, lợi nhuận trước thuế dự kiến tăng từ 5%-10% so với năm 2011. Năm 2011, số lượng nhân viên của LXS khoảng 35 người, khoảng 8-10 chuyên gia biệt phái từ Việt Nam, còn lại là cán bộ và nhân viên Lào.

Định hướng năm 2011, công ty tập trung đẩy mạnh nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa cho các doanh nghiệp nhà nước Lào, nhằm tạo nguồn cung cho thị trường chứng khoán Lào. Bên cạnh đó, đẩy mạnh việc hỗ trợ cho chính phủ Lào trong việc khai thông thị trường vốn cho nước bạn.

Khó khăn, thách thức và các thành tựu đạt được

Từ lúc liên doanh ký kết MOU vào tháng 8/2010 đến lúc Sở giao dịch chứng khoán Lào giao dịch chính thức vào ngày 11/01/2011, trong 4 tháng, LXS đã gặt hái được một số thành công nhất định và cũng có nhiều thách thức đặt ra trong giai đoạn tới.

Thách thức và Khó khăn

Là một công ty mới thành lập tại Lào, LXS với những nhân sự Việt Nam, cách làm và văn hóa Việt Nam sẽ khó khăn trong sự hòa nhập với văn hóa kinh doanh Lào. Do đó, để có thể thành công trong tương lai tại Lào, LXS cần hiểu rõ văn hóa, ứng xử, cũng như lối suy nghĩ của đất nước và con người Lào.

Thị trường Lào tương đối nhỏ (dân số khoảng 6,5 triệu dân), do đó, phát triển hoạt động môi giới cho khách hàng nước ngoài cũng là một thách thức cho hoạt động kinh doanh của LXS.

Do mới đi vào hoạt động, đa số nhân viên Lào của LXS chưa có kinh nghiệm về TTCK. Do đó, LXS đang có kế hoạch gửi những nhân viên này sang Việt Nam đào tạo trực tiếp tại Sacombank-SBS để nâng cao năng lực và nghiệp vụ chứng khoán đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn tới.

Ngoài ra, hệ thống kế toán ở Lào chưa phát triển, chuẩn mực kế toán tại Lào có nhiều sai khác so với chuẩn mực kế toán quốc tế cũng là một khó khăn khi tiến hành đánh giá các doanh nghiệp của Lào đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2011, Ủy ban chứng khoán nhà nước Lào dự kiến sẽ cấp thêm giấy phép hoạt động cho khoảng 2 công ty chứng khoán. Điều này, một mặt sẽ tạo ra thách thức cho LXS, vì sự gia nhập thị trường của các công ty chứng khoán khác, đặc biệt là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, sẽ làm cho tính cạnh tranh của thị trường ngày càng cao. Mặt khác, đây cũng chính là cơ hội để LXS có động lực hoàn thiện hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư. Trước những thách thức và cơ hội đó, LXS đang xây dựng các kế hoạch cụ thể để thích ứng với các thay đổi của thị trường trong tương lai.

Thành quả đạt được

Với một thị trường mới, và với vị thế của người đi đầu thị trường, LXS có đầy đủ các lợi thế để phát triển và cung cấp mọi dịch vụ chứng khoán tới nhà đầu tư. Tuy vậy, trong điều kiện thị trường chứng khoán (TTCK) Lào mới ở giai đoạn đầu thì nghiệp vụ chủ yếu LXS cung cấp là dịch vụ môi giới chứng khoán và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Về dịch vụ môi giới, LXS hiện đã và đang khẳng định mình là một công ty có các dịch vụ môi giới chuyên nghiệp, thân thiện và hiệu quả tại thị trường này. Trong quá trình hoạt động vừa qua, doanh thu môi giới của LXS đạt bình quân 416,2 triệu KIP/tháng (tương đương với 1,1 tỷ VNĐ/tháng), số lượng tài khoản giao dịch đạt 789 tài khoản trong đó 13 tài khoản tổ chức và 776 tài khoản cá nhân. Kết quả này có được phần lớn là nhờ kinh nghiệm và công nghệ quản lý mà Sacombank-SBS đã phát triển trong một thời gian dài và đã chuyển giao tương đối thành công cho LXS trong thời gian qua. Hoạt động môi giới của LXS đã bước đầu hướng dẫn, định hướng nhà đầu tư đầu tư vào TTCK. Ngoài ra, thông qua dịch vụ môi giới của LXS trong thời gian qua, các nhà đầu tư nước ngoài có nhiều thông tin hơn về TTCK và nền kinh tế Lào, qua đó khuyến khích họ đầu tư vào TTCK của Lào.

Đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, LXS đã cùng Sacombank-SBS phối hợp tư vấn cổ phần hóa và niêm yết thành công cổ phiếu của Ngân hàng Ngoại Thương Lào (BCEL) trên Sở giao dịch chứng khoán Lào vào ngày 11/01/2011. Trong thời gian tới, Chính phủ Lào có kế hoạch cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có kết quả hoạt động kinh doanh tốt và đưa cổ phiếu của các doanh nghiệp này niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Lào. Theo kế hoạch, trong hai năm 2011 và 2012, TTCK Lào sẽ đón nhận khoảng 30 DNNN cổ phần hóa và niêm yết tại Sở Giao dịch

Chứng khoán Lào. Đây là nguồn khách hàng tiềm năng và là cơ hội không chỉ cho LXS mà cho cả công ty mẹ Sacombank-SBS.

Bên cạnh đó, một số Tập đoàn Kinh tế lớn cũng đang có kế hoạch chuyển đổi mô hình hoạt động sang mô hình công ty đại chúng (tương tự như mô hình công ty cổ phần tại Việt Nam) và tiến tới niêm yết.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”)

Sacombank

Tổng quan

- Sacombank hiện đang sở hữu 56% vốn điều lệ của Sacombank-SBS
- **Thành lập:** 21/12/1991
- **Hội sở:** 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- **Vốn điều lệ:** 9.179 tỷ đồng (tính đến 11/1/2010)
- **Vốn chủ sở hữu:** 13.633 tỷ đồng (tính đến 11/01/2010)
- **Số lượng điểm giao dịch:** gần 400 điểm (trong đó một ở Campuchia và hai ở Lào)
- **Trang thông tin:** <http://www.sacombank.com.vn>

Hoạt động và tình hình tài chính của Sacombank

Quá trình hình thành và phát triển

1991-1995: Sacombank thành lập ngày 21/12/1991, từ việc sáp nhập Ngân hàng Phát triển kinh tế Gò Vấp và 3 tổ chức tín dụng. Vốn điều lệ ban đầu 3 tỷ đồng. Là mô hình NHTMCP đầu tiên tại Tp. Hồ Chí Minh

1996-2000: Là ngân hàng phát hành cổ phiếu đại chúng đầu tiên, tăng vốn điều lệ lên 71 tỷ đồng (1997)

2001-2005: Ký kết hợp đồng triển khai hệ thống Corebanking T-24 với công ty Temenos (06/2004).

Thành lập

- Công ty liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM) (14/07/2003), liên doanh cùng Dragon Capital, trong đó Sacombank nắm 51% vốn cổ phần.
- Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (Sacombank-SBA) (25/12/2002).
- **2006-2010:** Trở thành ngân hàng đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, (12/07/2006).
- Công ty Kiểu hối Sacombank-SBR, (24/01/2006).
- Công ty Cho thuê tài chính Sacombank-SBL, (10/07/2006).
- Công ty Chứng khoán Sacombank-SBS, (20/10/2006).
- Công ty Vàng bạc đá quý (28/11/2008).
- Mở chi nhánh tại Lào (12/12/2008).
- Mở chi nhánh tại Campuchia (23/06/2009).

Phủ kín mạng lưới hoạt động tại miền Tây, Trung, Đông Nam Bộ và Tây nguyên.

Công bố hình thành Tập đoàn (16/05/2008) nhằm cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp và cá nhân.

Chuyển đổi và nâng cấp hệ thống T24 toàn hệ thống (2009).

Các thành tựu đạt được

Là Ngân hàng đầu tiên niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên mở rộng mạng lưới hoạt động ra ngoài biên giới, thành lập chi nhánh tại Lào và Campuchia;

Là Ngân hàng tiên phong khai thác các mô hình ngân hàng đặc thù dành riêng cho phụ nữ (Chi nhánh 8 tháng 3) và cộng đồng nói tiếng Hoa (Chi nhánh Hoa Việt). Sự thành công của các chi nhánh đặc thù là minh chứng thuyết phục về khả năng phân khúc thị trường độc đáo và sáng tạo của Sacombank;

Từ năm 2004, Sacombank đã được các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, FMO, ADB, Proparco... ủy thác các nguồn vốn có giá thành hợp lý để hỗ trợ các cá nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam thông qua việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về minh bạch báo cáo tài chính, có chiến lược phát triển bền vững và năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro tốt, có mạng lưới chi nhánh rộng lớn và mục đích sử dụng vốn hợp lý;

Là Ngân hàng đầu tiên kết hợp cùng các Công ty trực thuộc và các Công ty liên kết công bố hình thành mô hình Tập đoàn, trong đó Sacombank đóng vai trò hạt nhân. Việc hình thành mô hình Tập đoàn là điều kiện để phát triển các giải pháp tài chính trọn gói với chi phí hợp lý, nhằm tạo giá trị gia tăng cho khách hàng đồng thời nâng cao sức mạnh trong quá trình hội nhập của Sacombank và nhóm các Công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực tài chính và phi tài chính.

Tình hình tài chính

Sacombank đạt 2,426 tỷ lợi nhuận trước thuế trong năm 2010, tăng 27.6% so với năm 2009, LNST đạt 1.796 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2009 [số liệu chưa kiểm toán. Thu nhập từ lãi, dịch vụ và thu nhập khác của STB trong năm 2010 tăng trưởng mạnh so với năm 2009. Trong quý 4/2010, các hoạt động tăng trưởng mạnh và đem lại thu nhập lớn cho ngân hàng là thu nhập từ lãi (đạt hơn 1.100 tỷ đồng, tăng 88% so với quý 4/2009); lãi từ dịch

vụ (đạt gần 440 tỷ đồng, gấp đôi quý 4/2009); lãi từ hoạt động khác (đạt gần 360 tỷ đồng trong khi cùng kỳ 2009 lỗ hơn 36 tỷ). Lũy kế cả năm 2010, thu nhập từ lãi của ngân hàng đạt hơn 3.300 tỷ đồng, tăng 53,5% so với năm 2009; hoạt động dịch vụ thu lãi hơn 925 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2009; hoạt động khác mang về 479 tỷ đồng, gấp gần 18 lần cùng kỳ 2009; thu nhập từ góp vốn cũng mang lại hơn 574 tỷ đồng, tăng 120% so với năm 2009.

Chiến lược và mục tiêu của các hoạt động đầu tư ra nước ngoài và vai trò của nó đối với chiến lược lâu dài của Sacombank-SBS

[Chiến lược và mục tiêu của Sacombank-SBS với hoạt động đầu tư tại Campuchia thông qua SBS-Cambodia](#)

Từ những ngày đầu thành lập, Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của Sacombank-SBS sớm hoạch định chiến lược mở rộng hoạt động ra ngoài biên giới Việt Nam, sang thị trường Campuchia và Lào; nhằm đưa Sacombank-SBS trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu ở khu vực Đông Dương, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ Ngân hàng đầu tư. Mở rộng hoạt động tại Campuchia và Lào sẽ tạo lợi thế tương hỗ, làm cầu nối lẫn nhau cho thị trường vốn khu vực Đông Dương; góp phần vào sự phát triển chung trong khu vực.

Với tầm nhìn chiến lược nhằm đưa SBS-Cambodia trở thành nhà môi giới hàng đầu tại TTCK Campuchia vào năm 2012. Từ giữa năm 2011, SBS-Cambodia sẽ tập trung đẩy nhanh, mạnh công tác môi giới, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư để tạo dựng uy tín thương hiệu, phát triển hệ thống khách hàng, chiếm lĩnh thị phần môi giới. Bên cạnh đó, bằng kinh nghiệm và sự nhạy bén của đội ngũ cán bộ điều hành và các chuyên gia tại công ty mẹ,

SBS-Cambodia cũng sẽ chú ý, không bỏ lỡ những cơ hội tự doanh ngắn và trung hạn của một thị trường mới, để gặt hái lợi nhuận.

Chiến lược và mục tiêu của Sacombank-SBS với hoạt động đầu tư tại Lào thông qua công ty đại chúng chứng khoán Lanexang

Theo kế hoạch, trong thời gian tới Sacombank-SBS tiếp tục hỗ trợ LXS về kinh nghiệm phát triển thị trường, công nghệ quản lý, hệ thống thông tin và vốn để có thể giữ vững vị thế là công ty chứng khoán dẫn đầu tại thị trường Lào. Sau khi Sacombank-SBS chính thức được Nhà nước Việt Nam cấp phép đầu tư và góp đủ vốn vào LXS, cơ chế phối kết hợp giữa công ty mẹ - công ty con sẽ được xác lập để hoạt động của LXS tại Lào được hỗ trợ một cách tốt nhất từ phía Sacombank-SBS và ngược lại LXS cũng sẽ trở thành cầu nối cho các nhà đầu tư là khách hàng của Sacombank-SBS có thể đầu tư vào thị trường mới mẻ này.

Với mục tiêu chiến lược được đặt ra đối với LXS từ phía công ty mẹ Sacombank-SBS là “LXS là công ty chứng khoán lớn nhất tại TTCK Lào và là cửa ngõ cho các nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư vào thị trường Lào thông qua thị trường vốn”, LXS phải duy trì vị thế nhà môi giới tốt nhất với thị phần lớn nhất và có hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp đáp ứng được nhu cầu và yêu cầu của thị trường.

Để hiện thực hóa các mục tiêu này, cả LXS và công ty mẹ Sacombank-SBS đều phải có những phương án, biện pháp phù hợp và hiệu quả. Đối với LXS, việc quan trọng nhất là tiếp tục củng cố, hoàn thiện bộ

máy nhân sự và cơ cấu tổ chức để hoạt động kinh doanh được diễn ra thuận lợi, thông suốt. Đồng thời, LXS sẽ tiếp tục gửi nhân sự sang công ty mẹ để tiến hành đào tạo nhằm nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên người Lào. Sacombank-SBS tiếp tục cử nhân sự biệt phái và chuyên gia sang Lào giúp LXS trong giai đoạn tới, ngoài ra Sacombank-SBS với vị thế là công ty mẹ sẽ không ngừng hỗ trợ LXS về mặt công nghệ thông tin, công nghệ quản lý, đào tạo nhân sự và vốn... để LXS đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Vai trò của hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với chiến lược dài hạn của Sacombank-SBS

Sacombank-SBS hướng đến mục tiêu trở thành định chế tài chính hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường vốn tại khu vực Đông Dương (Việt Nam – Lào – Campuchia). Là cửa ngõ kết nối đầu tư cho các luồng vốn quốc tế vào các nền kinh tế mới nổi tại khu vực này. Việc mở rộng hoạt động tại Lào và Campuchia nằm trong chiến lược phát triển của Sacombank-SBS giai đoạn 2011-2020.



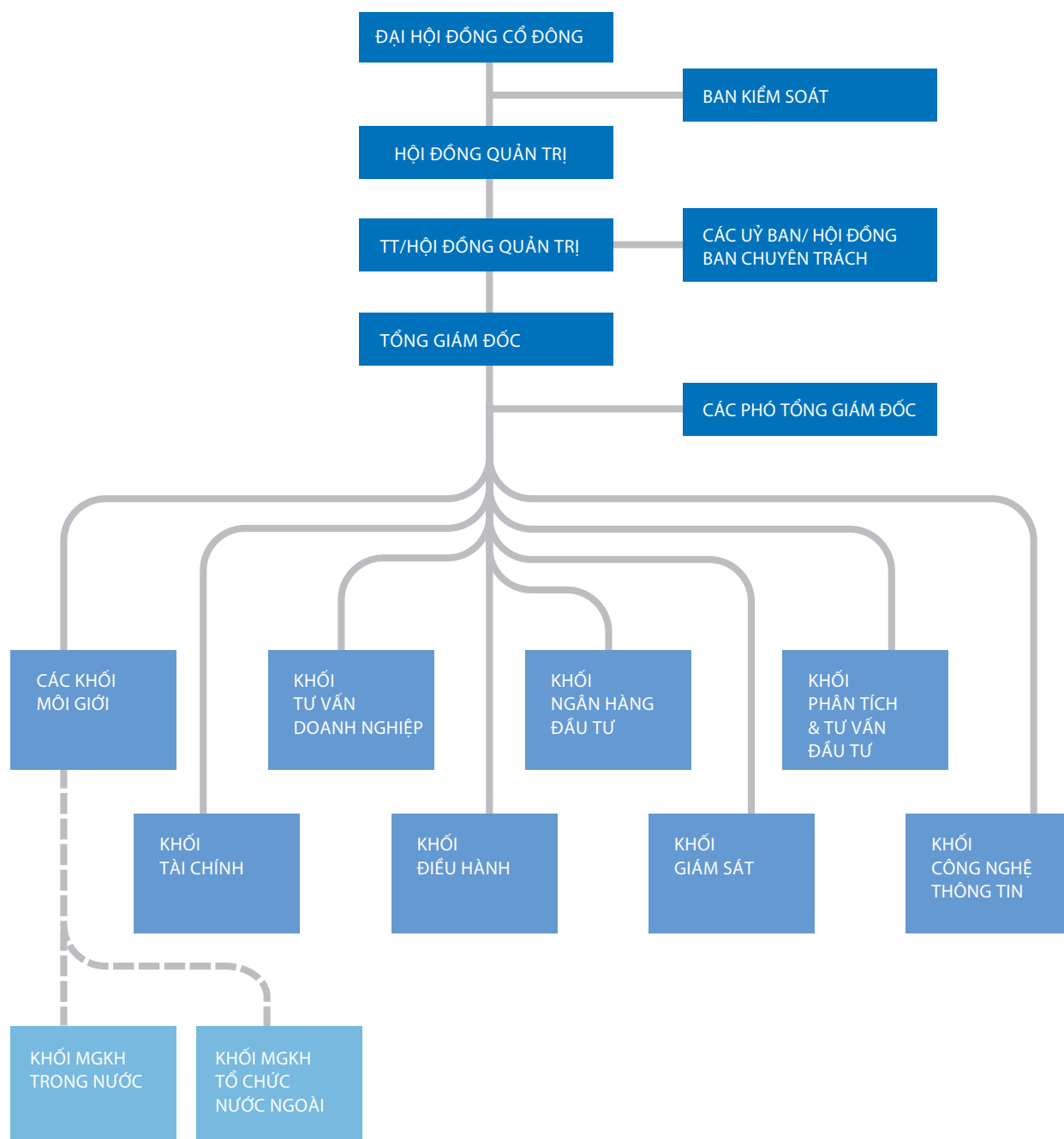


Tổ chức nhân sự

- 118 Cơ cấu tổ chức nhân sự của công ty
- 119 Thành viên Ban Điều Hành
- 120 Quyền lợi của Ban Điều Hành
- 120 Tình hình nhân sự và các chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên



Cơ cấu tổ chức nhân sự của công ty



Thành viên Ban Điều Hành



Ông **Nguyễn Thanh Hùng**

Tổng Giám Đốc

Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Đại học Kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh

Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh



Bà **Thiều Minh Anh Thư**

Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành

Cử nhân Tài chính kế toán, Đại học Kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh



Ông **Nguyễn Huy Cường**

Phó Tổng Giám Đốc - Khối Môi giới, Phân tích và
Tư vấn đầu tư

Cử nhân Tài chính kế toán, Đại học Kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh (1994-1998)

Thành viên Ban Điều Hành



Ông **Ngô Quảng Phú**

Phó Tổng Giám Đốc - Khối Ngân hàng đầu tư và
Tư vấn doanh nghiệp

Cử nhân Tài chính kế toán, Đại học Kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh



Ông **Nguyễn Thế Tài**

Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, Đại học
Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Bằng kỹ thuật viên cao cấp ngành Tin học quản lý
trường Nghiệp vụ Tin học và quản lý Hoa Sen



Bà **Nguyễn Bích Thủy**

Kế toán trưởng

Cử nhân Kế toán công nghiệp, Đại học Tài chính
Kế toán

Quyền lợi của Ban Điều Hành

- Các chế độ theo Luật lao động;
- Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn 24/24;
- Thưởng vào các dịp lễ lớn, thưởng tháng lương thứ 13 và được xét thi đua khen thưởng vào cuối năm căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm của công ty;
- Trợ cấp công tác phí, phí điện thoại đi động hàng tháng;
- Được cấp xe hơi riêng để đưa đón đi làm;

Tình hình nhân sự và các chế độ chính sách dành cho CBNV

Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2010, Sacombank-SBS có 384 Nhân viên chính thức trên toàn hệ thống, trong đó 6.8% có trình độ thạc sĩ, 75.8% có trình độ Đại học.

Các chế độ chính sách dành cho CBNV

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Luật Lao động ngoài ra công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn cho CBNV. Công ty còn trích từ quỹ phúc lợi và quỹ công đoàn để thưởng cho CBNV vào các dịp lễ tết, trợ cấp cho CBNV vào các dịp hiếu hỷ, ma chay, thai sản, ốm đau.

Ngoài ra, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm và mức độ hoàn thành công việc của nhân viên, công ty quyết định mức thưởng hàng năm cho nhân viên làm việc tại công ty trên cơ sở tiền lương của vị trí công việc mà nhân viên đảm trách.

Thay đổi thành viên Ban Điều Hành

Ông Nguyễn Thanh Phong - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối Công nghệ thông tin và phòng Hệ thống giao dịch thôi giữ chức này và có quyết định biệt phái sang công ty TNHH MTV Thương mại - Công nghệ Sài Gòn Thương Tín (STB-Tech) từ ngày 02/08/2010.

Bà Phạm Trần Thu Hà - Phó Tổng Giám Đốc Điều hành thôi giữ chức vụ này và có quyết định điều động về Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, kể từ ngày 01/03/2011.



Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

- 124 Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát
- 127 Các dữ liệu thống kê và cổ đông



Hội Đồng Quản Trị



Ông **Nguyễn Hồ Nam**

Chủ tịch HĐQT Sacombank-SBS

Chủ tịch HĐQT SBS-Cambodia

Cố vấn cao cấp HĐQT Công ty Đại chúng

Chứng khoán Lanexang

Cử nhân Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế

Thành phố Hồ Chí Minh

Thạc sĩ tài chính ngân hàng, Đại học Monash, Úc



Ông **Mạc Hữu Danh**

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Viện UBI - Bỉ)

Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Đại học Ngân hàng

Thành phố Hồ Chí Minh

Cử nhân Anh ngữ, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội



Ông **Đinh Hoài Châu**

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Cử nhân Tài chính tín dụng, Đại học Kinh tế

Thành phố Hồ Chí Minh

Cử nhân Kế toán, Đại học RMIT Melbourne, Úc



Ông **Trần Thanh Hải**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh và công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Unicom (từ năm 2007 đến nay)
Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc điều hành - công ty Gôn Phúc An Ngọc Việt (từ năm 2009 đến nay)



Bà **Nguyễn Thị Bình**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Raffles, Singapore

Ban Kiểm Soát



Ông **Hoàng Khánh Sinh**

Trưởng Ban Kiểm Soát

Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân Hàng
Thành phố Hồ Chí Minh



Bà **Trần Thị Mai Hương**

Thành viên Ban Kiểm Soát

Cử nhân ngành Kinh tế tài chính, Đại học Kinh Tế
Thành phố Hồ Chí Minh
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Columbia,
Hoa Kỳ



Bà **Đặng Huỳnh Ước My**

Thành viên Ban Kiểm Soát

Cử nhân Quản trị kinh doanh và tài chính,
Đại học Auckland, New Zealand

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2010

Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch	5	100%	
Ông Đinh Hoài Châu	Phó chủ tịch thường trực	5	100%	
Ông Mạc Hữu Danh	Phó chủ tịch thường trực	5	100%	
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên	4	80%	1 buổi họp vắng mặt do công tác nước ngoài (Ủy quyền tham dự và biểu quyết cho ông Nguyễn Hồ Nam)
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên	5	100%	

Hoạt động giám sát của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) đối với Ban Điều Hành (BDH)

Với ba bộ phận hoạt động độc lập (HĐQT, BKS và BDH) cùng cơ chế hoạt động thường trực của HĐQT (gồm 3 thành viên) và BKS (2 thành viên) thì công tác hỗ trợ cũng như giám sát hoạt động của BDH rất sát sao và kịp thời.

Trong năm 2010, không tính các cuộc họp của HĐQT thì Thường trực Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành các cuộc họp như sau:

27 cuộc họp hàng tuần vào sáng thứ 2 hàng tuần, thành phần bao gồm Thường trực Hội Đồng Quản Trị, Trưởng Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành. Cuộc họp giao ban hàng tuần cập nhật nhanh tình hình hoạt động trong tuần của Ban Điều Hành và chỉ đạo của Thường trực Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

3 cuộc họp định kỳ - Họp giao ban mở rộng thành phần bao gồm Thường trực Hội Đồng Quản Trị, bà Nguyễn Thị Bình và Ban Điều Hành.

Nội dung: Ban Điều Hành báo cáo kết quả kinh doanh tháng trước và kế hoạch hành động của các tháng tiếp theo, ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

4 cuộc họp bất thường

- Thành phần bao gồm Thường trực Hội Đồng Quản Trị, Trưởng Ban Kiểm Soát và Cán bộ chủ chốt của các phòng ban.
- Nội dung: đánh giá lại lợi thế cạnh tranh của Sacombank-SBS và định hướng phát triển của Sacombank-SBS trong thời gian tới để đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010.

- Thành phần bao gồm Thường trực Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát và toàn thể CBNV công ty.
- Nội dung: Sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2010. Đánh giá lại kết quả hoạt động của SBS trong 6 tháng đầu năm 2010 và định hướng phát triển của SBS trong thời gian tới để đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010.
- Thành phần bao gồm Thường trực Hội Đồng Quản Trị.
- Nội dung: Phân bổ số cổ phần còn lại sau khi thực hiện quyền mua cổ phiếu SBS.
- Thành phần bao gồm Thường trực Hội Đồng Quản Trị.
- Nội dung: Đề ra trọng tâm hoạt động trong quá trình xây dựng kế hoạch, điều hành kế hoạch, công tác tái cấu trúc Sacombank-SBS giai đoạn 2011-2015.

Hoạt động của các Ủy ban và Hội đồng trực thuộc Hội Đồng Quản Trị

Sacombank-SBS hiện có 23 Hội đồng và Ủy ban do Thường trực Hội Đồng Quản Trị, Trưởng Ban Kiểm Soát đảm trách các vị trí Chủ tịch.

Hầu hết các Ủy ban đều đã triển khai hoạt động và đưa ra các định hướng hành động cho Ban Điều Hành, trong đó có các ủy ban hoạt động thường xuyên và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động hàng ngày như:

- Ủy ban Nguồn vốn
- Ủy ban Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư
- Ủy ban Hiện đại hóa Công nghệ thông tin
- Ủy ban Kế hoạch chiến lược và Phát triển sản phẩm
- Ủy ban Quản lý rủi ro
- Ủy ban Kiểm toán
- Ủy ban Tín dụng
- Ủy ban Xử lý khủng hoảng
- Hội đồng đầu tư
- Ủy ban Nhân sự cấp cao
- Hội đồng kỷ luật
- Hội đồng đào tạo
- Ban tái cấu trúc
- Ủy ban Kế hoạch và Chiến lược phát triển
- Ban đối ngoại

Tuy tình hình còn nhiều khó khăn, nhưng thông qua các Ủy ban - Hội đồng, HĐQT, BKS và Ban Điều Hành đã đưa ra các giải pháp hợp lý đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh cả năm.

Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
04/2010/NQ-HĐQT	22/04/2010	V/v Điều chỉnh Đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp
05/2010/NQ-HĐQT	27/04/2010	V/v Hợp HĐQT quý 2 ngày 27/04/2010
06/2010/NQ-HĐQT	28/06/2010	V/v Điều chỉnh giá niêm yết cổ phiếu
08/2010/NQ-HĐQT	30/07/2010	V/v Sửa đổi Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CPCK NHSGTT
09/2010/NQ-HĐQT	30/07/2010	V/v Tái bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc
10/2010/NQ-HĐQT	02/08/2010	V/v Thông qua nội dung đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu
11/2010/NQ-HĐQT	02/08/2010	V/v Thông qua bộ hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng nộp UBCKNN
12/2010/NQ-HĐQT	03/08/2010	V/v Thông qua kết quả đợt phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2010
13/2010/NQ-HĐQT	18/08/2010	V/v Phát hành trái phiếu riêng lẻ
14/2010/NQ-HĐQT	20/09/2010	V/v Thông qua việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với việc thay đổi kế hoạch kinh doanh năm 2010
15/2010/NQ-HĐQT	03/12/2010	V/v Những trọng tâm xây dựng và điều hành kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2015.
16/2010/NQ-HĐQT	03/12/2010	V/v Phân bổ số cổ phần còn lại do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền từ đợt chào bán ra công chúng theo tỷ lệ 3:1 của công ty
17/2010/NQ-HĐQT	16/12/2010	V/v Thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán
01/2011/NQ-HĐQT	13/01/2011	V/v quyết định ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2010

Thay đổi thành viên Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2010, thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín không có thay đổi thành viên.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ đông nước ngoài

Tỉ lệ cổ đông nước ngoài chiếm 3.83%/ 110.000.000 cổ phiếu (số liệu chốt bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán ngày 28/02/2011)

Thông tin cổ đông và quản trị công ty

Họ tên	Địa chỉ liên hệ	CNTC	Số lượng cổ phần sở hữu
AKIMOTO HIROYUKI	7-3-3 Shinozaki-machi Edogawa-ku Tokyo Japan	Cá nhân	1.700
Akira Onodera	211-35 Kayama, Hidaka, Saitama, Japan	Cá nhân	500
David Jonathan Lee	101 West 77th St, APT # E, New York, NY 10024	Cá nhân	500
Fujioka Masanori	4-1-1-1703, Fukadacho, Nada-ku, Kobesi, 657-0038 Japan	Cá nhân	400
GOTO TOSHIHIKO	1-19-15, Tsubogawadai, Seki-City, Gifu 501-3946, Japan	Cá nhân	200
Han Wu Yi	Km9, 14 Road Hai Thanh, Kien Thuy, Hai Phong	Cá nhân	6.900
Ikeda Hirofumi	3-1-12-205 Gyota Funabashi city Chiba Province Japan	Cá nhân	200
Kanda Yujiro	3-2-18 Asahicho, Atsugisi, Kanagawa 243-0014, Japan	Cá nhân	500
Kawaguchi taiji	688-1, Kibuki, Kasugai, Aichi, Japan487-0014	Cá nhân	100
LIAO CHI HUI	112 Lô 4 c/c Phú Thọ	Cá nhân	1.000
OKUDA MITSUO	3-7-5 Yukarigaoka Sakura-shi Chiba Japan	Cá nhân	2.000
Orimo Hideaki	1-33-7 Yokoyamadai, Chuo-ku, Sagamiharashi, Kanagawa, 252-0241, Japan	Cá nhân	3.000
SHIMIZU TAKUYA	1-17-6-201 Yaguchi Ota-ku Tokyo 112	Cá nhân	1.700
Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	Cá nhân	200
Youn Seong Uk	Ấp ông Đông - Tân thiệp - Tân Uyên - Bình Dương	Cá nhân	4.700
Yutaka Noda	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	Cá nhân	270
BI PRIVATE EQUITY NEW MARKETS II K/S	Sundkrogsgade 7, DK-2100, Copenhagen 0, Denmark	Cá nhân	1.991.870
CREDIT SUISSE (HONG KONG) LTD	45 TH AND 46TH FLOORS, TWO EXCHANGE SQUARE, CON-NAUGHT PLACE, CENTRAL, HONGKONG	Tổ chức	158.860
Emerald Asia Vietnam Growth Fund, LP.	56 Manor Lane West, Yardley, PA 19067	Tổ chức	4500
HARVEST GLOBAL INVESTMENT PTE LTD	03 SHENTON WAY, #24-03 SHENTON HOUSE, SINGAPORE (068805)	Tổ chức	1.355.000
HORIZON	KBC SECURITIES TAV HILDE DE VOS DIENST RECONCILIATIE VCS HAVENLAAN 12,1080 BRUSSEL	Tổ chức	112.230
IWAI SECURITIES CO., LTD	1-8-16 Kitahama Chuo-ku Osaka 541-0041 Japan	Tổ chức	3.800
NEW-S SECURITIES CO., LTD.	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	Tổ chức	3.260
OLD SQUARE CAPITAL MASTER FUND, L.P	Butterfield House, 68 Fort Street, PO Box 705 GT, Grand Cayman, Caymand Islands	Tổ chức	20.000
TONG YANG (PRIVATE PLACEMENT)	6th Floor, TYIB Big, #23-8 Yeoido-dong,	Tổ chức	220.000
VIETNAM PRIVATISATION FUND 1	Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea.		
TONG YANG (PRIVATE PLACEMENT)	6th Floor, TYIB Big, #23-8 Yeoido-dong,	Tổ chức	113.000
VIETNAM PRIVATISATION FUND 1	Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea.		
TONG YANG (PRIVATE PLACEMENT)	6th Floor, TYIB Big, #23-8 Yeoido-dong,	Tổ chức	2.880
VIETNAM PRIVATISATION FUND 1	Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea.		
TONG YANG (PRIVATE PLACEMENT)	6th Floor, TYIB Big, #23-8 Yeoido-dong,	Tổ chức	196.020
VIETNAM PRIVATISATION FUND 1	Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea.		

Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan

Giao dịch cổ đông nội bộ

Họ và Tên	Số CMND	Ngày cấp	Số lượng ban đầu	Số lượng giao dịch	Thời gian dự kiến giao dịch	Thời gian thực hiện
Thiếu Minh Anh Thư	023092987	17/06/2007	161.983	7.500	04/03/2011 đến 04/05/2011	
Đinh Nguyễn Hoài Phương	023424289	02/11/2007	38.500	11.550	18/02/2011 đến 18/04/2011	02/03/2011
Đinh Hoài Châu	023316188	10/11/1998	233.330	53.420	19/03/2011 đến 19/05/2011	21/03/2011

Giao dịch cổ đông lớn

Họ và Tên	Số CMND	Ngày cấp	Số lượng ban đầu	Số lượng giao dịch	Thời gian dự kiến giao dịch	Thời gian thực hiện
Nguyễn Thanh Hùng	024933911	03/05/2008	175.000	175.000	10/11/2010 đến 12/11/2010	10/11/2010 đến 12/11/2011
Nguyễn Thị Bích Thủy	022792993	03/10/2005	37.450	37.450	10/11/2010 đến 12/11/2011	10/11/2010 đến 12/11/2012
Mạc Hữu Danh	022018749	18/05/2010	175.000	175.000	10/11/2010 đến 12/11/2012	10/11/2010 đến 12/11/2013

Giao dịch của người có liên quan như sau

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
Nguyễn Thế Chuẩn	Cha Ông Nguyễn Huy Cường - PTGD	0	0	91.590	0.08%	Mua
Vũ Thị Ngoãn	Mẹ Ông Nguyễn Huy Cường - PTGD	0	0	225.070	0.2%	Mua

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc Điều Hành, Ban Kiểm Soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

- Ông Mạc Hữu Danh – Phó Chủ tịch chuyển nhượng 58.333 cổ phiếu
- Ông Nguyễn Thanh Hùng – Tổng Giám Đốc chuyển nhượng 58.333 cổ phiếu
- Bà Nguyễn Bích Thủy – Kế toán trưởng chuyển nhượng 12.483 cổ phiếu

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc

Thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong năm 2010 là VND 4.392.756.756 bằng 80.5% so với Kế hoạch thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (VND 5.460.000.000)





Thông tin liên lạc



HỘI SỞ

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBS)

ĐC: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 6268 6868 - Fax: (08) 6255 5939

Hotline: (08) 6255 5950

E-mail: contact_vn@sbsc.com.vn

Email: ir@sbsc.com.vn (Bộ phận quan hệ với nhà đầu tư)

URL: www.sbsc.com.vn

Chi nhánh Sài Gòn

ĐC: 63B Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 214 888 - Fax: (08) 38 213 015

Chi nhánh Hoa Việt

ĐC: 36-38 Phùng Hưng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 54 78 58 Ext: 101 - Fax: (08) 38 54 78 56

Email: contact_chinese@sbsc.com.vn

HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội

ĐC: Tầng 6 và 7 - số 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04) 39 42 80 76 - Fax: (04) 39 42 80 75

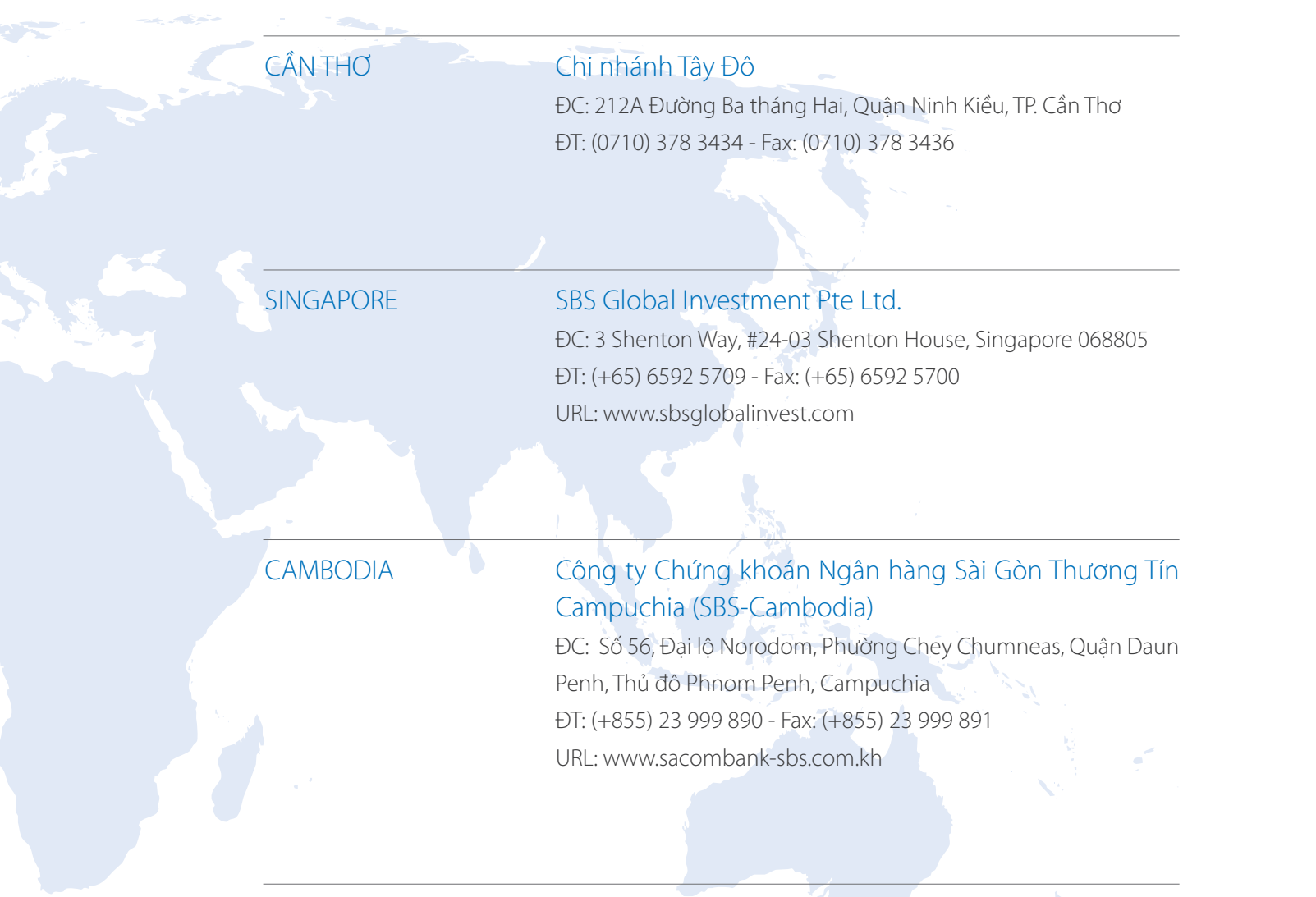
Email: hanoi@sbsc.com.vn

ĐÀ NẴNG

Chi nhánh Đà Nẵng

ĐC: 62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

ĐT: (0511) 3 81 86 86 - Fax: (0511) 3 81 88 86



VŨNG TÀU

Chi nhánh Vũng Tàu

ĐC: Tầng 3 - số 67A Lê Hồng Phong, TP. Vũng Tàu

ĐT: (064) 35 53 398 - Fax: (064) 35 53 390

CẦN THƠ

Chi nhánh Tây Đô

ĐC: 212A Đường Ba tháng Hai, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT: (0710) 378 3434 - Fax: (0710) 378 3436

SINGAPORE

SBS Global Investment Pte Ltd.

ĐC: 3 Shenton Way, #24-03 Shenton House, Singapore 068805

ĐT: (+65) 6592 5709 - Fax: (+65) 6592 5700

URL: www.sbsglobalinvest.com

CAMBODIA

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia (SBS-Cambodia)

ĐC: Số 56, Đại lộ Norodom, Phường Chey Chumneas, Quận Daun Penh, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

ĐT: (+855) 23 999 890 - Fax: (+855) 23 999 891

URL: www.sacombank-sbs.com.kh

LAO P.D.R.

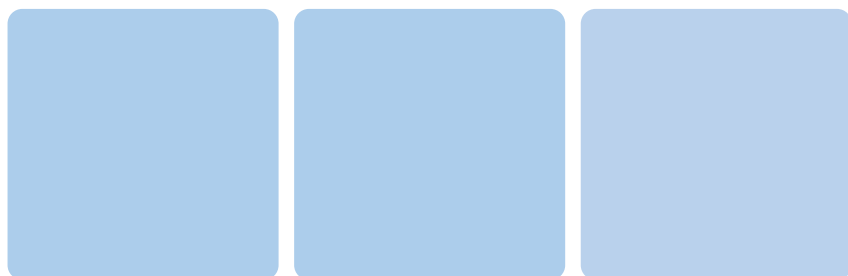
Công ty Đại chúng Chứng khoán Lanexang (LXS)

ĐC: Tầng 5, Sở giao dịch chứng khoán Lào, Ban Phonthan Neua, quận Saysettha, Thủ đô Vientiane, CHDCND Lào

ĐT: (+856) 21 265 468 - Fax: (+856) 21 265 466 (Front Office) - (+856) 21 265 465 (Back Office)

Email: lanexang@lxs.com.la; lxs_info@lxs.com.la

URL: <http://lxs.com.la>



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM

Tel: (84-8) 6268 6868

Fax: (84-8) 6255 5939

URL: www.sbsc.com.vn

